

**TỈNH ỦY QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ**
*



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

**Đại thắng mùa Xuân năm 1975: Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc,
khát vọng hoà bình, độc lập dân tộc và ý chí thống nhất đất nước
với sự nghiệp đổi mới, hội nhập hiện nay**

Quảng Ninh, tháng 4 năm 2025

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Trưởng ban

ThS. Phạm Thùy Dương, Hiệu trưởng
Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

Phó trưởng ban

TS. Đỗ Minh Tuấn, Phó Hiệu trưởng
Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

Các thành viên

ThS Bùi Thị Tươi, Trưởng khoa Xây dựng Đảng
ThS Nguyễn Thị Hương Giang, Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng
ThS Lê Hồng Sinh, Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu
ThS Tạ Văn Tú, Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo & NCKH

TIỂU BAN NỘI DUNG

Trưởng Tiểu ban

ThS Bùi Thị Tươi, Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Phó trưởng Tiểu ban

ThS Nguyễn Thị Hương Giang, Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Các thành viên

ThS Đào Thị Mai Hương, Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng,

ThS Nguyễn Thị Thu Hiền, Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng,

ThS Ngô Thị Ninh Dung, giảng viên khoa Xây dựng Đảng,

ThS Hoàng Thị Thu Hiền, giảng viên khoa Xây dựng Đảng,

ThS Nguyễn Thị Nhị, giảng viên khoa Xây dựng Đảng,

ThS Chu Lữ Hồng Trang, giảng viên khoa Xây dựng Đảng,

ThS Đặng Thành Dương, giảng viên khoa Xây dựng Đảng,

ThS Ngô Thị Tâm, giảng viên khoa Xây dựng Đảng.

MỤC LỤC

STT	Tên bài	Tác giả	Trang
1	Báo cáo đề dẫn		7
2	Công tác chỉ đạo, định hướng giáo dục lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện nay	ThS Hoàng Văn Hải <i>Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ</i>	9
3	Tầm vóc, ý nghĩa lịch sử to lớn của Đại thắng mùa Xuân năm 1975	ThS Đặng Thành Dương <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	17
4	Bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng về chính trị qua Đại thắng mùa Xuân 1975	ThS Đào Thị Mai Hương <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	24
5	Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng - nhân tố quyết định Đại thắng mùa Xuân năm 1975	ThS Chu Lữ Hồng Trang <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	28
6	Đại thắng mùa Xuân 1975 và bài học về ngoại giao, đoàn kết quốc tế	ThS Nguyễn Thị Hương Giang <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	34
7	Ý nghĩa của Đại thắng mùa Xuân 1975 với công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước ngày nay	ThS Trần Thị Thu Trang <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	40
8	Giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 trong tổ chức, xây dựng xã hội mới	ThS Phạm Thu Phương <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	44
9	Giá trị lịch sử và thời đại của Đại thắng mùa Xuân 1975 trong bối cảnh toàn cầu hóa	ThS Phan Thị Hải Yến <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	51
10	Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - sức mạnh của đoàn kết quốc tế, sức mạnh thời đại	ThS Ngô Thị Ninh Dung <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	59
11	Phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - bài học từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975	ThS Tô Thị Thanh Lê <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	67
12	Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc	ThS Đặng Thị Kiều Liên <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	80
13	Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - Tinh hoa chủ nghĩa yêu nước từ truyền thống đến hiện tại	ThS Nguyễn Đức Phương <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	87
14	Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - nốt ca khởi đầu cho khát vọng xây dựng đất nước thống nhất, phồn vinh, hạnh phúc	ThS Nguyễn Thị Ngọc Lan <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	95
15	Thành tựu phát triển 50 thống nhất đất nước nền tảng vững chắc để Việt Nam bước vào kỷ	ThS Ngô Thị Tâm <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	101

	nguyên vẹn mình của dân tộc		
16	Vận dụng bài học xây dựng thể trận lòng dân vững chắc từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay	ThS Hoàng Thị Thu Hiền <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	107
17	Vận dụng bài học đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào giảng dạy bài 2: Những thành tựu chủ yếu của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay	ThS Nguyễn Thị Nhị <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	117
18	Từ bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc qua Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đến cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay	ThS Nguyễn Minh Hải <i>Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	121
19	Kinh nghiệm vận dụng các bài học lịch sử vào giảng dạy chuyên đề lịch sử địa phương	Đặng Thị Nha <i>Trung tâm Chính trị thành phố Đông Triều</i>	126
20	Phát huy bài học sức mạnh đại đoàn kết dân tộc từ Đại thắng mùa Xuân 1975 trong xây dựng và phát triển Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền <i>Khoa Xây dựng Đảng</i>	134
21	Vai trò của thanh niên trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên vẹn mình	ThS Đàm Thị Thu <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	141
22	Phát huy cội nguồn sức mạnh làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ đổi mới tại tỉnh Quảng Ninh	TS Đỗ Minh Tuấn <i>Phó Hiệu trưởng Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ</i>	146
23	Đại thắng mùa Xuân 1975 - Thắng lợi của khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	TS Phạm Thị Lệ Ngọc <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	154
24	Đại thắng mùa Xuân 1975: Biểu tượng của khát vọng hòa bình và ý chí tự cường dân tộc	ThS Phạm Thị Vân Anh <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	162
25	Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong Đại thắng mùa Xuân 1975 với khát vọng vẹn mình của dân tộc	ThS Nguyễn Thị Thanh Thuý <i>Khoa Lý luận cơ sở</i>	167
26	Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam từ năm 1975 đến thời kỳ hội nhập quốc tế	ThS Nguyễn Thị Hải Ninh <i>Phòng QLĐT&NCKH</i>	174
27	Lòng ghép giáo dục ý nghĩa lịch sử và tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Đại thắng mùa Xuân 1975 vào các bài giảng ngoại ngữ	ThS Nguyễn Thị Hải Yến <i>Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học</i>	181

28	Vận dụng bài học phát huy nhân tố con người từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại tỉnh Quảng Ninh	ThS Trần Ngọc Sơn <i>Trung tâm Hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực</i>	188
29	Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc: Bài học từ chiến thắng 1975 và sự vận dụng trong kỷ nguyên mới của dân tộc	ThS Phạm Khánh Phương <i>Phòng QLĐT&NCKH</i>	193
30	Đại thắng mùa Xuân 1975 - Tự hào và trách nhiệm của thế hệ trẻ trường Đại học Hạ Long	ThS Bùi Thị Minh Huệ <i>Đại học Hạ Long</i>	200

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

Hội thảo khoa học “Đại thắng mùa Xuân năm 1975: Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng hoà bình, độc lập dân tộc và ý chí thống nhất đất nước với sự nghiệp đổi mới, hội nhập hiện nay”

Kính thưa Quý đại biểu, các nhà khoa học, các đồng chí tham dự hội thảo!

Cách đây 50 năm, với phương châm chỉ đạo “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng phút, từng giờ, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam” quân và dân ta đã giành được thắng lợi trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta; đồng thời kết thúc chặng đường ba thập kỷ đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ và củng cố thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đây là mốc son sáng ngời trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, chứa đựng ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại to lớn, mở ra kỷ nguyên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là thành quả tổng hợp của các nhân tố: Đó là sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo, độc lập tự chủ; là sức mạnh của truyền thống bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, là ý chí kiên cường, bất khuất, ý thức làm chủ vận mệnh đất nước của cả dân tộc Việt Nam với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập tự do;” là cuộc chiến đấu dũng cảm, thông minh của cả nước mà nòng cốt là lực lượng vũ trang ba thứ quân; là tình đoàn kết và liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương; là sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới.

Đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 4 tháng 12/1976, Đảng ta đã nhận định “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của Chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí

tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Với ý nghĩa đó, hôm nay, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn văn Cừ tổ chức Hội thảo khoa học “Đại thắng mùa Xuân năm 1975: Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng hoà bình, độc lập dân tộc và ý chí thống nhất đất nước với sự nghiệp đổi mới, hội nhập hiện nay”. Hội thảo được tổ chức nhằm đánh giá toàn diện và sâu sắc về giá trị lịch sử, bài học kinh nghiệm từ Chiến thắng 30/4/1975, việc phát huy những kinh nghiệm đó vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; góp phần giáo dục truyền thống cách mạng; khơi dậy niềm tự hào dân tộc, ý chí độc lập, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Để làm rõ hơn những nội dung của Hội thảo, rất mong Quý đại biểu, các nhà khoa học, các đồng chí tham dự hội thảo đi sâu vào nghiên cứu, làm rõ một số nội dung trọng tâm:

- Ý nghĩa lịch sử to lớn của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đối với dân tộc ta và trên thế giới.

- Những yếu tố quyết định đến thắng lợi, đặc biệt là sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; khát vọng hòa bình, độc lập và ý chí thống nhất đất nước.

- Vận dụng, phát huy các bài học kinh nghiệm từ Đại thắng mùa Xuân 1975 trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Kính thưa các đồng chí!

Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là dịp toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc. Đồng thời phát huy tinh thần và hào khí của Đại thắng mùa Xuân 1975 để hoàn thành những mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, phát triển lên một tầm cao mới, tiến cùng thời đại.

Xin chúc Quý đại biểu, các nhà khoa học, các đồng chí tham dự hội thảo sức khỏe, công tác tốt, chúc Hội thảo thành công rực rỡ. Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

ThS Hoàng Văn Hải

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh

Giáo dục lịch sử không chỉ là nền tảng bồi đắp lòng yêu nước, ý thức dân tộc mà còn là công cụ quan trọng để định hình tương lai dựa trên bài học quá khứ. Quảng Ninh là một tỉnh có vị trí chiến lược, giàu truyền thống lịch sử cách mạng¹, là một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam với truyền thống “Kỷ luật đồng tâm”, Quảng Ninh luôn quan tâm đến công tác giáo dục lịch sử, đảm bảo truyền thụ đầy đủ những bài học quý báu của quá khứ đến thế hệ trẻ và học sinh các cấp để góp phần xây dựng Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Công tác chỉ đạo, định hướng về giáo dục lịch sử

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng; nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, bồi đắp tinh thần yêu nước và nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, những năm qua, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo² đẩy mạnh công tác giáo dục lịch sử, lịch sử Đảng và lịch sử địa phương. Trong đó quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân đặc biệt là trong học sinh, sinh viên và thế hệ trẻ về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng của tỉnh Quảng Ninh và lịch sử của các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, tổ chức biên soạn và triển khai thực hiện nội dung giáo dục

¹ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 84 di tích lịch sử cách mạng kháng chiến; trong đó có 01 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt (Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô); 10 di tích đã được xếp hạng quốc gia; 27 di tích cấp tỉnh; 46 di tích lịch sử cách mạng.

² Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 367-CV/TU, ngày 26/3/2008 về việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng, lịch sử truyền thống; Kế hoạch số 229-KH/TU, ngày 31/8/2018 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 12/02/2020 về việc tổ chức biên soạn và triển khai thực hiện nội dung giáo dục lịch sử địa phương cấp tiểu học, cấp trung học tỉnh Quảng Ninh trong Chương trình giáo dục phổ thông.

lịch sử địa phương cho các cấp trong Chương trình giáo dục phổ thông. Chỉ đạo tổ chức phát động cuộc thi tìm hiểu về Đảng Cộng sản Việt Nam, thi trắc nghiệm, thi viết và sân khấu hóa... nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng.

Các cấp ủy đảng địa phương, chính quyền triển khai thực hiện các mục tiêu giáo dục văn hóa, truyền thống, lịch sử địa phương cho thế hệ trẻ trong các trường học theo quy định; đồng thời chỉ đạo ngành Giáo dục phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn các trường học triển khai nội dung giáo dục địa phương, tham quan trải nghiệm. Các trường tổ chức dạy học lịch sử được thiết kế linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng địa phương, đơn vị góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử trong nhà trường. Các nội dung lồng ghép, tích hợp giáo dục lịch sử đảng bộ địa phương đã được biên soạn ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu, tự nhiên, hợp lý, phù hợp với đặc điểm và trình độ của học sinh; tổ chức diễn đàn, hội thảo, câu lạc bộ, các hội thi, cuộc thi trắc nghiệm, thi tự luận, thi tìm hiểu trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội...

Một số kết quả trong công tác tuyên truyền, giáo dục và việc biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống trên địa bàn tỉnh thời gian qua

Công tác tuyên truyền, giáo dục: Các cấp ủy đã quan tâm chỉ đạo việc tuyên truyền và giáo dục lịch sử, lịch sử đảng bộ địa phương đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ với nhiều hình thức: Tuyên truyền thông qua các ngày lễ lớn, trọng đại của đất nước, qua các hội thảo, tọa đàm, giao lưu gặp gỡ, nói chuyện với nhân chứng lịch sử; thi tìm hiểu lịch sử đảng bộ địa phương. Thực hiện có hiệu quả việc đưa nội dung tuyên truyền lịch sử Đảng, lịch sử đảng bộ địa phương vào sinh hoạt chi bộ... Qua đó, góp phần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, đổi mới và xây dựng đất nước; những thành tựu của tỉnh và các địa phương. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác truyền thông định hướng thông tin cho báo chí, tăng cường công tác thông tin đối ngoại, thông tin trên các kênh thông tin chính thống, tận dụng các loại hình truyền thông mới để chủ động phòng ngừa, đấu tranh phê phán, phản bác các thông tin sai lệch, các

quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc lịch sử Đảng và đất nước; kịp thời cung cấp thông tin, định hướng dư luận, không để bị lợi dụng xuyên tạc, chống phá.

Các sở, ban, ngành đã phát hành nhiều ấn phẩm, tài liệu và các bài viết về lịch sử, văn hóa, nhân vật lịch sử; biên soạn các bản tin sinh hoạt chi bộ; đăng tải sách lý luận chính trị, các ấn phẩm tạp chí của Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử, mạng xã hội zalo, facebook, fapage³... để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tìm đọc, nghiên cứu nhằm tăng cường công tác giáo dục lịch sử, truyền thống của đảng bộ, địa phương cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

Ban Tuyên giáo các địa phương, đơn vị đã cập nhật những nội dung quan điểm mới trong Nghị quyết của Đại hội đảng các cấp vào chương trình giảng dạy, bồi dưỡng kết nạp Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới và tuyên truyền tới đông đảo đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Cập nhật các nội dung triển khai chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh giúp người học nắm rõ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gắn lý luận với liên hệ thực tiễn tại cơ quan, đơn vị.

Ngành Giáo dục đẩy mạnh công tác giáo dục lịch sử đảng bộ, lịch sử truyền thống địa phương trong trường học thông qua việc tích hợp kiến thức vào các bài học lịch sử; cho học sinh xem phim, video về lịch sử tại các giờ học tại phòng truyền thống; khuyến khích các giờ học ngoại khoá, tham quan các di tích lịch sử - văn hoá, Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh; tổ chức sinh hoạt chuyên đề, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích cách mạng, kháng chiến⁴... Thông qua đó học sinh hiểu được công lao to lớn của các thế hệ cha ông trong việc bảo vệ, xây dựng quê hương

³ Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức các đợt tuyên truyền về lịch sử Đảng (trung bình trung bày 1000 tài liệu/đợt) với các chủ đề như: “Quảng Ninh - 50 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh”, “Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội đến Đại hội”, “Hồ Chí Minh - một con người, một thời đại”, “Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh những chặng đường lịch sử”, “90 năm - Vinh quang Đảng Cộng sản Việt Nam”...

⁴ *Thành phố Đông Triều*: Tôn tạo di tích nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu di tích lịch sử Bác Hồ dừng chân tại xã Hồng Thái Tây. *Huyện Bình Liêu*: Xây dựng Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ hy sinh trên đỉnh núi Cao Ba Lanh - Địa danh ghi dấu ấn lịch sử của quân và dân các dân tộc huyện Bình Liêu nói riêng, tỉnh Quảng Ninh nói chung trong cuộc chiến tranh Biên giới năm 1979. *Thành phố Uông Bí*: Có 29 di tích (trong đó: 02 di tích xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt, 05 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 22 di tích được kiểm kê phân loại). *Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh*: Chỉ đạo các chi, đảng bộ đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy đối với di tích Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ tại Pồ Hèn (Móng Cái)...

Quảng Ninh. Hằng năm, tổ chức tập huấn cho giáo viên về tích hợp giáo dục lịch sử đảng bộ trong dạy học môn Lịch sử; tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giảng dạy lịch sử địa phương; tập huấn phương pháp và kỹ thuật tổ chức hoạt động trải nghiệm thực địa tại các di tích lịch sử gắn với sự hình thành và phát triển của chi bộ đảng trong thời kỳ kháng chiến...

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục lịch sử trong tầng lớp thanh thiếu niên với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, như: Hội nghị, tập huấn, sinh hoạt chuyên đề; tổ chức các chương trình, cuộc thi, sân chơi tìm hiểu lịch sử cho thiếu nhi gắn với các ngày hội “Thiếu nhi vui khỏe”, “Tiến bước lên Đoàn”... Tỉnh đoàn đã xây dựng và đưa vào vận hành 02 mô hình giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho thanh thiếu nhi trên không gian mạng (*Bộ công cụ học tập, rèn luyện Lý luận chính trị cho Đoàn viên, thanh niên tại địa chỉ website: hoctaplyluan.tinhdoanthanhnienvn; công trình “Ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục lý tưởng cách mạng và phát triển du lịch tỉnh”, xây dựng bản đồ số 3D các địa chỉ đỏ trên địa bàn tỉnh*).

Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ xây dựng chương trình và bài giảng Lịch sử Đảng bộ tỉnh đưa vào giảng dạy cho học viên nhà trường. Trung tâm chính trị các huyện, thị xã, thành phố đã biên soạn tài liệu và đưa vào giảng dạy một số chuyên đề cho học viên các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, lớp đảng viên mới (*Đảng ta thật vĩ đại, Lịch sử địa phương...*). Các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh đã thực hiện lồng ghép kiến thức lịch sử đảng bộ tỉnh, lịch sử truyền thống địa phương vào giảng dạy cho sinh viên.

Trung tâm Truyền thông tỉnh, Trung tâm Truyền thông và văn hóa các địa phương, đơn vị tích cực thực hiện công tác tuyên truyền lịch sử Đảng, lịch sử địa phương, công tác xây dựng Đảng trên hệ thống truyền thanh, trên cổng thông tin điện tử thành phần; tập trung tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc.

Bảo tàng và Thư viện tỉnh là nơi lưu giữ và trưng bày các hiện vật mang dấu ấn lịch sử vừa là điểm tham quan du lịch đặc sắc của tỉnh, thu hút lượng lớn khách du lịch từ các địa phương khác, vừa là nơi để tuyên truyền lịch sử Đảng, lịch sử

cách mạng; tuyên truyền trực quan, dựng, lưu diễn các chương trình nghệ thuật, tranh cổ động, trưng bày sách báo, tuyên truyền ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử trọng đại của Trung ương, của tỉnh và các địa phương, đơn vị...

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống: Hiện nay, 13/13 huyện, thị xã, thành phố và 171/171 xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã xuất bản lịch sử Đảng bộ địa phương; 62 sở, ban, ngành, đơn vị đã xuất bản lịch sử đảng bộ ngành, lịch sử truyền thống; 28 cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xuất bản 48 ấn phẩm về lịch sử truyền thống; 100% các Ban chỉ huy Quân sự huyện, thị xã, thành phố hoàn thành lịch sử Đảng bộ quân sự và lịch sử lực lượng vũ trang cấp huyện. Ngành Than biên soạn xuất bản nhiều công trình có giá trị trong tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống ngành Than (*cuốn “Kỷ luật và Đồng tâm” truyền thống của công nhân mỏ; “Truyền thống văn hoá thợ mỏ - những giá trị lịch sử và định hướng trong thời kỳ mới”...*).

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã biên soạn cuốn “Tài liệu giáo dục Lý luận chính trị cho thanh niên Quảng Ninh” góp phần giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, văn hóa cho đoàn viên, thanh niên Quảng Ninh trong giai đoạn hiện nay, nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các đồng chí cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, tăng cường vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực trong tình hình mới. Ý thức trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật, kỷ luật, kỷ cương nhà trường được nâng lên.

Các cấp uỷ, chính quyền, địa phương, đơn vị và nhân dân nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ sưu tầm tài liệu lịch sử, đóng góp cho công tác biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống; khơi dậy lòng tự hào, nhất là đối với thế hệ trẻ để tiếp tục phát huy những truyền thống vẻ vang của các thế hệ đi trước⁵, cùng chung tay xây dựng tỉnh Quảng Ninh ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trước yêu cầu của tình hình thực tiễn, công tác giáo dục lịch sử còn một số tồn tại, khó khăn, thách thức như: (1) Sự phát triển

⁵ Đã có nhiều tập thể, cá nhân tình nguyện ủng hộ tư liệu, hiện vật liên quan đến lịch sử Đảng và đóng góp kinh phí cho công tác nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, Lịch sử địa phương.

mạnh mẽ của Internet và các phương tiện truyền thông hiện đại, người dân đặc biệt thế hệ trẻ có thể tiếp cận nhiều loại thông tin một cách nhanh chóng từ rất nhiều kênh khác nhau, trong đó bao gồm cả thông tin tốt và thông tin xấu; đặc biệt là các thông tin liên quan đến yếu tố lịch sử, truyền thống. (2) Nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục lịch sử ở một số địa phương, nhà trường hiệu quả chưa cao; chưa khai thác triệt để lợi thế của các di tích lịch sử địa phương trong giáo dục thế hệ trẻ. (3) Công tác lưu trữ, bảo quản tài liệu lịch sử tại một số địa phương, đơn vị cơ sở chưa được quan tâm đúng mức. (4) Đội ngũ chuyên trách làm công tác lịch sử Đảng ở địa phương, đơn vị còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm nên ít có thời gian nghiên cứu tham mưu sâu và khó khăn trong công tác thẩm định các công trình lịch sử...

Phương hướng, nhiệm vụ giáo dục lịch sử trong thời gian tới

Trước yêu cầu của thực tế, công tác chỉ đạo, định hướng giáo dục lịch sử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là nhiệm vụ thường xuyên, cơ bản, lâu dài và quyết liệt. Để thực hiện được mục tiêu đó, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị và ngành giáo dục thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục quán triệt đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân và thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 20-CT/TW, Kế hoạch số 229-KH/TU, Kế hoạch số 25/KH-UBND; chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị đã có ấn phẩm lịch sử truyền thống cần tiếp tục nghiên cứu, biên soạn, tái bản, cập nhật và bổ sung vào dịp kỷ niệm năm chẵn ngày thành lập của cơ quan, đơn vị. Bám sát hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh về quản lý tài liệu của các cơ quan, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khi giải thể, chia, tách, sáp nhập đảm bảo tài liệu lịch sử của các địa phương, đơn vị được lưu trữ theo đúng quy trình, quy định.

Hai là, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử; chủ động phối hợp với các cơ quan truyền thông, tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử trên các trang điện tử, mạng xã hội (*facebook, zalo, youtube, tiktok...*); nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục lịch sử đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ba là, tiếp tục quan tâm công tác giáo dục, tuyên truyền lịch sử Đảng, lịch sử,

truyền thống của địa phương trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là trong thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên, thiếu niên, nhi đồng. Trong đó, chú trọng đổi mới phương pháp, đa dạng hóa cách thức giảng dạy, giáo dục của hệ thống trường học phổ thông, đến các trường cao đẳng, đại học (*ứng dụng công nghệ số, kết hợp mô phỏng 3D, phim tài liệu, thực tế ảo trong giảng dạy lịch sử...*) đảm bảo phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường chương trình ngoại khóa của các trường học trên địa bàn để giúp học sinh có trải nghiệm thực tế, đảm bảo giáo dục lịch sử không chỉ ở sách vở còn ở trên thực địa quê hương. Khuyến khích giáo viên đổi mới cách tiếp cận, sử dụng phương pháp học theo dự án, kể chuyện lịch sử, tranh biện để khơi dậy tinh thần chủ động tìm hiểu và học lịch sử, tái hiện các sự kiện lịch sử để học sinh tiếp cận lịch sử một cách sống động.

Bốn là, phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35 các cấp trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; xử lý nghiêm đối tượng tán phát thông tin xuyên tạc, bịa đặt lịch sử chống phá Đảng, Nhà nước; thường xuyên cảnh báo, nhắc nhở cán bộ, đảng viên và Nhân dân tăng cường ý thức bảo mật, tuyệt đối không bình luận, tương tác, chia sẻ những thông tin thiếu kiểm chứng của các cơ quan chức năng.

Năm là, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác lịch sử; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về nghiên cứu, biên soạn, thẩm định, xuất bản nhằm đảm bảo tính Đảng, tính khoa học của các ấn phẩm lịch sử. Chú trọng công tác trùng tu, tôn tạo, gắn biển và thực hiện có hiệu quả, đồng bộ giữa công tác quản lý với khai thác, sử dụng, phát huy giá trị các di tích lịch sử, các công trình có ý nghĩa lịch sử trên địa bàn. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác “Đền ơn đáp nghĩa” để thế hệ trẻ biết được những công lao, đóng góp và sự hi sinh của các thế hệ ông cha mình. Phối hợp với Hội Cựu chiến binh, nhân chứng lịch sử để tổ chức các buổi giao lưu, nói chuyện truyền thống, chuyên đề, giúp học sinh hiểu rõ hơn về ý chí và tinh thần yêu nước của các thế hệ đi trước.

Sáu là, tập trung tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) với chủ đề “Đại thắng

mùa Xuân năm 1975 - Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khát vọng hòa bình, độc lập dân tộc và ý chí thống nhất đất nước” và tuyên truyền hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh trong năm 2025 và những năm tiếp theo thông qua các hoạt động như: triển lãm, tọa đàm, hội thảo khoa học, tổ chức kết nạp đảng viên, dâng hương tưởng niệm, thấp nền tri ân, hành trình về nguồn, các chương trình nghệ thuật, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... Khơi dậy mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta lòng yêu nước cách mạng, tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vững bước vào kỷ nguyên mới, đạt mục tiêu chiến lược đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công tác giáo dục lịch sử tại Quảng Ninh không chỉ nhằm ôn lại những chiến công vẻ vang mà còn hướng đến bồi dưỡng tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển và trách nhiệm công dân của thế hệ trẻ. Để làm được điều này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, ngành giáo dục và toàn xã hội, đảm bảo rằng lịch sử không chỉ là những trang sách mà còn là hành trang tinh thần, là động lực để mỗi người dân Quảng Ninh đóng góp vào sự nghiệp đổi mới và hội nhập của đất nước.

TÀM VÓC, Ý NGHĨA LỊCH SỬ TO LỚN CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975

ThS Đặng Thành Dương

Khoa Xây dựng Đảng

Cách đây 50 năm, với sức mạnh của cả dân tộc, quân và dân ta bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã thừa thắng xông lên giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mở đầu bằng chiến thắng Buôn Ma Thuật và Chiến dịch Tây Nguyên, tiếp đó là Chiến dịch Huế - Đà Nẵng, cuối cùng là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Trong 55 ngày đêm liên tục chiến đấu thần tốc với ý chí quyết chiến quyết thắng, với sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị của quân và dân ta, bộ máy nguy quyền đã bị đập tan. Chế độ thực dân mới được đế quốc Mỹ dốc sức xây dựng 21 năm đã hoàn toàn sụp đổ chỉ sau gần hai tháng. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ cách mạng tung bay trên phủ Tổng thống nguy quyền, thành phố Sài Gòn được giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng, cả dân tộc Việt Nam vang khúc khải hoàn “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”.

Đánh giá tổng quát ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”⁶.

1. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với dân tộc ta

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta mà

⁶ Văn kiện Đảng: Toàn tập, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 471.

đỉnh cao là Đại thắng mùa xuân 1975, là thắng lợi vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Trải qua 21 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, quân và dân ta đã đập tan cuộc phản công lớn nhất của tên trùm đế quốc từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh phản cách mạng của năm đời tổng thống Mỹ. Riêng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975, chỉ sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục với tốc độ “một ngày bằng hai mươi năm”, với sức mạnh áp đảo cả về quân sự, chính trị, quân và dân ta đã đập tan hoàn toàn bộ máy quân sự khổng lồ và hiện đại của chính quyền tay sai được xếp vào loại mạnh nhất ở Đông Nam châu Á. Ta đã quét sạch bộ máy nguy quyền từ trung ương đến địa phương do đế quốc Mỹ dày công xây dựng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu hồi toàn bộ giang sơn đất nước về tay nhân dân.

Thắng lợi oanh liệt này là kết quả tất yếu của một quá trình đấu tranh liên tục của nhân dân ta chống chủ nghĩa đế quốc nhằm giải phóng đất nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Thắng lợi này đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc ta, kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám 1945. Với thắng lợi này, lần đầu tiên sau 117 năm, trên đất nước ta không còn một bóng tên xâm lược; họa chia cắt đất nước và mọi chướng ngại trên con đường thống nhất nước nhà đã được thanh toán. Nguyên vọng tha thiết của nhân dân ta trên một trăm năm nay đã được thực hiện.

Cùng với những thắng lợi vĩ đại trong Cách mạng tháng Tám, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa đất nước ta vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên thống nhất, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Với chiến công hiển hách ấy, nhân dân ta thật xứng đáng đứng vào hàng các dân tộc tiên phong đấu tranh cho lý tưởng đẹp đẽ của loài người, góp phần tích cực thúc đẩy tiến trình cách mạng thế giới. Và Đảng ta, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đã trở thành một Đảng Mác - Lê-nin lớn mạnh, một Đảng tôi luyện về chính trị, vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, một đội ngũ kiên cường của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

2. Thất bại nặng nề của Hoa Kỳ

Mỗi thắng lợi to lớn của nhân dân ta là một thất bại cay đắng của đế quốc Mỹ. Đối với đế quốc Mỹ, thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam là thất bại nghiêm trọng nhất trong toàn bộ lịch sử 200 năm của Hoa Kỳ. Lịch sử đã chứng minh, kể từ ngày 4 tháng 7 năm 1776, ngày công bố Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, đến ngày 6 tháng 3 năm 1965, ngày bắt đầu đưa quân vào trực tiếp xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã tiến hành hàng chục cuộc chiến tranh lớn, và khi kết thúc chiến tranh, nước Mỹ luôn luôn là kẻ chiến thắng. Cho đến trước khi xảy ra cuộc đụng dàu lịch sử ở Việt Nam, vai trò sen đầm quốc tế và sức mạnh của Mỹ nói chung chưa bị sút mẻ. Nhưng từ khi đế quốc Mỹ lao sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thì tình hình này hoàn toàn đảo ngược. Thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam nói riêng và ở Đông Dương nói chung, đã đánh dấu một bước ngoặt đi xuống của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Từ chỗ là cường quốc đế quốc chủ nghĩa số 1, Mỹ đã suy yếu nhiều về quân sự, chính trị, kinh tế, tài chính, kéo cả thế giới tư bản lún sâu vào một thời kỳ tổng khủng hoảng toàn diện và không phương cứu chữa. Chính thế lực hiếu chiến Mỹ đã phải thừa nhận trong 199 cuộc “xung đột quân sự” của Mỹ ở nước ngoài (từ năm 1798 đến năm 1972) đây là cuộc xung đột đầu tiên mà Mỹ không dám nói rằng mình chiến thắng. Báo Pháp Lơ Phi-ga-rô (19-4-1975) vạch rõ: “Kể từ một thế kỷ nay, lần đầu tiên không phải lịch sử đi theo đường lối Hoa Kỳ mà Hoa Kỳ phải đi theo trào lưu của lịch sử”. Ngay bộ trưởng quốc phòng Mỹ Sơ-le-xinh-gơ cũng đã cho rằng đây là một bước thụt lùi hết sức nghiêm trọng đối với chính sách Mỹ, một sự thất bại có tầm lịch sử và bi đát.

Thảm bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam không phải chỉ ở chỗ đã chôn vùi hàng loạt chiến lược, chiến thuật chiến tranh mà giới cầm quyền Nhà trắng hết lời tán tụng, mà còn ở chỗ nó chia rẽ sâu sắc nước Mỹ, làm cho nội bộ giới cầm quyền ngày càng lục đục, lòng tin của nhân dân Mỹ vào chính phủ ngày càng giảm sút, cuộc đời chính trị của hàng loạt nhân vật “kiệt xuất” của nước Mỹ phải kết thúc một cách bi thảm và vị trí sen đầm quốc tế của Mỹ bị lung lay. Ngoại trưởng Mỹ Kit-xinh-gơ đã phải thú nhận: “Cuộc rút lui lịch sử khỏi Việt

Nam của một đại cường quốc như Mỹ không thể không đặt ra một số câu hỏi gây ảnh hưởng có hại cho địa vị của Mỹ trên thế giới”.

3. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 có ý nghĩa quốc tế to lớn

Đã năm mươi năm trôi qua kể từ khi chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ bị sụp đổ hoàn toàn ở Việt Nam. Nhưng thời gian đã không làm mờ đi những thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và càng không làm mờ đi những ảnh hưởng và tác động to lớn của thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta, mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975, đối với tiến trình phát triển của cách mạng thế giới.

Lịch sử thế giới từ Cách mạng tháng Mười Nga đã chứng kiến nhiều sự thay đổi to lớn. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đánh dấu một bước nhảy vọt vĩ đại đầu tiên của cách mạng thế giới, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Thắng lợi oanh liệt của Liên Xô và các lực lượng cách mạng khác trong chiến tranh thế giới thứ hai làm sụp đổ một mảng lớn của hệ thống đế quốc, đánh dấu một thời kỳ phát triển vĩ đại mới của cách mạng thế giới. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975, như đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đánh giá, là “một trong những chiến công oanh liệt vĩ đại nhất của loài người”, “một trong những sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử hiện đại, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, sau chiến thắng chủ nghĩa phát xít”. Thắng lợi vĩ đại đó đã đánh dấu một cái mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của cách mạng thế giới.

Từ 1954 -1975, đất nước ta trở thành nơi thí nghiệm chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ, nơi thử thách sức mạnh và uy tín của Hoa Kỳ, nơi diễn ra cuộc đụng đầu lịch sử, nơi tập trung những mâu thuẫn của thời đại: mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc; mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản; mâu thuẫn giữa các lực lượng hoà bình và dân chủ với các thế lực phản động gây chiến và xâm lược; mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là ngọn cờ tiên phong, là trung tâm và đỉnh cao của cuộc đấu tranh cách mạng của những người

lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới chống đế quốc Mỹ; là cuộc đọ sức quyết liệt nhất giữa một bên là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đại diện cho các lực lượng phản động nhất của thời đại, với một bên là nhân dân ta, đội quân xung kích của các trào lưu cách mạng dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta không những có ảnh hưởng quyết định đến tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam, mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của cách mạng thế giới.

Trong lịch sử thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, đã có nhiều cuộc cách mạng nổ ra và thắng lợi. Nhưng hiếm có những cuộc cách mạng có tầm vóc quốc tế to lớn, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của những tên đế quốc hùng mạnh, như cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đánh giá ảnh hưởng và tác động to lớn của thắng lợi mà nhân dân đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đối với cách mạng thế giới, Đảng ta đã chỉ rõ: “Đối với thế giới, thắng lợi của nhân dân ta đã đập tan cuộc phản công lớn nhất của tên đế quốc đầu sỏ chĩa vào các lực lượng cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đẩy lùi trận địa của chủ nghĩa đế quốc, mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam châu Á, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, đẩy Mỹ vào tình thế khó khăn chưa từng thấy, làm yếu hệ thống đế quốc chủ nghĩa, tăng thêm sức mạnh và thế tiến công của các trào lưu cách mạng của thời đại, đem lại lòng tin và niềm phấn khởi cho hàng trăm triệu người trên trái đất đang đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”⁷.

Ngày nay, chủ nghĩa thực dân cũ cơ bản đã bị sụp đổ trên phạm vi thế giới, nhưng chủ nghĩa thực dân mới vẫn đang còn là một hiểm hoạ lớn đối với nhiều dân tộc. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới mà kẻ cầm đầu là đế quốc Mỹ, là một bộ phận của cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới.

Trong điều kiện đó, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta chẳng những đã góp phần làm suy yếu đế quốc Mỹ, kẻ thù lớn nhất

⁷ Văn kiện Đảng: Toàn tập, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà nội, 2011, tr. 469.

của thời đại, mở đầu cho thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi thế giới, mà còn góp phần giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn sâu sắc mà thời đại đặt ra.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cùng với những thắng lợi của hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia và của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các khu vực khác chứng minh: phong trào giải phóng dân tộc đã trở thành một trong ba dòng thác cách mạng của thời đại cùng tiến công liên tục từ nhiều phía vào chủ nghĩa đế quốc; phong trào giải phóng dân tộc muốn thành công thì phải dựa vào các nước xã hội chủ nghĩa, đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giải phóng dân tộc rồi đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là xu hướng phát triển tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta còn chứng minh rằng “trong thời đại ngày nay, khi các lực lượng cách mạng thế giới đang ở thế tiến công, một dân tộc nước không rộng, người không đông nhưng đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một Đảng Mác - Lê-nin có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại được sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược, dù đó là tên đế quốc đầu sỏ”⁸.

Những điều trên đây càng làm nổi bật ý nghĩa thắng lợi, tính chất điển hình, tiêu biểu của cách mạng Việt Nam, của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Cũng chính vì thế mà nhân dân thế giới hết lòng ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, đánh giá cao những thắng lợi mà nhân dân ta đã giành được trong cuộc kháng chiến thần thánh đó và coi những thắng lợi đó là thắng lợi của chính mình, thắng lợi của tất cả các dân tộc cách mạng, của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước tiến bộ, của tất cả các nước đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và của tất cả các nước đang đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng của mình.

Rõ ràng, sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, sau chiến thắng của Liên Xô và của các lực lượng cách mạng đối với chủ nghĩa phát-xít, thì thắng lợi

⁸ Văn kiện Đảng: Toàn tập, tập 37, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 474.

của nhân dân ta nói riêng nói riêng và của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là sự kiện lịch sử vĩ đại nhất, có tầm vóc quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc. Đó là thắng lợi của một sức mạnh mới, sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mà không thể lực xâm lược nào có thể đè bẹp. Nó đánh dấu một bước ngoặt đi xuống của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, đánh dấu một bước phát triển của ba dòng thác cách mạng của thời đại, làm thay đổi lực lượng so sánh trên thế giới có lợi cho cách mạng, mở ra một giai đoạn mới trong cục diện quốc tế, giai đoạn mà nhân dân thế giới gọi là “thời kỳ sau Việt Nam”.

50 năm sau ngày chiến thắng, đất nước ta đã được hưởng hòa bình, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng quyết tâm thực hiện những mục tiêu đề ra, xây dựng đất nước ngày càng phát triển tiên bộ. Những giá trị to lớn của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 luôn được các thế hệ hôm nay ghi nhớ và tiếp nối. Những bài học quý báu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 sẽ là những nền tảng quan trọng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ QUA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

ThS Đào Thị Mai Hương

Khoa Xây dựng Đảng

Trong không khí cả nước kỷ niệm, chào mừng 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975- 30/4/2025). Khắp các tỉnh thành, nhà nhà, người người nô nức chào đón ngày 30/4 giải phóng đất nước. Những trang sử hào hùng trong lịch sử được ôn lại. Chiến thắng ngày 30/4/1975 bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó, nhân tố quyết định quan trọng hàng đầu đó chính là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Việc xác định đúng đắn chủ trương, đường lối kết quả của công tác Xây dựng Đảng về chính trị của Đảng trong giai đoạn này. Qua đó Đảng để lại nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác Xây dựng Đảng về chính trị.

Chính trị là biểu hiện những lợi ích căn bản của các giai cấp và mối quan hệ giữa các giai cấp, là hoạt động của một giai cấp, một chính Đảng, một tập đoàn xã hội, nhằm giành hoặc duy trì quyền lực điều khiển bộ máy nhà nước. Trong điều kiện Đảng Cộng sản cầm quyền chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, chính trị chính là biểu hiện tập trung bằng các vấn đề kinh tế. Xây dựng Đảng về chính trị chính là hoạt động của Đảng nhằm xây dựng cương lĩnh, đường lối, nhiệm vụ chính trị và tổ chức thực hiện cương lĩnh, đường lối nhiệm vụ chính trị đó. Có xây dựng Đảng về chính trị mới có cơ sở để Đảng lãnh định hướng cho toàn xã hội hành động theo, là cơ sở tiến hành các công tác khác của công tác Xây dựng Đảng. Đảng chính trị nào cũng đều xác định xây dựng đảng về chính trị là việc làm quan trọng đầu tiên. Xây dựng Đảng về chính trị đúng đắn đem lại thắng lợi cho cách mạng và ngược lại. Xây dựng Đảng về chính trị chính là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và của cả dân tộc. Đảng không được sai lầm về đường lối, sai lầm trong xây dựng Đảng về chính trị.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đánh dấu sự lãnh đạo xuất sắc của Đảng. Hai nhiệm vụ chính trị quan trọng xuyên suốt trong giai đoạn này được Đảng xác định:

Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam và cả nước đấu tranh hoàn bình thống nhất nước nhà.

Để thực hiện những nhiệm vụ chính trị quan trọng Đảng có những lãnh đạo quan trọng về đường lối, chủ trương. Tại đại hội Đại biểu lần thứ III Đảng lao động Việt Nam đưa ra hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng đó là: Tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Nhiệm vụ quan trọng nêu trên đòi hỏi vai trò lãnh đạo của Đảng. Lúc này, đòi hỏi Xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, đủ sức lãnh đạo thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong công tác Xây dựng Đảng lúc đó, công tác Xây dựng Đảng về chính trị luôn được chú trọng. Cụ thể xây dựng Đảng về chính trị được thể hiện rõ nét đó là: Xác định đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là: Đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. "Muốn đạt được mục tiêu ấy, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh... đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa, và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến"⁹.

Nhiệm vụ chính trị của miền Nam đó là "Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: Giải phóng miền nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"¹⁰. Đảng xác định, cuộc đấu tranh ở miền Nam là một quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt, lấy việc xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng cách mạng của quần chúng làm cơ sở. Đường lối chính trị của Đảng chỉ đạo

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t21, tr. 922, 923

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, t21, tr. 919, 941

cách mạng miền Nam đã đem lại những kết quả không ngờ. Mục tiêu giải phóng miền Nam trở thành hiện thực.

Để lãnh đạo thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam, Trung ương Đảng đã lập ra Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), công khai tên Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam (1961)... thành lập các tổ chức chính trị - xã hội tại miền Nam. Ban hành nhiều nghị quyết lãnh đạo cách mạng miền Nam như: Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương khóa II (1959), Nghị quyết Đại hội III (1960), Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương khóa III (1963), Nghị quyết Trung ương 11 và 12 khóa III (1965), Nghị quyết Trung ương 13 khóa III (1967), Nghị quyết Trung ương 19 khóa III (1971), Nghị quyết Trung ương 21 khóa III (1973) và nhiều nghị quyết quan trọng khác đã lãnh đạo cách mạng miền Nam.

Sự lãnh đạo của Đảng đã làm thất bại chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ, đánh bại các cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ trên đất nước Việt Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã toàn thắng ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Kết thúc 117 năm chủ nghĩa đế quốc, thực dân xâm lược và thống trị Việt Nam, kết thúc 30 năm kháng chiến lâu dài và gian khổ chống thực dân Pháp và đến quốc Mỹ xâm lược, vĩnh viễn xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước Việt Nam. Đất nước hoàn toàn độc lập, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên thống nhất, hòa bình của một đất nước kiên cường.

Đại thắng mùa Xuân 1975 đem lại những bài học kinh nghiệm từ công tác Xây dựng Đảng về chính trị vô cùng quý báu đó là:

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn trung thành vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Huy động được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và dân tộc. Đảng luôn đặt lên hàng đầu lợi ích của nhân dân, giai cấp và dân tộc.

Đảng luôn được Nhân dân tin tưởng. Đảng càng phát triển và trưởng thành trong lãnh đạo cách mạng tại Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng phát triển cương lĩnh, đường lối chính trị, sự lãnh đạo triệt để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đường lối cách mạng Miền Nam và kháng

chiến chống Mỹ, cứu nước. Đường lối của Đảng đã được Đảng phát triển, nâng tầm lý luận trong lãnh đạo cách mạng.

Đảng đề ra những phong trào lớn trong nhân dân nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, lập ra Mặt trận giải phóng miền Nam, đồng thời phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đồng bào kiên trung, gan dạ, trung thành với Tổ quốc.

Huy động sự chiến đấu kiên cường của đội ngũ cán bộ, đảng viên của hai miền Nam, Bắc. Đảng viên là những người xung phong, gương mẫu, chấp nhận hy sinh, gian khổ trong chiến tranh, nhiều đồng chí hy sinh trên các chiến trường ác liệt như chiến trường khu V, Bình Trị Thiên, Tây Nguyên, B2, chiến trường đường Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh trên biển. Nhiều đồng chí bị địch bắt, tra tấn dã man vẫn không đầu hàng. Các đồng chí hoạt động trong lòng địch, làm nhiệm vụ cách mạng quốc tế Lào, Campuchia.

Huy động sự giúp đỡ của tinh thần Quốc tế Cộng sản.

Khẳng định uy tín chính trị của Đảng, sức mạnh về tổ chức, của việc thực hiện nghiêm các nguyên tắc về tổ chức và sinh hoạt Đảng. Đảng huy động tuyệt đối sức mạnh của các tổ chức đảng ở miền Nam, Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương cục, Khu ủy V, Khu ủy Trị Thiên và các khu ủy, tỉnh, thành ủy bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị trên toàn chiến trường miền Nam.

Ngày nay, Đảng lãnh đạo đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc. Những bài học từ thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử và thời đại 30/4/1975 đem lại sức mạnh cho Đảng. Để chèo lái vững chắc con thuyền cách mạng trong thời gian tới, Đảng ta cần tiếp tục phát huy những bài học kinh nghiệm như sau: Ta không chủ quan hài lòng với những chiến thắng đã đạt được. Tập trung xây dựng khối đại đoàn kết trong Đảng, đại đoàn kết toàn Dân, đoàn kết quốc tế. Tập trung nguồn lực thực hiện những chủ trương đường lối quan trọng, cốt lõi. Vượt qua những khó khăn thách thức. Nắm bắt sát thực tiễn, phản ứng linh hoạt với yêu cầu thực tiễn để lãnh đạo hiệu quả mọi chủ trương, đường lối đã đề ra. Giữ vững độc lập tự do cho dân tộc.

Phát huy tốt những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và hiện tại. Đây chính là cơ sở vững chắc để Đảng ta tiếp tục vai trò lãnh đạo đất nước Việt Nam phát triển vững mạnh đi lên trên những chặng đường tiếp theo./.

SỰ LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN CỦA ĐẢNG – NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975

ThS Chu Lữ Hồng Trang

Khoa Xây dựng Đảng

Đại thắng mùa Xuân 1975 được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trang sử chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người. Chiến thắng đánh dấu sự kết thúc vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Cội nguồn của thắng lợi vĩ đại ấy chính là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng cách mạng luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, biết phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và thời đại để lãnh đạo Nhân dân đi đến thắng lợi cuối cùng.

Một là, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo lý luận về bạo lực cách mạng trong điều kiện mới.

Ngay sau Hiệp định Geneva năm 1954, Đảng đã nhận định rõ âm mưu của đế quốc Mỹ trong việc thay thế thực dân Pháp, chia cắt lâu dài đất nước ta. Hội nghị Trung ương 6 (tháng 7/1954) xác định: kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc Mỹ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo lý luận về bạo lực cách mạng trong điều kiện mới, đưa hình thức khởi nghĩa, nổi dậy của quần chúng vào trong chiến tranh, làm cho sức mạnh của chiến tranh cách mạng tăng lên gấp bội.

Hội nghị Trung ương 15 (tháng 1/1959) đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng khi quyết định sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền tay sai, giải phóng miền Nam. Quyết định này được đưa ra sau quá trình phân tích sâu sắc tình hình thực tế, khi phương thức đấu tranh chính trị đơn thuần không còn đủ sức lật đổ chế độ tay sai của Mỹ. Việc lựa chọn con

đường bạo lực cách mạng thể hiện sự nhạy bén của Đảng trong đánh giá tình thế, đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn cách mạng miền Nam.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960) tiếp tục hoàn thiện đường lối cách mạng với hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Sự phân chia nhiệm vụ này không chỉ phản ánh sự linh hoạt của Đảng trong việc tận dụng thế mạnh từng vùng mà còn đảm bảo sự phối hợp chiến lược chặt chẽ giữa hai miền.

Trong đó, miền Bắc được xác định là hậu phương vững chắc, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa làm chỗ dựa vững chắc về chính trị, quân sự, kinh tế cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Điều này thể hiện rõ qua các chính sách công nghiệp hóa, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng nhằm tạo nguồn lực dồi dào để chi viện cho chiến trường miền Nam. Miền Bắc trở thành hậu phương chiến lược, không chỉ cung cấp nhân lực mà còn bảo đảm vũ khí, lương thực, tài chính cho cách mạng miền Nam, giữ vai trò quyết định trong cuộc kháng chiến.

Trong khi đó, miền Nam là chiến trường trực tiếp đối đầu với đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, cùng sự chi viện của miền Bắc, quân dân miền Nam đã kiên cường chiến đấu, lần lượt đánh bại từng chiến lược chiến tranh của Mỹ. Qua từng giai đoạn, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công và phản công, đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Bên cạnh xác định rõ mục tiêu, đề ra đường lối, Đảng ta cũng xác định rõ hình thức đấu tranh cách mạng phù hợp với từng thời điểm. Trong giai đoạn đầu, khi lực lượng còn non yếu, Đảng chủ trương đấu tranh chính trị, đồng thời vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng. Khi tình hình chín muồi, Đảng chuyển sang đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, tiến hành chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Song song đó, Đảng đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, cô lập kẻ thù trên trường quốc tế. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các hình thức đấu tranh chính trị - quân sự - ngoại giao đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Hai là, quyết đoán tận dụng thời cơ, tạo thời cơ chiến lược kết thúc chiến tranh

Sau Hiệp định Paris năm 1973, Đảng ta đã dự đoán chính xác những diễn biến của tình hình chiến trường và chính trị quốc tế. Đảng nhận định rằng đế quốc Mỹ tuy đã rút quân nhưng vẫn tiếp tục viện trợ mạnh mẽ cho chính quyền Sài Gòn, đồng thời quân đội ngụy vẫn còn tiềm lực đáng kể. Do đó, Đảng xác định chiến lược "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao để giành thắng lợi cuối cùng.

Hội nghị Trung ương 21 (năm 1973) đã đề ra quyết tâm tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, đồng thời theo dõi chặt chẽ diễn biến chiến trường. Đến giữa năm 1974, nhận thấy sự suy yếu rõ rệt của chính quyền Sài Gòn, Bộ Chính trị quyết định đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, đồng thời chủ trương cho thành lập các binh đoàn cơ động chiến lược mạnh để tạo khả năng đánh các đòn quyết định. Theo đó, từ tháng 3/1975, ta đã thành lập các Quân đoàn 1, 2, 3, 4 và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn) có sức cơ động mạnh để đánh địch trong các trận quyết chiến chiến lược.

Song song với chuẩn bị lực lượng mạnh, Bộ Chính trị đã chỉ thị cho Quân ủy, Bộ Tổng tham mưu chủ động chuẩn bị thế trận và chiến trường theo hướng tạo thế hiểm và bí mật, bất ngờ để chủ động đánh địch. Theo đó, Bộ Chính trị chỉ đạo chọn Tây Nguyên là chiến trường mở màn trọng điểm với hướng tiến công chiến lược từ phía Nam đánh lên. Việc chọn Nam Tây Nguyên và Buôn Ma Thuột làm hướng và mục tiêu tiến công chủ yếu, đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Đảng ta về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, chiến dịch trong chiến tranh.

Đúng như dự kiến của Đảng, trận mở màn ở Buôn Ma Thuột đã giành thắng lợi giòn giã, quân địch hoàn toàn bị bất ngờ, lúng túng cả về chiến lược, chiến dịch và chiến thuật, tạo ra sự chần chừ động mạnh, đẩy chúng đến chỗ cùng quẫn, hoảng loạn. Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng, tạo nên bước ngoặt quyết định, làm thay đổi hoàn toàn cục diện chiến trường miền Nam. Chớp thời cơ, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương tiếp tục chỉ đạo quân và dân ta ở miền Nam mở Chiến dịch Huế-Đà Nẵng, chỉ đạo Quân khu 5 kết hợp với Bộ tư lệnh Hải quân mở chiến dịch giải phóng các đảo do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ. Ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị họp và nhận định: "Thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa

vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Cần có sự quyết tâm lớn hoàn thành trận quyết định chiến lược cuối cùng tốt nhất trong tháng 4/1975”. Đầu tháng 4/1975, Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần “một ngày bằng 20 năm”, với ý chí “thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ thời gian, từng phút xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam, quyết chiến, quyết thắng”, bộ đội và nhân dân ta trên khắp các chiến trường đã dũng mãnh xông lên với quyết tâm “tất cả cho thắng lợi”.

Sau 55 ngày đêm tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, thần tốc truy đuổi quân địch đến tận sào huyệt cuối cùng, bằng trận quyết chiến chiến lược lịch sử - Chiến dịch Hồ Chí Minh, miền Nam được hoàn toàn giải phóng. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 lá cờ cách mạng của quân và dân ta tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của bè lũ bán nước và xâm lược.

Ba là, nghệ thuật kết thúc chiến tranh độc đáo.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật quân sự Việt Nam đã phát triển đến đỉnh cao trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trải qua hơn 20 năm chiến tranh ác liệt, từ những trận đánh nhỏ lẻ đến các chiến dịch quy mô lớn, quân và dân ta đã vận dụng linh hoạt các phương thức tác chiến, kết hợp hiệu quả giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, phát triển nghệ thuật quân sự phù hợp với thực tiễn chiến trường.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, Đảng ta đã xác định phương châm chiến lược là “chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính”. Đây là sự kế thừa và phát triển từ tư tưởng quân sự truyền thống của ông cha, đồng thời có sự sáng tạo để phù hợp với thực tiễn chiến trường hiện đại. Trong thế đối đầu với một kẻ thù có tiềm lực quân sự vượt trội, quân và dân ta đã linh hoạt kết hợp các hình thức đấu tranh: vừa đánh du kích, vừa tổ chức các trận đánh lớn, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự và đấu tranh chính trị, ngoại giao. Điều này không chỉ làm tiêu hao sinh lực địch mà còn làm suy giảm ý chí chiến đấu, buộc phải thay đổi chiến lược nhiều lần nhưng vẫn không thể giành chiến thắng.

Trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến, nghệ thuật quân sự Việt Nam không ngừng phát triển, đặc biệt là trong việc tổ chức và chỉ huy các chiến dịch

lớn. Diễn hình như trận Ấp Bắc (1963), dù lực lượng còn yếu, quân và dân miền Nam đã lần đầu tiên đánh bại một trận càn lớn của Mỹ, nguy, chứng minh rằng quân đội ta hoàn toàn có thể đối đầu với quân đội hiện đại. Tiếp đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã tạo ra một bước ngoặt chiến lược, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xem xét lại toàn bộ chính sách chiến tranh tại Việt Nam. Đến năm 1972, với Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không, quân và dân ta đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B-52 của Mỹ, buộc Washington phải ký Hiệp định Paris và rút quân khỏi miền Nam. Những chiến thắng này cho thấy nghệ thuật quân sự Việt Nam không chỉ là sức mạnh vũ trang mà còn là sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao.

Đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng chính là Đại thắng mùa Xuân 1975 với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nếu như những năm đầu kháng chiến, ta chủ yếu dựa vào chiến tranh du kích thì đến năm 1975, quân đội ta đã đủ mạnh để tổ chức một cuộc tổng tiến công quy mô lớn, áp dụng nghệ thuật tác chiến hiện đại. Đảng ta đã chỉ đạo chiến lược “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”, trong vòng 55 ngày đêm, quân ta tiến công dồn dập, đánh chiếm các cứ điểm quan trọng từ Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng và cuối cùng là Sài Gòn, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là minh chứng rõ nhất cho sự trưởng thành vượt bậc của nghệ thuật quân sự Việt Nam, khi quân đội xuất phát từ chiến tranh du kích, đã tiến lên chính quy, hiện đại và giành thắng lợi quyết định.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cách đây 50 năm của nhân dân ta do Đảng ta và Bác Hồ kính yêu lãnh đạo đã để lại cho chúng ta hôm nay những thành quả vĩ đại cùng những giá trị lịch sử trường tồn. Đó là chân lý không có quý hơn độc lập, tự do, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; xây dựng và thực hiện đường lối đúng đắn sáng tạo độc lập tự chủ, tăng cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; đó là tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện với nghệ thuật quân sự sáng tạo phong phú cả về phương pháp cách mạng và phương pháp tiến hành; đó là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, xây dựng mặt trận thống nhất trong cả nước và trên thế giới; đó là xây dựng Đảng

ngang tầm nhiệm vụ để sự lãnh đạo của Đảng luôn là nhân tố quyết định của mọi thắng lợi. Trong giai đoạn hiện nay, sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực. Để tiếp tục hiện thực khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045, những kinh nghiệm quý báu từ Đại thắng mùa Xuân 1975 có ý nghĩa sâu sắc, để vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 VÀ BÀI HỌC VỀ NGOẠI GIAO, ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

ThS Nguyễn Thị Hương Giang

Khoa Xây dựng Đảng

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh kéo dài nhiều thập kỷ tại Việt Nam. Chiến thắng đó không chỉ là minh chứng sinh động cho sức mạnh của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, cho khát vọng hoà bình của Nhân dân và dân tộc Việt Nam mà còn là bài học quý giá về ngoại giao và đoàn kết quốc tế.

1. Bài học về ngoại giao và đoàn kết quốc tế từ Đại thắng mùa Xuân 1975

Thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 50 năm trước là bản anh hùng ca của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là sự kết hợp hài hoà sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó ngoại giao đã thực sự đi trước, mở đường trong tạo dựng vị thế quốc gia và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế rộng lớn góp phần quan trọng giúp Việt Nam đánh thắng đế quốc Mỹ.

Thứ nhất, ngoại giao kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ, linh hoạt, mềm dẻo trong xử lý các mối quan hệ.

Quan điểm nhất quán về sự độc lập, tự chủ, kiên định nguyên tắc, đồng thời linh hoạt và khéo léo trong ứng xử là kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại và ngoại giao của đất nước. Việc giữ vững độc lập, tự chủ không chỉ là nền tảng vững chắc mà còn là điều kiện tiên quyết để kết hợp hài hòa giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Trong bối cảnh quốc tế phức tạp, khi kẻ thù có nhiều lợi thế, ngoại giao Việt Nam đã khôn khéo trong xử lý các mối quan hệ, đặc biệt với các nước lớn và những quốc gia có thể chế chính trị khác biệt. Chúng ta đã phân hóa đối thủ, mở rộng quan hệ bạn bè, thu hẹp sự đối đầu; tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế và nhân dân thế giới; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh nội lực và sự hỗ trợ từ bên ngoài, giữa tinh thần dân tộc và xu thế thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn, đánh thắng "đế quốc to".

Trong giai đoạn đàm phán ký kết Hiệp định Paris - một cuộc đàm phán ngoại giao khó khăn và dài nhất trong lịch sử (bốn năm, tám tháng, 14 ngày, với hơn 200 phiên họp, cả toàn thể và họp riêng; gần 500 cuộc họp báo và khoảng 1.000 cuộc phỏng vấn)¹¹ với sự xảo trá, lật lọng của Mỹ, Việt Nam đã kiên trì trao đổi, thông tin, làm rõ lập trường, tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em, hạn chế tác động tiêu cực từ chính sách ngoại giao nước lớn của Mỹ. Từ đó, tạo nên tảng quan trọng đi đến thành công của Hiệp định Paris ngày 27/1/1973.

Thứ hai, ngoại giao đã huy động được sự ủng hộ quốc tế to lớn về tinh thần và vật chất tạo thành nguồn lực mạnh mẽ để Việt Nam đánh thắng Mỹ.

Để phát huy được sức mạnh tổng hợp nội lực kết hợp với ngoại lực, với đường lối ngoại giao khéo léo, linh hoạt, mềm dẻo, đúng nguyên tắc, chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn về chính trị và vật chất từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nòng cốt là Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước Đông Dương ủng hộ Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Hàng trăm km đường vận chuyển chiến lược chi viện chiến trường miền Nam mở phía Tây Trường Sơn, trên đất Lào; nhiều cơ sở khai thác, cung cấp lương thực, thuốc, dụng cụ y tế đặt tại Campuchia. Từ 1973- 1975, Liên Xô đã viện trợ trị giá 654 triệu Ruble, Trung Quốc là 3.250 triệu Nhân dân tệ¹².

Với nội dung, hình thức hoạt động chính trị, ngoại giao phong phú, sáng tạo của Đảng và Nhà nước, đặc biệt sự năng động, linh hoạt, nhạy bén của các cán bộ ngoại giao, đã đưa Việt Nam đến gần với nhân dân thế giới, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Mỹ và nhân dân các nước yêu chuộng hoà bình đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa, quả cảm của dân tộc. Chúng ta đã tạo dựng, mở rộng, khai thác có hiệu quả “hậu phương quốc tế”. Hơn 200 tổ chức, ủy ban, phong trào đoàn kết ủng hộ Việt Nam ở hầu hết các nước trên thế giới. Chính phủ, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa tổ chức “Ngày Việt Nam”, “Tuần lễ Việt Nam”, “Tháng Việt Nam” và nhiều hoạt động, phong trào, hình thức khác tạo sự ủng hộ lớn về

¹¹ Xem <https://ttdn.vn/ngghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/ngoai-giao-cung-dat-nuoc-toi-dai-thang-mua-xuan-1975-78154>

¹² Xem <https://ttdn.vn/ngghien-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/ngoai-giao-cung-dat-nuoc-toi-dai-thang-mua-xuan-1975-78154>

tinh thần cho kháng chiến. Hơn 50 nước có phong trào quyên góp ủng hộ nhân dân Việt Nam, như: “100 triệu Franc... ở Pháp”, “100 triệu Yên... ở Nhật Bản”, “1 triệu... Kuron ở Thụy Điển”. Tại Mỹ có hơn 200 tổ chức chống chiến tranh ở hầu hết các bang; 16 công dân đã tự thiêu để phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã khẳng định, sự đoàn kết, ủng hộ to lớn về vật chất và tinh thần của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi.

Thứ ba, nghệ thuật “vừa đánh vừa đàm” làm thất bại mọi âm mưu của kẻ thù

Nghệ thuật đối ngoại và đàm phán của ta đã có bước phát triển vượt bậc, đạt được những thành tựu tưởng như không thể. Đặc biệt, Đảng ta đã vận dụng linh hoạt chiến lược “vừa đánh vừa đàm”, từng bước giành thắng lợi, đồng thời khéo léo xử lý sự khác biệt trong quan điểm của các cường quốc về con đường cách mạng Việt Nam. Tư tưởng “ngoại giao công tâm”, đầy thuyết phục và giàu tính nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được phát huy sâu sắc, chinh phục lòng người và tạo dựng vị thế vững chắc của Việt Nam trên trường quốc tế. Với thắng lợi của Hiệp định Paris, Việt Nam đã thể hiện rõ bản lĩnh, trí tuệ của một dân tộc anh hùng khi đàm phán với một tên đế quốc sừng sỏ có nhiều kinh nghiệm ngoại giao, từ đó góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế Việt Nam lên một tầm cao mới, sánh vai với các cường quốc.

Thứ tư, công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược của ngoại giao đã hỗ trợ đắc lực cho mặt trận quân sự và chính trị.

Thực tiễn đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của công tác nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược trong lĩnh vực ngoại giao. Ngoại giao phát huy hiệu quả lợi thế “nằm trong nhà” đối tượng, đối tác thông qua hệ thống cơ quan đại diện ở nước ngoài, các tổ chức hữu nghị, hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc với nhân sĩ, trí thức quốc tế và qua các hội nghị, đàm phán... nhằm thu thập thông tin, nắm bắt tình hình, chính sách và chiến lược của các quốc gia liên quan. Trên cơ sở đó, tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá lập trường của các nước đối với Việt Nam, cũng như cục diện và diễn biến của tình hình thế giới; cung cấp tư liệu, căn cứ

khoa học và phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để đề xuất với Đảng, Nhà nước những đối sách, giải pháp ngoại giao phù hợp. Lịch sử đã ghi nhận nhiều đánh giá, kiến nghị có giá trị chiến lược, tiêu biểu như: dự báo về ý định và chủ trương đàm phán của Hoa Kỳ; khả năng Mỹ tái đưa quân trở lại miền Nam sau năm 1973; quan điểm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, cùng với nhận định về khả năng can dự của các cường quốc trước những biến chuyển nhanh chóng, mạnh mẽ của cách mạng Việt Nam.

Ngoại giao và đoàn kết quốc tế đã trở thành nguồn lực to lớn góp phần quan trọng đưa cách mạng Việt Nam giành thắng lợi trong Đại thắng mùa Xuân 1975, kết thúc thời kỳ chiến tranh chống Mỹ kéo dài 21 năm. Những bài học đó còn nguyên giá trị và ý nghĩa thời sự đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Sự vận dụng các bài học về ngoại giao và đoàn kết quốc tế của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang vận dụng những bài học quý giá từ quá khứ, đặc biệt là từ Đại thắng mùa Xuân 1975, để xây dựng và thực hiện chính sách ngoại giao và đoàn kết quốc tế. Những bài học này không chỉ giúp Việt Nam duy trì hòa bình và ổn định mà còn thúc đẩy sự phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Một là, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.

Hiện nay, thế giới đang chứng kiến những biến động sâu sắc với tốc độ nhanh chóng, tính chất phức tạp và khó lường. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, cùng với các xung đột khu vực - đặc biệt là cuộc xung đột Nga - Ukraine vẫn tiếp diễn dưới nhiều hình thức. Cục diện quốc tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng đa cực, đa trung tâm, trong đó các nước lớn vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh và kiềm chế lẫn nhau ngày càng quyết liệt. Các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng ngày càng trở nên phức tạp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mang lại cả cơ hội và thách thức, đòi hỏi sự linh hoạt trong việc kết hợp giữa hợp tác và đấu tranh, nhất là

trong quan hệ với các cường quốc. Việt Nam kiên định thực hiện đường lối độc lập, tự chủ, coi đây vừa là mục tiêu cao nhất, vừa là nguyên tắc bất biến bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia - dân tộc. Những thành tựu to lớn của nền ngoại giao độc lập, tự chủ đã khẳng định cho tính đúng đắn phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc và xu thế chung của thời đại. Đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ đã tạo được niềm tin của các tầng lớp Nhân dân và tạo dựng sự tin tưởng của bạn bè quốc. Đường lối đối ngoại, ngoại giao đúng đắn đã giúp “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹³.

Hai là, chính sách đối ngoại đa dạng hoá, đa phương hoá trong quan hệ quốc tế

Việt Nam đã thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, không ngừng mở rộng và củng cố quan hệ với các nước trên thế giới. Điều này giúp Việt Nam tạo ra một mạng lưới đối tác rộng lớn, từ đó tăng cường sức mạnh tổng hợp và khả năng ứng phó với các thách thức toàn cầu. Đối ngoại đa phương đã góp phần đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Về kinh tế: giúp ta tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác nhất định. *Về chính trị:* đa dạng hóa và đa phương hóa giúp ta tránh bị lôi kéo, ép buộc trong quan hệ với các nước khác. *Về lĩnh vực:* Hoạt động đối ngoại triển khai trên tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, an ninh, giáo dục, khoa học kỹ thuật. *Kênh đối ngoại:* Ngoại giao Việt Nam triển khai đồng bộ trên 3 trụ cột quan trọng là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Đối ngoại đa phương đã góp phần đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 194/200 quốc gia trên thế giới, trong đó có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với hơn 30 nước. Đảng ta đã thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, Quốc hội Việt Nam có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 nước. Các tổ chức hữu nghị nhân dân có quan hệ với 1200 tổ chức nhân dân và phi chính phủ nước ngoài. Việt Nam là thành viên của hơn 70 tổ chức, diễn đàn đa phương khu vực và toàn cầu.

¹³ Xem <https://vtv.vn/chinh-tri/voi-tat-ca-su-khiem-ton-chung-ta-van-co-the-noi-rang-dat-nuoc-ta-chua-bao-gio-co-duoc-tiem-luc-vi-the-va-uy-tin-quoc-te-nhu-ngay-nay-20210126121805801.htm>

Ba là, phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; dựa và phát huy nội lực là chính, tranh thủ tối đa ngoại lực.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù là một trong những bài học quan trọng, xuyên suốt và mang tính thời sự sâu sắc nhất giúp đất nước giữ vững độc lập, tạo điều kiện để phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu trong bối cảnh mới.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định rõ: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”¹⁴, “Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị...”¹⁵. Cách tiếp cận này thể hiện một nội hàm rộng hơn, nhấn mạnh đến “sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc” - trong đó, cốt lõi là tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Đây là sự hội tụ tổng thể các tiềm lực của đất nước trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. Sức mạnh đó được hình thành từ quy mô và chất lượng dân số, là sự kết hợp hài hòa giữa sức mạnh vật chất và tinh thần, giữa “sức mạnh cứng” và “sức mạnh mềm”. Đồng thời, sức mạnh tổng hợp quốc gia còn bao gồm sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở trong và ngoài nước, cùng với sức mạnh của “cả hệ thống chính trị” - được tổ chức, vận hành dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những bài học về ngoại giao và đoàn kết quốc tế từ quá khứ đã và đang được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng một cách hiệu quả trong bối cảnh hiện nay. Sự vận dụng này không chỉ giúp Việt Nam duy trì hòa bình và ổn định mà còn thúc đẩy sự phát triển kinh tế và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Trong tương lai, việc tiếp tục phát huy những bài học này sẽ là chìa khóa để Việt Nam đạt được những thành tựu lớn hơn trong quá trình hội nhập và phát triển, đưa Việt Nam vươn mình mạnh mẽ trong Kỷ nguyên mới của dân tộc

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.325.

¹⁵ *Sđđ*, t. I, tr. 155.

Ý NGHĨA CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC NGÀY NAY

ThS Trần Thị Thu Trang

Khoa Nhà nước và Pháp luật

Chiến tranh đã lùi xa một nửa thế kỷ, nhưng cứ mỗi độ tháng tư về, triệu triệu con tim Việt Nam lại trào dâng cảm xúc đặc biệt về ký ức hào hùng và bi tráng của một dân tộc anh hùng, để rồi ngày 30/4/1975 đã mãi khắc sâu trong tâm khảm của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước, ngày mà cả dân tộc vỡ òa trong niềm vui giải phóng, ngày mà tất cả chúng ta đón nhận niềm hân hoan bất tận khi nước nhà được độc lập, non sông thu về một dải, hòa bình lập lại, lịch sử dân tộc sang trang mới, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngược dòng lịch sử cho thấy hiếm có một quốc gia nào trên thế giới phải gánh chịu nỗi đau và sự tàn phá khủng khiếp từ chiến tranh như Việt Nam: Chúng ta phải chịu sự kìm kẹp hàng ngàn năm của phong kiến phương Bắc, gần một trăm năm cùng khổ dưới ách đô hộ của chế độ thực dân và hơn hai mươi năm đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Ở mỗi thời đại, truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc đều ghi dấu những chiến công lẫy lừng, trong đó, có thể khẳng định cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là một trong những chiến công hiển hách nhất, lẫy lừng nhất, vang dội nhất của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi này không chỉ có ý nghĩa giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, giang sơn thu về một dải mà còn đưa lịch sử dân tộc bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của hòa bình; kỷ nguyên của độc lập, tự do; kỷ nguyên của đổi mới, hội nhập và phát triển; kỷ nguyên của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với ý nghĩa to lớn đối với dân tộc và thời đại, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 sẽ mãi là động lực tinh thần vô cùng quan trọng và mạnh mẽ của đất nước, Nhân dân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt

Nam xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh tình hình hiện nay, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi, song cũng còn không ít khó khăn, thách thức: Tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động; các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước, thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Những điều đó đòi hỏi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cần phát huy tất cả các nguồn lực vật chất và tinh thần, trong đó có tinh thần bất diệt của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử. Những giá trị quý báu từ Đại thắng mùa Xuân 1975 có ý nghĩa sâu sắc, để vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước hiện nay:

Thứ nhất, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của chiến thắng 30/4/1975 dưới sự lãnh đạo của Đảng vào chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì một Việt Nam hùng cường, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần bất diệt của chiến thắng 30/4/1975 cần được phát huy toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, như: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, trong lao động sản xuất, nghiên cứu, học tập, xả thân cứu dân trong thiên tai, thảm họa, dịch bệnh..., đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Thứ hai, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xem đây là động lực chủ yếu, là nhân tố cực kỳ quan trọng bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện rõ nét nhất trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 với mọi lực lượng, mọi giai tầng, nghề nghiệp xã hội, cả dân tộc ra trận với khí thế “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Dưới ngọn cờ lãnh đạo sáng tạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ra trận với khí thế hào hùng, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch. Trên tinh thần đó, trong công cuộc đổi mới ngày nay tiếp tục phát huy tinh thần truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, phát huy cao độ truyền thống yêu nước, tinh thần quyết chiến, quyết thắng,

khát vọng hòa bình, tiếp tục đổi mới, sáng tạo, ra sức thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, giành được nhiều thắng lợi mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, tạo tiềm lực, cơ sở vật chất để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo đó, toàn Đảng, toàn dân tích cực chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân, nhất là ở địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Triển khai đồng bộ, thống nhất việc xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, thực hiện nhiệm vụ kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế trên các địa bàn chiến lược, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, góp phần tạo thế đứng chân vững chắc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Thứ tư, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy nội lực của đất nước; đồng thời tranh thủ tối đa sự ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ của các nước, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước, góp phần tích cực vào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Ngày nay, chúng ta đang thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với những thời cơ, thách thức đan xen. Ý nghĩa, giá trị, hào khí của Đại thắng mùa Xuân 1975 một lần nữa cần được phát huy trong sự nghiệp xây dựng đất nước thời kỳ mới. Nhiệm vụ quan trọng là:

Tiếp tục khẳng định và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Để giữ vững vai trò lãnh đạo, Đảng cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn

Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị trong sạch, trí tuệ, ngang tầm nhiệm vụ. Kết hợp hài hòa, chặt chẽ và có hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giữa xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng. Không ngừng nâng cao năng lực và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới.

Tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử và cách mạng vẻ vang của Đảng, của dân tộc; không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên; thường xuyên đấu tranh ngăn chặn âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế tri thức, tích cực thực hiện chuyển đổi số. Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập. Thành quả của phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước ngày nay, hơn bao giờ hết, chúng ta thấu hiểu sâu sắc hơn, trân trọng hơn những giá trị, ý nghĩa và tầm vóc của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đó sẽ tiếp tục là động lực tinh thần to lớn, là bộ đỡ tư tưởng quan trọng, là sức sống vô biên cổ vũ, khích lệ và đồng hành cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đoàn kết, vững tin hướng về phía trước, thực hiện thắng mọi mục tiêu, nhiệm vụ của dân tộc và thời đại, nhằm xây dựng đất nước Việt Nam phát triển, thịnh vượng, hùng cường. Đề Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ là khúc ca khai hoàn của ngày hôm qua mà sẽ còn vang mãi hôm nay và cho đến tận mai sau.

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 TRONG TỔ CHỨC, XÂY DỰNG XÃ HỘI MỚI

ThS Phạm Thu Phương

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, không chỉ là sự kiện kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, mở ra một thời kỳ phát triển mới: thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mang một giá trị lịch sử toàn diện và sâu sắc trong việc tổ chức, xây dựng một xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa – trên nền tảng sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tổ chức xây dựng xã hội mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó con người là trung tâm của sự phát triển, lấy dân làm gốc, và mọi hoạt động của Nhà nước, Đảng đều vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Bài viết này tác giả trình bày sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là sợi chỉ đỏ, là yếu tố then chốt mang lại thành công trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, từ đó chúng ta thấy được giá trị, tầm quan trọng của đại đoàn kết trong tổ chức, xây dựng xã hội mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc - nhân tố tạo nên giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân 1975

** Đại đoàn kết là nhân tố kết nối mọi giai tầng xã hội vào sự nghiệp giải phóng dân tộc*

Trong suốt tiến trình kháng chiến chống Mỹ, tinh thần đại đoàn kết đã được thể hiện rõ nét ở khả năng huy động toàn thể dân tộc vào cuộc chiến sống còn vì độc lập và thống nhất. Không phân biệt giàu nghèo, miền xuôi hay miền ngược,

nông thôn hay thành thị, mọi tầng lớp nhân dân – từ công nhân, nông dân, trí thức, văn nghệ sĩ, tôn giáo, dân tộc thiểu số – đều đồng lòng đứng về phía cách mạng.

Từ hậu phương lớn miền Bắc đến mặt trận miền Nam khốc liệt, từ chiến trường đến vùng địch hậu, từ binh lính chính quy đến lực lượng vũ trang nhân dân và mạng lưới nhân dân tham gia kháng chiến, sức mạnh tổng hợp ấy chính là biểu hiện sinh động và cụ thể nhất của tinh thần đại đoàn kết toàn dân.

** Đại đoàn kết tạo nên sức mạnh nội sinh của dân tộc*

Trong mọi giai đoạn khó khăn nhất, tinh thần gắn bó, tương trợ, chung sức, đồng lòng giữa các cộng đồng dân cư chính là nguồn lực nội sinh mạnh mẽ nhất của dân tộc Việt Nam. Nhờ có đại đoàn kết, toàn dân tộc đã vượt qua những chia rẽ, khác biệt về địa lý, lịch sử, thậm chí cả tư tưởng và nhận thức, để cùng hướng đến mục tiêu chung: giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Miền Bắc, với vai trò là hậu phương lớn, đã dồn toàn lực cho tiền tuyến. Từ các xí nghiệp, hợp tác xã, nông trường đến các trường học, đơn vị quân đội – mọi lực lượng đều hướng về miền Nam ruột thịt. Hàng vạn thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, kỹ sư, bác sĩ, bộ đội... đã tình nguyện vượt Trường Sơn, tham gia vào các binh đoàn chiến lược hoặc chi viện hậu cần cho chiến dịch. Tinh thần “miền Bắc vì miền Nam ruột thịt” là biểu tượng cao nhất của tinh thần đoàn kết toàn dân vượt qua mọi gian khổ, hy sinh vì mục tiêu độc lập và thống nhất đất nước.

Đại đoàn kết không chỉ mang ý nghĩa vật chất qua việc huy động nhân lực, tài lực cho chiến trường, mà còn mang ý nghĩa tinh thần to lớn, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng, và vào tương lai thống nhất đất nước. Đây chính là giá trị lớn nhất mà tinh thần đại đoàn kết đã tạo nên cho thắng lợi mùa Xuân 1975.

** Đại đoàn kết trở là yếu tố then chốt, là chiến lược lâu dài tạo nên thành công cho cách mạng*

Không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, đại đoàn kết dân tộc đã được Đảng ta nâng lên thành một chiến lược cơ bản, lâu dài và nhất quán. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử (Liên Việt, Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam...) đã phát huy hiệu quả vai trò tập hợp, quy tụ và khơi dậy sức mạnh dân tộc. Khối đại đoàn kết dân tộc còn thể hiện ở sự gắn bó giữa đồng bào các dân tộc thiểu số với người Kinh trong suốt các chiến dịch. Ở Tây Nguyên, đồng bào Ê Đê, Ba Na, Gia Rai... không chỉ tham gia dẫn đường, nuôi giấu cán bộ, mà còn trực tiếp tham gia chiến đấu, góp phần giải phóng toàn khu vực này. Đây là sự kết tinh của tình đoàn kết dân tộc, của lòng yêu nước vượt qua khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và tập quán. Bên cạnh đó là sự phối hợp, ủng hộ mạnh mẽ của kiều bào Việt Nam ở nước ngoài, thậm chí cả những người trở về tham gia chiến đấu. Điều này đã cho thấy *đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là then chốt của thành công*. Đại đoàn kết dân tộc đã trở thành kim chỉ nam dẫn lối cho toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc kháng chiến. Đại đoàn kết không chỉ là phương tiện tổ chức lực lượng cách mạng, mà còn là nội dung cốt lõi làm nên tính chính nghĩa, chính danh và sức lan tỏa của cách mạng Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân 1975 trong tổ chức xây dựng xã hội mới

Sau ngày 30/4/1975, đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới – giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Nếu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là biểu hiện của sức mạnh chiến đấu toàn dân tộc, thì công cuộc tái thiết đất nước là thước đo năng lực tổ chức, trí tuệ, ý chí và sức mạnh đoàn kết của toàn xã hội. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã kịp thời xác định nhiệm vụ trung tâm: xây dựng một xã hội mới – xã hội chủ nghĩa – lấy con người làm trung tâm, dân làm gốc và tổ chức xây dựng xã hội mới trong những lĩnh vực sau:

** Đại đoàn kết là cơ sở chính trị - xã hội để xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền vững mạnh trong lòng dân*

Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính quyền là của dân, do dân, vì dân”. Chính quyền cách mạng sau năm 1975 đã cụ thể hóa nguyên lý ấy bằng việc xây dựng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội từ cơ sở, thông qua các tổ chức như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn...

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết trong xây dựng Đảng phải được thể hiện bằng sự thống nhất cao về tư tưởng chính trị, đường lối, và phương pháp hành động trong toàn Đảng. Người nhấn mạnh rằng Đảng phải thực sự là "người lãnh đạo, đồng thời là người đầy tớ trung thành của nhân dân", luôn gắn bó máu thịt với nhân dân. Sự thống nhất ấy không chỉ nhằm tạo nên một khối vững mạnh trong nội bộ Đảng, mà còn để củng cố mối quan hệ mật thiết, dựa trên niềm tin và sự đồng thuận giữa Đảng với nhân dân – nguồn gốc của mọi sức mạnh cách mạng.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng phải "là đạo đức, là văn minh"¹⁶, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, "trung với nước, hiếu với dân"¹⁷. Điều này nhằm tăng cường lòng tin và sự gắn bó của nhân dân với Đảng.

Việc tổ chức chính quyền các cấp cũng phải dựa vào dân, dựa trên ý kiến, nguyện vọng và sự tham gia tích cực của nhân dân trong quản lý, giám sát và kiểm tra bộ máy nhà nước. Hồ Chí Minh cho rằng chính quyền không thể là một bộ máy tách rời hoặc đứng trên nhân dân, mà phải là công cụ phục vụ nhân dân. Việc tổ chức bộ máy nhà nước ở mọi cấp - từ trung ương đến địa phương - cần phải phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Không chỉ dừng lại ở việc "lắng nghe", chính quyền còn phải tạo điều kiện để nhân dân trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng, vận hành và kiểm tra hoạt động của chính quyền. Điều này thể hiện rõ quan điểm dân chủ sâu sắc của Hồ Chí Minh, nhấn mạnh tính "dân chủ thực chất", chứ không hình thức. Nhân dân không chỉ là người "thụ hưởng" chính sách, mà là chủ thể kiến tạo nên chính sách, đồng thời có quyền giám sát và phê phán khi cần thiết.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải dựa trên nguyên tắc "mọi quyền lực thuộc về nhân dân"¹⁸. Điều này đòi hỏi chính quyền từ Trung ương đến địa phương phải do dân bầu, hoạt động công khai, minh bạch, chịu sự giám sát của nhân dân. Đồng thời, Nhà nước phải tạo điều kiện để mọi tầng lớp nhân dân – không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo – đều có tiếng nói, được tham gia đóng góp ý kiến, phản biện và kiểm tra hoạt động của bộ máy

¹⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12.tr.138

¹⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.386

¹⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12. tr.121

nhà nước. Nhờ đó, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được huy động hiệu quả vào sự nghiệp kiến thiết và bảo vệ Tổ quốc.

** Tổ chức xây dựng xã hội mới về kinh tế- xã hội – xã hội dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân*

- *Thứ nhất*, trong lĩnh vực kinh tế: sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trở thành nền tảng cho sự phục hồi và phát triển kinh tế sau 1975.

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng: nền kinh tế kiệt quệ, cơ sở hạ tầng đổ nát, sản xuất đình trệ, hậu quả chiến tranh nặng nề ở cả hai miền.

Trong hoàn cảnh đó, Đảng và Nhà nước xác định đại đoàn kết toàn dân tộc là lực đẩy quan trọng để tổ chức, phục hồi và phát triển kinh tế. Phát huy vai trò của nhân dân trong sản xuất. Thành lập các vùng kinh tế mới. Phát triển công nghiệp quốc doanh và hợp tác xã:

- *Thứ hai*, trong lĩnh vực văn hóa: đoàn kết dân tộc góp phần gìn giữ bản sắc, định hình xã hội mới. Bên cạnh kinh tế, xây dựng văn hóa mới là nhiệm vụ sống còn để định hình con người mới xã hội chủ nghĩa. Đại đoàn kết dân tộc là nhân tố quyết định để gìn giữ bản sắc, loại bỏ tàn dư văn hóa cũ, đồng thời xây dựng nền văn hóa thống nhất trong đa dạng.

Sau 1975, văn hóa của các dân tộc thiểu số, các tôn giáo và cộng đồng người Việt hải ngoại đều được tôn trọng và bảo tồn. Sự đoàn kết này giúp xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng không cô lập, lạc hậu. Dựa trên tinh thần tự nguyện, đồng lòng của toàn xã hội, chỉ trong vài năm sau 1975, hàng triệu người dân, đặc biệt ở miền Nam, đã được xóa mù, nâng cao dân trí. Đây là một thành công lớn về mặt giáo dục nhờ tinh thần đoàn kết, tương trợ.

Các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, các đoàn nghệ thuật cách mạng, các chương trình truyền hình chung đã làm cầu nối giữa các vùng miền, tạo sự hòa hợp dân tộc và lan tỏa giá trị mới.

- *Thứ ba*, trong phát triển xã hội: xây dựng xã hội công bằng – nhân văn trên nền tảng đồng thuận và đoàn kết. Đảng và Nhà nước kêu gọi mọi tầng lớp, kể cả những người từng tham gia chế độ cũ, đoàn kết xây dựng đất nước. Chính sách

khoan dung, hòa hợp sau 1975 là biểu hiện sinh động của đại đoàn kết dân tộc trong lĩnh vực xã hội. Bên cạnh đó còn có các chính sách dành cho thương binh, liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người già neo đơn, trẻ em mồ côi... được toàn xã hội ủng hộ và hưởng ứng, thể hiện sự nhân văn sâu sắc trong xây dựng xã hội mới. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội đóng vai trò huy động và lan tỏa tinh thần đoàn kết từ trung ương đến cơ sở, giúp gắn kết giữa Nhà nước – nhân dân, tạo đồng thuận xã hội cao trong quá trình đổi mới sau này.

** Tổ chức xây dựng đường lối đối ngoại và an ninh quốc phòng dựa trên nguyên tắc kết hợp giữa đại đoàn kết dân tộc với đại đoàn kết quốc tế*

Một trong những giá trị lịch sử to lớn của Đại thắng mùa Xuân 1975 là bài học về sự kết hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc với sự ủng hộ mạnh mẽ của bạn bè quốc tế, trở thành nền tảng tư tưởng, chính trị cho việc hoạch định đường lối đối ngoại và chiến lược an ninh – quốc phòng của nước ta sau ngày đất nước thống nhất. Nhìn từ giá trị lịch sử trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sự đoàn kết giữa đồng bào trong và ngoài nước là yếu tố then chốt để tăng cường sức mạnh toàn dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”¹⁹, nhưng đồng thời cũng khẳng định: “Việt Nam là bạn của tất cả các nước dân tộc yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới”²⁰. Đó chính là tư tưởng nền tảng cho chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển mà Đảng ta kiên trì theo đuổi kể từ sau năm 1975 đến nay.

Chiến thắng 1975 là kết quả của sức mạnh toàn dân đánh giặc – toàn dân làm nên chiến thắng, thể hiện rõ tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Cùng với đó là sự giúp đỡ chí nghĩa chí tình của các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ thế giới. Bài học này đã được Đảng và Nhà nước kế thừa sâu sắc trong xây dựng chiến lược quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân – lấy nhân dân làm trung tâm, toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc, toàn xã hội là pháo đài vững chắc trước mọi thế lực

¹⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.269

²⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr.321

thù địch. Đây là mô hình tổ chức quốc phòng – an ninh mang đậm bản sắc Việt Nam, thể hiện sinh động tư tưởng Hồ Chí Minh: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong.”

Song hành với quốc phòng toàn dân là việc xác lập một nền đối ngoại hòa hiếu, mềm dẻo nhưng kiên định nguyên tắc độc lập – tự chủ, không liên minh quân sự, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự, không sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác. Chính đường lối đối ngoại đúng đắn này đã giúp Việt Nam thoát khỏi thế bị bao vây, cấm vận, từng bước mở rộng quan hệ, đa phương hóa – đa dạng hóa đối ngoại, nâng cao vị thế trên trường quốc tế, từ một dân tộc đi từ chiến tranh đến hòa bình, trở thành một quốc gia vì hòa bình và hợp tác phát triển.

Chính vì vậy, bài học của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ dừng lại ở giá trị quân sự – chính trị, mà còn trở thành di sản chiến lược giúp Đảng ta hình thành và kiên trì thực hiện một đường lối đối ngoại đúng đắn, một thể trận quốc phòng vững chắc, một hệ thống chính trị ổn định và giàu bản sắc dân tộc.

KẾT LUẬN

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước, những giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vẫn giữ nguyên tính thời sự và sức sống mãnh liệt, là nền tảng để phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Chiến thắng ấy không chỉ là mốc son chói lọi trong lịch sử chống ngoại xâm, mà còn là nguồn cảm hứng lớn lao, bài học quý báu về lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường, và sức mạnh của đại đoàn kết dân tộc – những yếu tố then chốt quyết định thành công của sự nghiệp phát triển đất nước hôm nay. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc để tổ chức xây dựng một xã hội mới đòi hỏi phải có sự sáng tạo, để xây dựng một xã hội XHCN - nơi mà mọi người dân đều có cơ hội phát triển, sống an no, tự do, hạnh phúc; nơi mà sức mạnh dân tộc và thời đại được kết tinh, tạo nên nền tảng vững chắc cho một Việt Nam hòa bình, độc lập và phát triển bền vững.

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

ThS. Phan Thị Hải Yến

Khoa Nhà nước và pháp luật

Đại thắng Mùa Xuân 1975, không chỉ là đỉnh cao của cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc Việt Nam mà còn là một sự kiện có ý nghĩa sâu rộng đối với lịch sử thế giới. Để hiểu rõ hơn về giá trị lịch sử và thời đại của chiến thắng này, chúng ta cần nhìn nhận nó trong bối cảnh cả quá khứ và hiện tại, đặc biệt là trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.

I. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi, kết thúc 30 năm kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giành lại độc lập, thống nhất đất nước. Đây là thắng lợi vĩ đại nhất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, mang nhiều giá trị lịch sử sâu sắc.

Trước hết, thắng lợi này đánh dấu sự kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, mở ra một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Đại thắng mùa Xuân 1975 thể hiện ý chí kiên cường, lòng yêu nước nồng nàn và khát vọng hòa bình, thống nhất của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, chiến thắng này chứng minh đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh chính trị, ngoại giao và đấu tranh vũ trang; là nghệ thuật quân sự độc đáo của chiến tranh nhân dân Việt Nam, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và thời đại.

Thứ ba, Đại thắng mùa Xuân 1975 còn có ý nghĩa quốc tế sâu rộng. Nó trở thành biểu tượng sáng ngời cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên toàn thế giới, là thắng lợi của lẽ phải trước bạo lực, là minh chứng cho sức mạnh của một dân tộc nhỏ bé nhưng giàu lòng yêu nước và có chính nghĩa. Chiến thắng ấy

đã góp phần làm lung lay và tan rã trật tự thế giới do chủ nghĩa thực dân mới áp đặt sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Cuối cùng, thắng lợi năm 1975 là nền tảng vững chắc để đất nước ta bước vào thời kỳ hòa bình, thống nhất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành công cuộc đổi mới, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là tài sản tinh thần vô giá, là nguồn cổ vũ to lớn cho các thế hệ hôm nay và mai sau trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

II. GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam mà còn mang ý nghĩa thời đại sâu sắc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Chiến thắng này đã để lại nhiều bài học quý báu, góp phần định hình chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế.

1. Khẳng định sức mạnh của đấu tranh giành độc lập và tự do trong bối cảnh quốc tế

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam mà còn là minh chứng sống động cho sức mạnh của một dân tộc quyết tâm giành độc lập, tự do trong bối cảnh quốc tế đầy biến động. Chiến thắng này đã khẳng định rằng, một quốc gia dù nhỏ bé về diện tích và tiềm lực kinh tế, nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí kiên cường và sự lãnh đạo sáng suốt, hoàn toàn có thể đánh bại những thế lực xâm lược hùng mạnh.

Theo nhận định từ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là minh chứng sinh động cho giá trị của hòa bình, công lý, chính nghĩa và tiến bộ xã hội. Chiến thắng này không chỉ khẳng định vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế mà còn thể hiện sức mạnh của lòng yêu nước quả cảm, đức tính cần cù, trí tuệ thông minh và tư duy sáng tạo của con người Việt Nam²¹.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bài học từ Đại thắng mùa Xuân 1975 vẫn giữ nguyên giá trị. Nó nhắc nhở rằng, để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn

²¹ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại, https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/dai-thang-mua-xuan-nam-1975-gia-tri-lich-su-va-y-nghia-thoi-dai-1491936290?utm_source=chatgpt.com

lãnh thổ, mỗi quốc gia cần phát huy sức mạnh nội lực, đoàn kết toàn dân và kiên định với con đường phát triển đã lựa chọn. Đồng thời, cần chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng các cơ hội từ toàn cầu hóa để phát triển đất nước một cách bền vững.

Chiến thắng năm 1975 thể hiện khát vọng mãnh liệt của dân tộc Việt Nam về độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tinh thần tự lực, tự cường và ý chí kiên cường ấy trở thành nguồn động lực to lớn, giúp Việt Nam giữ vững chủ quyền quốc gia, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Theo Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Nhật, Đại thắng mùa Xuân 1975 là kết tinh của bản lĩnh dân tộc và tầm nhìn chiến lược của Đảng, mở ra kỷ nguyên phát triển độc lập, tự chủ, hội nhập và hiện đại hóa của đất nước²².

Như vậy, Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam mà còn là biểu tượng cho khát vọng độc lập, tự do và hòa bình của các dân tộc trên thế giới. Chiến thắng này tiếp tục là nguồn cảm hứng và bài học quý báu cho các quốc gia trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

2. Bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chiến thắng này không chỉ là kết quả của chiến lược quân sự tài tình mà còn là sự kết tinh của lòng yêu nước, ý chí kiên cường và tinh thần đoàn kết của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta luôn xác định đoàn kết là sức mạnh, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Chính vì vậy, Đảng đã chủ trương xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc, để cùng nhau đấu tranh vì mục tiêu độc lập, tự do và thống nhất đất nước²³.

²² Đại thắng mùa Xuân 1975 - tiền đề lịch sử cho kỷ nguyên phát triển mới, <https://baotintuc.vn/thoi-su/dai-thang-mua-xuan-1975-tien-de-lich-su-cho-ky-nguyen-phat-trien-moi-20250423143050641.htm>

²³ Cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 - biểu tượng rực rỡ của tinh thần đại đoàn kết, cmcpv.org.vn/tin-tuc/cuoc-tong-tien-cong-mua-xuan-1975-bieu-tuong-ruc-ro-cua-tinh-than-dai-doan-ket-1491935668?utm_source=chatgpt.com

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của tinh thần đại đoàn kết là sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang và nhân dân trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Các đơn vị chủ lực tiến công mạnh mẽ vào các trung tâm đầu não của địch, trong khi bộ đội địa phương, dân quân, du kích và quần chúng nhân dân nổi dậy giành chính quyền, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở. Sự phối hợp nhịp nhàng này đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên chiến thắng vang dội.

Bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vẫn còn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố then chốt để đất nước phát triển bền vững, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

3. Tạo nền tảng cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế

Chiến thắng Mùa Xuân 1975 không chỉ mang lại độc lập, thống nhất cho đất nước mà còn là bước ngoặt quan trọng tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sau chiến thắng, Việt Nam bước vào giai đoạn xây dựng đất nước sau chiến tranh, đồng thời phải đối mặt với những thách thức lớn trong việc tái thiết nền kinh tế và hòa nhập vào cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, Đại thắng Mùa Xuân 1975 đã mở ra cơ hội để Việt Nam mở rộng các mối quan hệ đối ngoại, hướng tới hội nhập và hợp tác quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi mà trao đổi thương mại, công nghệ và tri thức trở thành yếu tố then chốt để phát triển, Việt Nam đã chủ động tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế. Sau chiến thắng, Việt Nam đã dần mở cửa thị trường, tiếp cận với các nền kinh tế lớn, thúc đẩy hợp tác thương mại và đầu tư quốc tế. Những năm sau 1975, Việt Nam đã thực hiện những bước đi đầu tiên trong việc gia nhập vào các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, ASEAN, và các tổ chức khu vực khác.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc tham gia vào các tổ chức quốc tế và khu vực không chỉ giúp Việt Nam thúc đẩy sự phát triển kinh tế mà còn tạo điều kiện để học hỏi và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý. Đại thắng Mùa Xuân 1975 không chỉ là chiến thắng quân sự mà còn là

động lực giúp Việt Nam tự tin đối mặt với các thách thức kinh tế toàn cầu, xây dựng một nền kinh tế mở và hội nhập.

Ngoài ra, chiến thắng này còn giúp Việt Nam củng cố vị thế quốc tế, tạo dựng niềm tin và mở rộng các mối quan hệ đối ngoại đa phương, qua đó nâng cao khả năng đàm phán và hợp tác với các quốc gia, góp phần vào việc xây dựng một Việt Nam mạnh mẽ, sẵn sàng hội nhập và đối mặt với các thách thức toàn cầu trong thế kỷ XXI.

4. Giá trị tinh thần và ảnh hưởng lâu dài

Cuối cùng, ý nghĩa của Đại thắng Mùa Xuân 1975 trong bối cảnh toàn cầu hóa còn nằm ở giá trị tinh thần mà chiến thắng này mang lại. Trong một thế giới ngày càng kết nối và đa dạng, sự kiên cường, đoàn kết và lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam vẫn là một nguồn cảm hứng không chỉ trong nước mà còn đối với các quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia đang phát triển. Đại thắng Mùa Xuân 1975 là minh chứng cho niềm tin vào sức mạnh của tinh thần dân tộc trong việc vượt qua khó khăn và thử thách.

Có thể nói, Đại thắng Mùa Xuân 1975 có giá trị vô cùng lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa, không chỉ trong việc khẳng định quyền tự quyết của các dân tộc mà còn góp phần định hình và thay đổi cục diện chính trị thế giới. Chiến thắng này không chỉ là một sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc Việt Nam mà còn là một thông điệp mạnh mẽ về độc lập, tự do và quyền tự quyết trong một thế giới đang hội nhập sâu rộng.

III. GIÁ TRỊ VÀ BÀI HỌC TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 CHO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

Đại thắng Mùa Xuân 1975 không chỉ là niềm tự hào của dân tộc mà còn là một kho tàng giá trị vô giá mà chúng ta có thể học hỏi trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Một số bài học quan trọng mà chúng ta có thể rút ra từ chiến thắng này bao gồm:

1. Tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường

Cả dân tộc Việt Nam, từ những chiến sĩ đến nhân dân, đã đồng lòng đoàn kết, vượt qua khó khăn, thử thách để chiến đấu giành lại độc lập, tự do cho đất

nước. Tinh thần này vẫn luôn là bài học quý giá cho chúng ta trong việc đối mặt với các thách thức toàn cầu hiện nay. Trong đại dịch COVID-19, chính tinh thần đoàn kết dân tộc đã giúp Việt Nam kiểm soát hiệu quả dịch bệnh giai đoạn đầu, trở thành một trong những nước có tỷ lệ tử vong thấp nhất trong khu vực.

2. Sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhân tố quyết định mọi thắng lợi

Đại thắng Mùa Xuân năm 1975 là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Từ việc kiên trì đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đến nghệ thuật quân sự độc đáo như chiến lược “đánh chắc, tiến chắc”, đòn chiến lược “tranh thủ thời cơ”, tất cả đều thể hiện sự lãnh đạo đúng đắn, khoa học và tầm nhìn chiến lược của Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sáng con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc, đặt nền móng cho tư duy chiến lược quân sự và chính trị của cách mạng Việt Nam. Người từng khẳng định: *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*, và tư tưởng đó đã trở thành kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong suốt hành trình đi đến thắng lợi lịch sử năm 1975.

Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chiến thắng 1975 là “thành quả tổng hợp của nghệ thuật lãnh đạo cách mạng, sự chỉ đạo chiến lược sáng suốt của Bộ Chính trị Trung ương Đảng” (Báo Nhân Dân).

Vận dụng bài học vào hiện tại

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, vai trò của Đảng càng trở nên đặc biệt quan trọng. Chỉ có sự lãnh đạo kiên định, đổi mới, khoa học và gắn bó với nhân dân mới có thể đưa đất nước vượt qua những biến động toàn cầu, thích ứng với xu thế phát triển, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và đảm bảo ổn định chính trị – nền tảng của phát triển bền vững.

Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: *“Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam”*

Cụ thể, trong quá trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã thể hiện bản lĩnh độc lập trong đối ngoại, linh hoạt trong điều hành kinh tế và nhất quán trong mục tiêu

phát triển vì con người, tất cả đều là kết quả từ sự lãnh đạo vững vàng, nhạy bén của Đảng ta.

Dẫn chứng thực tiễn: Trong năm 2023, Việt Nam thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao hàng đầu ASEAN, với GDP tăng 5,05% bất chấp biến động toàn cầu²⁴.

3. Khả năng tận dụng cơ hội và đấu tranh bền bỉ - Bài học chiến lược trong phát triển đất nước hiện nay

Một trong những nhân tố quyết định làm nên thắng lợi lịch sử của Đại thắng Mùa Xuân năm 1975 chính là khả năng nắm bắt, tận dụng thời cơ chiến lược một cách linh hoạt, kết hợp với tinh thần kiên trì, đấu tranh bền bỉ vì mục tiêu thống nhất Tổ quốc. Đảng ta đã biết "chọn đúng thời điểm, đúng cách đánh, phát huy tối đa nội lực và sự ủng hộ quốc tế", từ đó tạo nên sức mạnh tổng hợp dẫn đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay, bài học này mang ý nghĩa sâu sắc. Đất nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển nhờ xu thế chuyển đổi số, toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức to lớn như biến đổi khí hậu, cạnh tranh địa chính trị, suy thoái kinh tế toàn cầu. Việc nắm bắt đúng thời cơ, chủ động thích ứng, linh hoạt trong chính sách và kiên trì theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững chính là chìa khóa để Việt Nam vượt qua khó khăn, vươn lên mạnh mẽ.

Thực tiễn gần đây cho thấy: trong đại dịch COVID-19, Việt Nam đã nhanh chóng chuyển hướng sang phát triển kinh tế số, đẩy mạnh công nghệ thông tin, thương mại điện tử, nhờ đó vẫn giữ được tăng trưởng dương trong khi nhiều nền kinh tế lớn bị suy giảm nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP để mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Từ đó có thể thấy: bài học về sự tỉnh táo trong nắm bắt thời cơ và ý chí kiên định trước khó khăn không chỉ là di sản quý báu của Đại thắng Mùa Xuân 1975 mà còn là kim chỉ nam trong hành trình đưa đất nước phát triển bền vững, tự cường và vươn tầm quốc tế.

²⁴ Tổng cục Thống kê - GSO, <https://www.nso.gov.vn/>

Đại thắng Mùa Xuân 1975 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, là biểu tượng của sức mạnh đoàn kết, ý chí kiên cường và trí tuệ của dân tộc ta. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, chiến thắng này không chỉ có giá trị lịch sử mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và phát triển đất nước. Những bài học quý báu từ Đại thắng Mùa Xuân 1975 sẽ tiếp tục là kim chỉ nam cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới./.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 - SỨC MẠNH CỦA ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ, SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

ThS Ngô Thị Ninh Dung

Khoa Xây dựng Đảng

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là đỉnh cao của bản anh hùng ca lòng yêu nước và tự hào dân tộc. Tại Đại hội Đảng lần thứ IV, Đảng ta đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính chất thời đại sâu sắc”²⁵.

Để có được thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là nhờ Đảng ta đã biết phát huy rất nhiều nhân tố trong đó Đảng đã ra sức tăng cường đoàn kết quốc tế, phát huy tối đa sức mạnh của thời đại, coi đó là một bộ phận hợp thành của đường lối chống Mỹ cứu nước và đưa hoạt động đối ngoại, đấu tranh ngoại giao thành một mặt trận có tầm quan trọng chiến lược, góp phần tạo nên sự vượt trội về thế và lực của nhân dân ta để đánh thắng kẻ thù.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta diễn ra trong bối cảnh trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản đã có những bước phát triển vượt bậc làm thay đổi lực lượng so sánh có lợi cho sự nghiệp cách mạng và hoà bình. Phong trào đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình thế giới thu hút nhân dân các nước tham gia ngày càng đông đảo. Những nhân tố mới đó là những thuận lợi rất cơ bản cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Tuy nhiên trên bình diện quốc tế, nhân dân ta cũng phải đương đầu với những khó khăn, thử thách rất nghiêm trọng phát sinh từ sự bất hoà ngày càng sâu

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t37, tr.471.

sắc trong phong trào cộng sản quốc tế, giữa các đảng và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc. Đế quốc Mỹ đã ra sức lợi dụng và khai thác tình hình đó để mở rộng chiến tranh, đồng thời tìm mọi cách hòng cô lập và đè bẹp cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Trong bối cảnh quốc tế đó, nhờ có đường lối kháng chiến và chính sách đối ngoại đúng đắn, sáng tạo, đồng thời nhờ kinh nghiệm trong hoạt động đối nội, đối ngoại, ta đã phát huy các nhân tố thuận lợi, hạn chế những khó khăn phức tạp, biến yếu tố quốc tế, yếu tố thời đại thành sức mạnh hiện thực để tăng cường thực lực của nhân dân ta trong cách mạng và kháng chiến. Có thể nói, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã biến thành lương tri và sự nghiệp của cả loài người tiến bộ. Đảng ta đã biết khai thác và phát huy đến mức cao độ sức mạnh đoàn kết quốc tế chống Mỹ và thắng Mỹ. Sức mạnh đoàn kết quốc tế, sức mạnh thời đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được đúc kết thành những bài học thành công lớn sau:

Một là, kiên trì đoàn kết quốc tế, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ.

Ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (năm 1930), Đảng ta luôn luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới. Vì thế, thực hiện đoàn kết quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế chân chính là một vấn đề nguyên tắc có quan hệ tới sự sống còn của cách mạng và sự thành bại của công cuộc cứu nước. Đặc biệt trong cuộc chống Mỹ, yếu tố thời đại có tác động rất lớn đến lực lượng so sánh giữa ta và Mỹ. Vì thế, Đảng ta chủ trương trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải thực hiện cho được sự đoàn kết liên minh với các lực lượng cách mạng của thời đại, phải chăm lo vun đắp và phát triển sự đoàn kết giữa nước ta với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên Xô, Trung Quốc, lấy đó làm cơ sở, làm hạt nhân để mở rộng đoàn kết với tất cả những người cộng sản, những lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ và tiến bộ khác trên thế giới từ đó hình thành và phát triển một mặt trận rộng lớn của nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam và ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Mặt trận đó cùng với mặt trận đại đoàn kết toàn dân trong nước và liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương góp phần tạo ra một tập hợp lực lượng chưa từng thấy bao vây, cô lập và tiến công đế quốc Mỹ từ mọi phía.

Mặt khác, Đảng ta luôn nhận rõ cách mạng nước nào phải do nhân dân nước đó tự làm là chính và đảng cầm quyền mỗi nước phải chịu trách nhiệm với vận mệnh của dân tộc mình, có nghĩa vụ phải lãnh đạo nhân dân nước mình làm cách mạng thành công, qua đó góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Để làm được điều đó Đảng ta đã nêu cao tinh thần độc lập tự chủ trong việc hoạch định đường lối và phương pháp cách mạng thích hợp với đặc điểm, điều kiện của nước ta. Đặc biệt từ cuối những năm 1950, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế xuất hiện những quan điểm bất đồng về nhiều vấn đề quốc tế cơ bản, chiến lược, sách lược cách mạng, về đường lối và phương pháp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nói chung và chống đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam nói riêng. Trong tình hình đó, vấn đề giữ vững và phát huy quyền độc lập tự chủ là quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã chỉ ra rằng, chỉ khi nào nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ thì mới phát huy được mọi tiềm năng và sức mạnh của thời đại, tiếp nhận tốt sự giúp đỡ của quốc tế. Khi nào tinh thần độc lập tự chủ được phát huy thì cách mạng có sáng tạo và phát triển.

Hai là, lấy việc đánh thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ làm mục tiêu tối cao, làm phương tiện hữu hiệu để mở rộng và tăng cường mặt trận đoàn kết quốc tế ủng hộ Việt Nam.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ngay từ đầu đã giành được sự đồng tình ủng hộ và sự đoàn kết của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, một số anh em, bầu bạn khác, kể cả những người cộng sản tuy đứng về phía nhân dân ta, ủng hộ cuộc chiến đấu của chúng ta, song còn bộc lộ những sự dè dặt, do lo ngại một đốm lửa nhỏ làm chiến tranh lan rộng làm nguy hại đến hoà bình thế giới và chưa tin rằng nhân dân ta có thể đương đầu nổi với sức mạnh không lồ của đế quốc Mỹ.

Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương phải động viên những cố gắng cao nhất ở trong nước kiến quốc tiến hành kháng chiến thắng lợi, lấy việc đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ làm mục tiêu tối cao, làm phương tiện hữu hiệu để tranh thủ sự đồng tình của các bạn đồng minh, mở rộng và tăng cường mặt trận đoàn kết quốc tế ủng hộ Việt Nam. Chỉ có thông qua cuộc chiến đấu thực tế trên

chiến trường, thông qua những thắng lợi từng bước của ta trong kháng chiến, ta mới có thể làm cho các đảng, các nước anh em nhận thấy sự đúng đắn của đường lối kháng chiến của Đảng và Nhà nước và nhân dân ta. Nhân dân thế giới ngày càng nhận rõ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam là cuộc chiến đấu tiêu biểu cho chính nghĩa chống phi nghĩa, văn minh chống tàn bạo. Ủng hộ Việt Nam là ủng hộ những người chiến đấu bảo vệ những giá trị nhân văn của loài người, bảo vệ những tư tưởng tiến bộ của thời đại. Chính vì vậy, thế giới đã hình thành phong trào “phản chiến”, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ đối với Việt Nam.

Việt Nam đã thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ bằng sức mạnh tổng hợp của dân tộc và thời đại. Việt Nam đã thắng nhờ biết lấy thành quả của kháng chiến để mở rộng và tăng cường đoàn kết quốc tế; và sự đoàn kết và ủng hộ của quốc tế đến lượt nó đã trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Ba là, kết hợp chặt chẽ đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị; kết hợp chặt chẽ cuộc chiến đấu trên chiến trường với đấu tranh trên bàn đàm phán.

Khi chủ trương mở mặt trận đấu tranh ngoại giao, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 13 (Khoá III) đã vạch rõ: “Đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay đối với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, cuộc đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động của nó”.

Kinh nghiệm cho thấy, có kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị; kết hợp chặt chẽ cuộc chiến đấu trên chiến trường với cuộc đấu tranh trên trường quốc tế mới đánh vào chỗ yếu nhất của chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ là về chính trị. Hiệu quả của đấu tranh

ngoại giao mới góp phần tạo thêm thế và lực cho cuộc đấu tranh. Điều đó thể hiện rất rõ trong giai đoạn mở ra cục diện “vừa đánh vừa đàm”.

Thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, làm rung chuyển cả Nhà Trắng và Lầu Năm Góc, làm đảo lộn toàn bộ tính toán chiến lược và làm lung lay mạnh ý chí xâm lược của chính quyền Mỹ buộc họ phải phi Mỹ hoá và xuống thang chiến tranh, thì Giôn-xơn mới chịu tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 độ trở ra, cử đại diện Mỹ thương lượng với Việt Nam và không ra ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ mới.

Cuộc đàm phán Pari đã mở ra cục diện “vừa đánh vừa đàm”, phản ánh một giai đoạn chiến đấu cực kỳ gay go, quyết liệt giữa ta và Mỹ. Đây cũng là đỉnh cao của sự kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng cuộc chiến đấu của quân và dân ta trên chiến trường với cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán và trên trường quốc tế. Tuy chấp nhận đến Hội nghị Pari đàm phán với ta, nhưng trên chiến trường Mỹ vẫn tiếp tục kéo dài và mở rộng chiến tranh bằng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, mở rộng chiến tranh xâm lược sang cả Lào và Campuchia, đưa cường độ chiến tranh lên mức độ rất cao, rất ác liệt ở cả hai miền Nam, Bắc. Đế quốc Mỹ vẫn theo đuổi đến cùng ý đồ đàm phán trên thế mạnh, hòng cứu vớt thất bại và ép buộc ta chấp nhận những điều kiện có lợi cho họ. Thậm chí đến sát những ngày buộc Mỹ không thể không ký Hiệp định Pari, chính quyền Mỹ vẫn còn đe dọa sẽ dùng vũ lực: “Hoặc nhượng bộ theo yêu sách của Mỹ trong vòng ba ngày hoặc phải đương đầu với một chiến dịch ném bom”. Đế quốc Mỹ tính toán sẽ khuất phục được ta bằng cuộc tập kích chiến lược của máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng hòng giành thế mạnh trong thương lượng.

Còn ta mở đàm phán là triển khai đúng lúc mặt trận tiến công ngoại giao, kết hợp chặt chẽ đấu tranh ngoại giao với đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp chặt chẽ cuộc chiến đấu trên chiến trường với đấu tranh trên bàn đàm phán, đẩy mạnh cuộc vận động quốc tế, đánh vào hậu phương của đế quốc Mỹ, nhằm làm thất bại mọi âm mưu của Mỹ, kéo chúng tiếp tục xuống thang chiến tranh, tạo điều kiện cho ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Hoà nhịp với thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên các chiến trường trong những năm 1971 - 1972, trên bàn đàm phán, ta không ngừng đẩy mạnh tiến công trên thế chủ động hơn bao giờ hết. Sau khi Mỹ bị thất bại thảm hại trong chiến dịch đánh phá Hà Nội, Hải Phòng cuối năm 1972, âm mưu đàm phán trên thế mạnh của Mỹ hoàn toàn bị phá sản, ý chí xâm lược của Mỹ đã hoàn toàn sụp đổ; do đó Mỹ bị buộc phải ký Hiệp định Pari, chấp nhận rút hết quân Mỹ và các nước phụ thuộc Mỹ về nước, chấm dứt dính líu quân sự ở Việt Nam.

Thắng lợi của Hiệp định Pari đã làm thay đổi lực lượng so sánh có lợi chưa từng có cho ta trên chiến trường miền Nam, mở ra thời cơ lịch sử để ta tiến tới nhanh chóng giải phóng hoàn toàn miền Nam vào Mùa Xuân năm 1975.

Bốn là, huy động, phối hợp mọi lực lượng, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và đấu tranh ngoại giao.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, hoạt động đối ngoại và đấu tranh ngoại giao có vai trò rất quan trọng. Phải thông qua nó thì mới thực hiện được sự kết hợp lực lượng trong nước với lực lượng quốc tế, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Vì thế, hoạt động đối ngoại, đấu tranh ngoại giao đã được Đảng và Nhà nước ta coi trọng và chỉ đạo chặt chẽ.

Để đạt hiệu quả tối đa trong hoạt động đối ngoại và đấu tranh ngoại giao, ta đã chủ động, tích cực, linh hoạt, sử dụng nhiều hình thức tổ chức, nhiều phương thức đấu tranh, huy động nhiều lực lượng tham gia, phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Về mặt Đảng, ta luôn coi trọng tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa Đảng ta với các đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng khác trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nhằm không ngừng củng cố tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ta với các đồng minh chiến lược của mình. Đảng ta coi đây là một khâu có ý nghĩa quyết định nên đã dành nhiều tâm trí, công sức vào nhiệm vụ này. Đặc biệt giữa lúc Liên Xô và Trung Quốc có bất hoà gay gắt, Đảng đã luôn cảnh giác đối với âm mưu chia rẽ của địch, xử lý rất khôn khéo, “có lý có

tình” mối quan hệ giữa ta với Liên Xô, Trung Quốc, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của sự bất hoà này.

Về mặt nhà nước, ta đã tăng cường quan hệ giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam với chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa, các nước độc lập dân tộc, các nước không liên kết và các nước khác có quan hệ ngoại giao chính thức hoặc bán chính thức với ta, nhằm phát huy thanh thế của lực lượng kháng chiến, nâng cao uy tín của Nhà nước ta và của chính quyền cách mạng ở miền Nam Việt Nam, làm cho các nước đó ngày càng hiểu rõ đường lối, chính sách của ta, đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở hai miền Nam, Bắc ngày càng mạnh mẽ.

Đi đôi với hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước, thông qua đại biểu các tầng lớp nhân dân, các tổ chức thành viên của Mặt trận dân tộc thống nhất ở hai miền, ta đã tăng cường quan hệ với các tổ chức dân chủ quốc tế như thanh niên, phụ nữ, công đoàn... mở rộng tiếp xúc với các chính khách, nhân sĩ, trí thức, các nhà kinh doanh, các nhà khoa học, các tổ chức tôn giáo, xã hội, các tổ chức phi chính phủ của các nước và tranh thủ tham gia các diễn đàn quốc tế... hình thành phương thức hoạt động ngoại giao nhân dân rất đa dạng và phong phú.

Nhờ kết hợp hoạt động ngoại giao của Đảng, Nhà nước và hoạt động ngoại giao nhân dân, ta đã tạo thành một sức mạnh đấu tranh ngoại giao tổng hợp rộng lớn đẩy địch vào một thế chính trị “bị kẹp bên trong, bị tiến công bên ngoài”. Trong công tác đối ngoại và ngoại giao phải luôn luôn thấm nhuần tư tưởng lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhắc nhở: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Cái bất biến ở đây là “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Kinh nghiệm cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam cũng như của nhiều nước trên thế giới gần thế kỷ qua cho thấy: trong thời đại ngày nay, thời đại đông đảo nhân dân thế giới đã hướng vào mục tiêu chung là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, bất cứ dân tộc nào muốn giành thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chống những kẻ thù lớn mạnh, thì đi đôi với việc dựa vào sức mình là chính, nhất thiết phải tranh thủ cho

được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo bạn quốc tế, khai thác tối đa sức mạnh của thời đại. Hiện nay, trên thế giới hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Trong bối cảnh đó, bài học đoàn kết quốc tế, phát huy sức mạnh thời đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta cần được nghiên cứu và vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với tình hình thế giới hiện nay, để thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại rộng mở. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế nhằm phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo đường lối đổi mới của Đảng ta.

**PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG KỶ NGUYÊN
VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC - BÀI HỌC TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN
NĂM 1975**

*ThS Tô Thị Thanh Lê
Khoa Nhà nước và pháp luật*

Ngày 30/4/1975 - một ngày đặc biệt khiến cả dân tộc Việt Nam được sống trong cảm xúc vỡ òa của niềm vui chiến thắng, hòa bình, thống nhất non sông. Thời khắc xe tăng của quân Giải phóng húc đổ cánh cổng Dinh Độc Lập, lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng tung bay trên nóc dinh đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ Ngụy quyền. Khi tiếng loa phát thanh vang lên: “Sài Gòn đã hoàn toàn giải phóng” - câu nói ấy đã khiến hàng triệu trái tim rung động, cả đất nước như vỡ òa trong niềm hạnh phúc đến nghẹn ngào. Đó chính là một trong những thời khắc thiêng liêng và xúc động nhất trong lịch sử dân tộc - một ngày hội lớn của non sông, một bản hùng ca chiến thắng tràn ngập niềm vui và tự hào sau hơn 21 năm kháng chiến gian khổ, trường kỳ.

Không chỉ người dân Sài Gòn, mà ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam, cờ đỏ sao vàng tung bay khắp các ngã đường, những đoàn người kéo nhau ra đường, những tiếng reo hò, mọi người ôm chầm lấy nhau trong niềm vui sướng khôn tả của ngày thống nhất, ngày mà non sông thu về một mối. Không khí ngày giải phóng là âm vang bất diệt trong tâm hồn mỗi người Việt - từ quá khứ đến hiện tại và mãi về sau.

1. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, không chỉ là người đặt nền móng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn là người khởi xướng và kiên trì phát triển tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn coi đoàn kết là một chiến lược lâu dài, là sức mạnh to lớn, là yếu tố quyết định thành công của cách mạng Việt Nam.

Trong tư tưởng của Người, đoàn kết chính là là “cội nguồn của sức mạnh”, là “chìa khóa của mọi thắng lợi”, tinh thần đại đoàn kết dân tộc không chỉ là một khẩu hiệu mang tính tinh thần, mà đó là truyền thống lịch sử lâu đời của dân tộc Việt Nam, truyền thống ấy đã được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”²⁶. Đây là một trong những lời khẳng định sâu sắc nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đại đoàn kết - cội nguồn sức mạnh, nhân tố quyết định mọi thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Chính nhờ “lòng nồng nàn yêu nước” và tinh thần đại đoàn kết ấy, dân tộc ta đã chiến thắng bao kẻ thù xâm lược hùng mạnh - từ giặc phương Bắc ngàn năm trước cho đến thực dân, đế quốc hiện đại ở thế kỷ XX.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không phân biệt tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo - đã được phát huy mạnh mẽ, góp phần làm nên thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc đã kết tinh thành những chiến thắng vang dội như Điện Biên Phủ 1954 và Đại thắng mùa Xuân 1975. Đó không chỉ là chiến thắng của quân đội, mà là thành quả của sự đồng tâm hiệp lực giữa hậu phương và tiền tuyến, giữa Nhân dân và chiến sĩ, giữa đồng bào trong nước và kiều bào nước ngoài.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ là chiến thắng mang tính quân sự và chính trị vang dội, mà còn là biểu tượng sống động, sâu sắc nhất của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Chiến thắng ấy là kết tinh sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự lãnh đạo tài tình của Đảng, ý chí sắt đá của quân đội đến toàn thể Nhân dân Việt Nam. Trong suốt chặng đường trường kỳ kháng chiến chống Mỹ, từ miền xuôi đến miền ngược, từ nông thôn đến thành thị, từ tiền tuyến

²⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.7, tr.38.

đến hậu phương - hàng triệu trái tim Việt cùng chung một nhịp đập vì khát vọng thống nhất non sông, độc lập - tự do cho Tổ quốc, toàn thể nhân dân Việt Nam đã cùng nhau “chung lưng đấu cật”, đồng tâm hiệp lực, tạo nên sức mạnh vô song đánh bại đế quốc hùng mạnh nhất thế giới. Đại thắng mùa Xuân 1975 vì thế không chỉ đánh dấu sự kết thúc của một cuộc chiến tranh, mà còn là mốc son chói lọi khẳng định giá trị bất diệt của tinh thần đoàn kết dân tộc - một bài học lớn vẫn còn nguyên ý nghĩa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết

Trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn nhấn mạnh đến vai trò của đại đoàn kết - một giá trị truyền thống quý báu của dân tộc ta trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tự tôn dân tộc. Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là chủ trương xuyên suốt, thống nhất của Đảng ta trong suốt quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố vững chắc, tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh vẫn là ngọn đuốc soi đường. Trước những biến động của thời đại, chỉ khi toàn dân đoàn kết - từ trong nước đến kiều bào, từ các dân tộc, tôn giáo đến các tầng lớp nhân dân - thì Việt Nam mới có thể xây dựng một đất nước hòa bình - ổn định - phát triển bền vững.

Từ sau Đại thắng mùa Xuân 1975 đến nay, 50 năm đã trôi qua, nhưng bài học về sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam bổ sung, phát triển cả về quan điểm, nhận thức và hành động, đặc biệt là trong những kỳ Đại hội Đảng gần đây. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng Cộng sản Việt Nam đã mở rộng và làm rõ vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc, xác định đây là động lực chính cho sự phát triển đất nước trong bối cảnh mới, trong đó các lợi ích được xem xét một cách hài hòa và hợp lý: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh

giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”²⁷. Quan điểm mới này không chỉ khẳng định tầm quan trọng của đại đoàn kết mà còn nhấn mạnh việc phải có sự cộng hưởng giữa các thành phần kinh tế và xã hội, từ đó tạo ra động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một trong bốn thành tố chủ đề của đại hội, nhấn mạnh rằng đây không chỉ là nhiệm vụ quan trọng mà còn là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu để bảo đảm thắng lợi bền vững trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, sự đoàn kết không chỉ tạo ra sức mạnh nội tại mà còn là yếu tố quyết định cho sự thành công trong các mục tiêu chiến lược. Đại hội khẳng định mục tiêu cao nhất trong đại đoàn kết là “giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”²⁸.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc đã được khẳng định lại một cách mạnh mẽ và sâu sắc hơn, tiếp nối những đường lối đã được xác định từ các Đại hội trước. Đại hội XI khẳng định: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²⁹. Quan điểm này đã nhấn mạnh sự cần thiết của đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên cơ sở bình đẳng giữa các dân tộc, giải quyết hài hòa lợi ích các dân tộc. Điều này không chỉ là nền tảng để phát triển bền vững mà còn là động lực thúc đẩy sự hòa hợp và tiến bộ của toàn xã hội Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, quan điểm về đại đoàn kết toàn dân tộc đã được phát triển trong một tư duy mới, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát huy mọi nguồn lực và tiềm năng của Nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Do

²⁷ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 23.

²⁸ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr. 41.

²⁹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 51.

đó, để tăng cường đại đoàn kết, cần chú ý đến việc nâng cao tiềm lực chính trị, tinh thần của nhân dân. Điều này tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển. Đồng thời phải phát huy tiềm lực quân sự và kinh tế, khoa học - công nghệ, bảo vệ an ninh quốc gia, kết hợp thể trận quốc phòng với thể trận an ninh nhân dân để đảm bảo hiệu quả trong công tác bảo vệ Tổ quốc.

Trước tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nhân tố có thể gây mất ổn định, bất trắc, khó lường; nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định đây là một quan điểm, chủ trương lớn cần được toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nỗ lực củng cố, tăng cường trong chặng đường tiếp theo của cách mạng nước ta. Quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”³⁰.

Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc đã tiếp tục khẳng định quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc là nội dung quan trọng, xuyên suốt trong đường lối, chiến lược của Đảng, nguồn sức mạnh to lớn, nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng ta khẳng định là “đường lối chiến lược” xuyên suốt, là “động lực và nguồn lực to lớn” trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Điều này không chỉ thể hiện trong các văn kiện Đại hội Đảng mà cả trong thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới của đất nước suốt gần 40 năm qua, góp phần khẳng định cơ đồ, tiềm lực, vị thế của đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

3. Giải pháp tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, từng bước gặt hái những thắng lợi trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

³⁰ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 10 (khóa XIII) thống nhất khẳng định Việt Nam bước vào *kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*. Hội nghị khẳng định để vươn mình thành công, rất cần thống nhất nhận thức, niềm tin; sáng tỏ tầm nhìn, chiến lược và nỗ lực hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Như vậy, trong *kỷ nguyên vươn mình của dân tộc* tinh thần đại đoàn kết không chỉ là một khẩu hiệu chính trị mà đã trở thành một giá trị cốt lõi, một phương châm hành động xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước. Phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhân dân ta đã từng bước gạt hái nhiều thắng lợi quan trọng.

Việt Nam là một trong những quốc gia có nền chính trị ổn định nhất khu vực và thế giới. Đây là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và bảo đảm an ninh quốc gia.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và tăng trưởng liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 40 năm qua với mức tăng trưởng trung bình gần 7% mỗi năm. Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008, năm 2024 GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD/người và sẽ trở thành nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 (khoảng 7.500 USD). Việt Nam đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 22 toàn cầu. Đầu tư nước ngoài liên tục phát triển, trở thành một trong những quốc gia hàng đầu ASEAN về thu hút FDI. Việt Nam được Liên hợp quốc công nhận là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Về giáo dục, y tế, bảo hiểm... nước ta cũng đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Năm 2024, quy mô GDP đạt 476,3 tỷ USD, đứng thứ 33 thế giới; với tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,09 %, - Việt Nam trở thành điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới, mở ra một bước chuyển mình mới, giai đoạn phát triển kinh tế Việt Nam trong 2025 - 2030, nấc thang mới, thể hiện tinh thần vươn mình, nỗ lực vượt bậc nhằm đạt được mức tăng trưởng đột phá và phát triển bền vững.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế... đều có sự phát triển vượt bậc. Phát triển văn hóa, xã hội, con người có nhiều tiến bộ. Định hình hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực

con người Việt Nam. Đến nay có gần 99% số người lớn Việt Nam biết đọc, biết viết, số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 20 lần, phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2014... Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được nâng lên.

Quan hệ đối ngoại được mở rộng, hội nhập quốc tế ngày càng hiệu quả. Việt Nam đã và đang thể hiện rõ, tốt vai trò là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định và nâng cao. Đến nay Việt Nam đã phá thế bao vây, cô lập, mở rộng quan hệ đối ngoại với 194 quốc gia và vùng lãnh thổ, trở thành một thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế.

Trong cuộc chiến chống “giặc Covid-19”, thêm một lần nữa, truyền thống đoàn kết tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam được phát huy mạnh mẽ, góp phần đưa đất nước từng bước vượt qua đại dịch, khôi phục nền kinh tế, sẵn sàng mọi tiềm lực bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Đạt được những kết quả, thành tựu nêu trên là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, sức mạnh đại đoàn kết, thống nhất, chung sức đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta... Đây cũng là điều mà toàn thể dân tộc Việt Nam cần tiếp tục phát huy trong thời gian tới để Việt Nam sớm trở thành một nước phát triển.

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi; đặc biệt việc Mỹ áp dụng chính sách thuế mới tạo ra nhiều khó khăn, thách thức cho nền kinh tế toàn cầu, trong đó có thể có thách thức cho kinh tế Việt Nam, song đây cũng là cơ hội để tái cấu trúc nền kinh tế, đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, quan hệ giữa các nước lớn vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau, chi phối các quan hệ quốc tế, đặc biệt là những diễn biến phức tạp trong quan hệ giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Nga, EU.... Khu vực châu Á - Thái Bình Dương phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biên giới, biển, đảo tiếp tục gia tăng, điều này trực tiếp ảnh hưởng đến các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, những khó khăn, thách thức mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn tồn tại. Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính

trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên cùng với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí có xu hướng ngày càng tăng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Những yếu tố đó đã, đang và sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến khối đại đoàn kết dân tộc được hun đúc suốt hàng ngàn năm lịch sử. Trước bối cảnh đó, việc kế thừa và phát huy bài học đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong Đại thắng mùa Xuân 1975 nói riêng, trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung sẽ mãi là vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc. Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta hãy đoàn kết và đoàn kết hơn nữa, khẩu hiệu “Toàn quân một ý chí” phải được nâng lên thành “Toàn quân, toàn dân một ý chí”. Cùng với đó, để khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong Đại thắng mùa Xuân 1975 mãi được giữ vững, phát huy trong điều kiện cách mạng mới, chúng ta phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; nâng cao năng lực toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng.

Đứng trước bối cảnh đó, Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 về “Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc” đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, cần được quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng, giai tầng xã hội, địa phương và vùng miền.

Hiện nay, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang mở ra cho công cuộc đổi mới đất nước ta những cơ hội, thuận lợi cơ bản nhưng cũng phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức; trong đó có những nhân tố tác động trực tiếp đến xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vì vậy, “tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, niềm tin, khát vọng cống hiến và xây dựng

đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”³¹ vừa là mục tiêu, yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa cơ bản lâu dài được xác định trong Nghị quyết số 43-NQ/TW, cần được quán triệt, thực hiện tốt; trong đó, tập trung vào những nội dung, giải pháp trọng tâm sau.

Trước hết, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị các cấp và toàn dân về vị trí, tầm quan trọng của phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng đầu tiên được xác định trong Nghị quyết số 43-NQ/TW cần được quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Để làm được điều đó, cần tiếp tục tập trung vào việc nghiên cứu, học tập và quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết đến từng cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương. Việc này không chỉ dừng lại ở mức độ nắm bắt thông tin mà còn phải tạo ra sự chuyển biến thực sự trong nhận thức, tư duy để cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ hơn về vị trí, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, đa dạng hóa hình thức vận động, tuyên truyền, giáo dục. Chú trọng phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng, các loại hình văn hóa, nghệ thuật; phối hợp đồng bộ giữa thông tin đối nội và thông tin đối ngoại; kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc với tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu phát triển, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam,... Điều này sẽ giúp khơi dậy lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tạo thêm động lực cho sự phát triển bền vững.

Đồng thời nâng cao cảnh giác, chủ động nhận diện, phát hiện từ sớm, từ xa, ngăn chặn, đấu tranh và xử lý kịp thời mọi âm mưu, thủ đoạn, hành động chia rẽ Nhân dân với Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là nhiệm vụ cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, ban, ngành, cũng như sự tham gia tích cực của toàn dân.

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nxb CTQGST, H. 2023, tr. 139

Hai là, hoàn thiện chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, việc hoàn thiện chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước là một nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược. Trước hết, cần đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, xây dựng, triển khai Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Từ đó có cơ sở tiếp tục hoàn thiện chủ trương, chính sách về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới; phát huy vai trò của các giai tầng xã hội; khơi dậy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam. Các chính sách cần phải bảo đảm tính toàn diện, bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phải thể hiện được sự quan tâm, chăm lo đến mọi giai tầng trong xã hội. Đặc biệt, cần chú trọng phát huy vai trò của các giai tầng xã hội, khơi dậy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam.

Tập trung xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân vững mạnh; phát triển đội ngũ trí thức, doanh nhân lớn mạnh. Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ, chăm lo xây dựng con người Việt Nam thời đại mới; phát huy vai trò của cựu chiến binh, uy tín, kinh nghiệm của người cao tuổi. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, phát huy nội lực, vươn lên cùng phát triển; thực hiện tốt công tác vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo. Coi trọng việc hỗ trợ, bảo hộ công dân để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, hòa nhập xã hội, đóng góp tích cực cho nước sở tại. Đồng thời, có chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi để Việt kiều về nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo trong xây dựng và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang đứng trước nhiều thách thức và cơ hội, việc tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng không chỉ là yêu cầu cấp bách mà còn là nền tảng để giữ vững vai trò lãnh đạo hạt nhân trong quá trình xây

dựng, phát huy truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, cần tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII). Đây là cơ sở để Đảng và hệ thống chính trị tiến hành các biện pháp đồng bộ, sâu sắc nhằm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đồng thời ngăn chặn, đẩy lùi và xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cũng như biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền các cấp; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, những người đứng đầu có đầy đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và sâu sát cơ sở. Nêu cao ý thức phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, hành động vì lợi ích và hạnh phúc của người dân, từ đó tạo điều kiện để nhân dân giám sát, đánh giá chất lượng công tác của đội ngũ cán bộ.

Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết trong toàn bộ hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chỉ khi Đảng đoàn kết, thống nhất, thì mới có thể lãnh đạo hiệu quả, tạo ra những quyết định đúng đắn, hợp lòng dân, thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Thường xuyên đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đáp ứng yêu cầu tình hình mới; giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong giữ gìn và phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước trong phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Để thực hiện được điều này, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do nhân dân, vì nhân dân và dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước hết, muốn hoạt động của Nhà nước thật sự có hiệu lực và hiệu quả, chúng ta phải ưu tiên xây dựng một hệ thống pháp luật toàn diện, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất và khả thi. Hệ thống pháp luật phải công khai, minh bạch và ổn định để người dân có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện quyền lợi

hợp pháp của mình. Việc xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật cần xuất phát từ yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân. Nhà nước phải bảo đảm quyền lợi hợp pháp và chính đáng cho mọi công dân, từ đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân và giải quyết hài hòa các lợi ích trong xã hội; kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, nhất là những vấn đề nhân dân quan tâm, dư luận bức xúc; thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc, tôn giáo.

Năm là, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân. Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, trước hết, cần tổ chức tốt việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở. Thực hiện minh bạch, công khai trong mọi hoạt động, từ việc hoạch định chính sách, đến việc phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả thực hiện. Quán triệt và thực hiện triệt để phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Phát huy dân chủ phải đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xã hội. Cần tăng cường đồng thuận xã hội, gắn với đề cao ý thức trách nhiệm của công dân. Mỗi người dân cần phải tự giác chấp hành pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng, tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Đồng thời, cần phải xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng dân chủ để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các bộ, ban, ngành, cơ quan chức năng chuyên trách cần phát huy trách nhiệm, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất để Đảng, Nhà nước sớm bổ sung, ban hành quy định về trách nhiệm của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Cần có những quy định cụ thể, rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, tổ chức, về cơ chế giám sát và xử lý vi phạm.

Sáu là, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước; tổ chức các cuộc vận động, phong trào Thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả.

Mặt trận Tổ quốc cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động, nhằm đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của quần chúng trong thời kỳ đổi mới. Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao hiệu quả “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”; vận động, hướng dẫn phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng

đồng truyền thống, kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc. Tăng cường vai trò nòng cốt trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Điều này đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ, hiệp thương và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên nhằm đảm bảo rằng mọi hoạt động đều hướng tới lợi ích chung của nhân dân. Các hoạt động này không chỉ giúp củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước mà còn nâng cao sự đồng thuận trong xã hội. Chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, có uy tín, tâm huyết, trách nhiệm và kinh nghiệm công tác. Cùng với đó, tích cực đổi mới việc tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua theo hướng thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở để đông đảo người dân tham gia, thực sự là chủ thể trong lao động sản xuất, sáng tạo, phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, làm giàu cho gia đình, quê hương, đất nước, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về thi đua, khen thưởng; quan tâm, thực hiện tốt công tác tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình; tích cực phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng mô hình hay, cách làm tốt, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc vận động, phong trào Thi đua yêu nước.

Trong bài trả lời phỏng vấn Thông tấn xã Việt Nam nhân dịp năm mới Ất Ty 2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là kỷ nguyên phát triển bứt phá, tăng tốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc; đuổi kịp, tiến cùng, sánh vai với các cường quốc năm châu”. Vì vậy, để đạt được mục tiêu chiến lược đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao - chúng ta cần phát huy được tối đa sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

BẢN LĨNH VÀ TRÍ TUỆ VIỆT NAM TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

ThS Đặng Thị Kiều Liên

Khoa Nhà nước và pháp luật

Đại thắng mùa Xuân 1975 là thời điểm đánh dấu sự nghiệp chống đế quốc Mỹ, cứu nước đã hoàn toàn thắng lợi, một kỷ nguyên mới được mở ra cho đất nước, dân tộc Việt Nam. Chiến công oanh liệt này là bản thiên anh hùng ca bất hủ về sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết tinh bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng như trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, mặc dù Mỹ - ngụy có số lượng vũ khí trang bị, phương tiện chiến tranh khổng lồ và hiện đại hơn ta gấp nhiều lần nhưng cuối cùng chiến thắng vẫn thuộc về quân và dân ta. Có nhiều yếu tố làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đó là sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta; đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh cụ thể Việt Nam; Đảng ta đã đoàn kết toàn dân một lòng tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội... song bản lĩnh và trí tuệ vẫn là nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong Đại thắng mùa Xuân 1975 thể hiện ở các điểm sau:

Thứ nhất, chúng ta đã bình tĩnh, tự tin, mưu trí và sáng tạo, đánh giá đúng tình hình; giải đáp đúng và trúng những vấn đề “hóc búa” mà thời đại và lịch sử đặt ra.

Có thể khẳng định rằng, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam đã thể hiện rõ trong quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ, trước hết là sớm xác định và chỉ rõ kẻ thù mới của dân tộc là đế quốc Mỹ; sớm vạch ra đường lối đúng đắn hai chiến lược của hai miền, trong đó, ra sức củng cố miền Bắc làm căn cứ địa vững chắc, trung tâm lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của cả nước; qua đó, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam. Đây là những nét

sáng tạo đặc biệt xuất sắc, mưu lược và khôn khéo của Đảng, Bác Hồ, Quân ủy Trung ương, nhất là đặt nó trong bối cảnh ta chưa nắm chắc tình hình địch và tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch thì thực lực của ta còn quá mỏng so với Mỹ. Nhưng chúng ta đã dự kiến đúng, chuẩn bị tốt, chuyển hướng nhanh, luôn chủ động, sáng tạo nên đã đánh thắng “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh”, làm phá sản học thuyết Ních-xon ở Đông Dương, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri, rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Thứ hai, bản lĩnh và trí tuệ của Việt Nam thể hiện sâu sắc ở việc đồng thời giải quyết hai nhiệm vụ chiến lược nhằm một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất Tổ quốc và củng cố liên minh chiến đấu với Lào và Campuchia.

Một trong những nét độc đáo, đặc sắc thể hiện rõ nhất bản lĩnh và trí tuệ của Đảng, Bác Hồ, Quân ủy Trung ương và nhân dân ta là tầm nhìn xa trông rộng với ý thức sâu sắc “Giúp bạn là tự giúp mình”, chúng ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế: Xây dựng, củng cố liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia. Kế sách này đã không cho phép Mỹ dùng nước này làm bàn đạp để uy hiếp nước kia hoặc xâm lược nước kia. Nhờ đó, chúng ta đã tạo nên thế chiến lược vững chắc, tình đoàn kết gắn bó keo sơn giữa nhân dân ba nước Đông Dương cùng nhau chống đế quốc Mỹ xâm lược đã viết nên bản hùng ca “Mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững”.

Thứ ba, bản lĩnh và trí tuệ của Đảng và nhân dân ta còn thể hiện ở chỗ biết tạo thời cơ, nắm bắt thời cơ và triệt để lợi dụng thời cơ khi nó xuất hiện để đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Việc triệt để tận dụng thời cơ, tạo thời cơ có lợi cho ta thể hiện rõ ngay sau khi ký Hiệp định Pa-ri. Đảng và nhân dân ta vừa kiên quyết, vừa mềm dẻo trong đấu tranh để đòi Mỹ phải thực hiện Hiệp định Pa-ri, đồng thời kêu gọi nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới ủng hộ cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, từng bước phát triển phong trào cách mạng miền Nam. Đảng ta khẳng định, con đường của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực, cần khẩn trương nắm bắt thời cơ, kiên định giữ vững đường lối chiến lược tiến công để

thực hiện thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; chớp thời cơ khi nó đến, thần tốc, táo bạo, quyết thắng. Đến giữa năm 1974, ta ngày càng mạnh lên, Ngụy càng suy yếu rõ rệt, nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ trầm trọng. Tuy nhiên, vào thời điểm đó chúng ta cũng xuất hiện thêm một số khó khăn mới. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã họp nhiều lần để thống nhất quyết tâm chiến lược và thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Về chiến lược, Đảng ta hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong thời gian 2 năm 1975-1976. Về kế hoạch chiến lược, ta xác định mục tiêu trong năm 1975 là làm cho quân đội ta lớn mạnh vượt bậc. Nếu thời cơ đến sẽ mở nhiều đợt tấn công nổi dậy, làm cho địch suy yếu nhanh chóng, tiến tới tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong năm 1976, đánh lớn, đánh nhanh, đánh Sài Gòn là chỗ hiểm yếu nhất, giành thắng lợi cuối cùng.

Có thể khẳng định rằng, hành trình đi tìm, khai mở con đường Đại thắng mùa Xuân 1975 đã được soi sáng bởi niềm tin, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam và chính những nhân tố này đã tiếp tục được phát huy, tiếp tục soi sáng con đường đi đến thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới.

Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong Kỷ nguyên mới:

Ngày nay, dân tộc Việt Nam tiếp tục kế thừa trang sử vinh quang mà cha ông ta để lại, tiếp tục gìn giữ và xây dựng đất nước giàu đẹp hơn. Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam ngày càng tỏa sáng qua việc đẩy mạnh triển khai công cuộc đổi mới, hướng tới mục tiêu phát triển vì một Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Sau 95 năm, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc càng được khẳng định vững chắc. Qua nhiều biến chuyển lớn lao và thử thách cam go của thời cuộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tỏ rõ bản lĩnh, trí tuệ và sức chiến đấu, chứng minh mục tiêu “không có lợi ích nào ngoài lợi ích của nhân dân”.

Trong thế giới đầy bất an, bất ổn, bất định hiện nay, nhiều quốc gia lúng túng về mô hình, con đường phát triển, song Việt Nam tự tin và nhất quán về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tự tin vì có Đảng Cộng sản Việt Nam - một chính đảng đã

khẳng định đầy đủ bản lĩnh, trí tuệ, sức chiến đấu trên chặng đường cách mạng gần 100 năm, một chính đảng đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam gặt hái được kỳ tích chưa từng có trong lịch sử dân tộc, được bạn bè quốc tế khâm phục, ngợi ca. Việt Nam cũng tự tin về thế và lực của đất nước trong tâm thế “biết mình, biết người”.

Sau 50 năm đất nước thống nhất, 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thực hiện thắng lợi các yêu cầu lịch sử, đổi mới thành công, vượt thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo ra thế và lực mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế mới.

Thứ nhất, trong kỷ nguyên mới, Việt Nam phát triển tăng tốc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa quốc gia, dân tộc lên một tầm cao mới, tiến cùng thời đại.

Từ một nền kinh tế nông nghiệp, lạc hậu, quy mô nhỏ bé, với GDP chỉ 14 tỷ USD và GDP bình quân đầu người chỉ khoảng 250 USD trong những năm đầu đổi mới, Việt Nam đã thoát ra khỏi tình trạng đói nghèo, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam cũng ngày càng gia tăng với sự tham gia tích cực vào các khuôn khổ, diễn đàn đa phương quốc tế, mạng lưới quan hệ sâu rộng với 194 quốc gia, có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với hơn 30 quốc gia, trong đó có tất cả thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Từ sau Đại hội XIII (năm 2021), cục diện đối ngoại rộng mở tiếp tục được duy trì với nhiều kết quả đột phá, tất cả đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống đều coi trọng và mong muốn thúc đẩy hợp tác với Việt Nam. Đảng ta xác định việc không ngừng nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của đất nước là một thành tố quan trọng trong tổng thể lợi ích quốc gia - dân tộc cơ bản nhất của Việt Nam trong thế giới đương đại. Cùng với thực lực của cả nước trên mọi phương diện khác, vị thế và uy tín của Việt Nam đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

Tổng Bí thư Tô Lâm xác định: “tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh”. Triết lý chính trị khoa học này được Đảng ta đúc kết từ bài học kinh nghiệm quý báu của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và vận dụng thành công trong suốt quá trình đổi mới, phát triển đất nước - bài học chủ động tạo thời cơ, nhận thức đúng

thời cơ, kiên quyết chớp thời cơ; đánh giá đúng nguy cơ, kiên quyết đẩy lùi nguy cơ, thách thức, chuyển hóa nguy cơ thành thời cơ, giành thắng lợi. Kỷ nguyên mới yêu cầu Đảng ta tiếp tục bản lĩnh và trí tuệ trong việc vận dụng, phát triển sáng tạo hơn nữa, hiệu quả hơn nữa bài học kinh nghiệm quý giá này để tạo sự phát triển đột phá của đất nước.

Thứ hai, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam trong kỷ nguyên mới thể hiện ở sự đột phá về tư duy, nhận thức.

Bước vào kỷ nguyên thống nhất, đổi mới, phát triển (1975 - 2025), Đảng ta bắt đầu bằng đổi mới tư duy, nhận thức lại một cách đúng đắn hơn, khoa học hơn quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đột phá lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với những nhận thức rất mới mẻ mà trước đổi mới còn hoàn toàn xa lạ. Chính đột phá tư duy lý luận đã khai mở con đường đổi mới trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra những thành tựu vĩ đại.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc diễn ra song hành với kỷ nguyên số, kỷ nguyên của đổi mới sáng tạo. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các cuộc cách mạng công nghiệp tiếp theo đang và sẽ làm thay đổi phương cách suy nghĩ, sản xuất, sinh hoạt của các quốc gia, cộng đồng và của mỗi con người. Một lần nữa, thực tiễn lại đòi hỏi và tạo điều kiện để chúng ta đổi mới mạnh mẽ về tư duy, nhận thức. Trên cơ sở kế thừa những tư duy khoa học đã tích lũy được qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, chúng ta cần cởi mở, mạnh dạn tiếp thu những tư duy mới, những xu hướng phát triển mới của nhân loại với phương châm tiến kịp, tiến cùng thời đại. Chúng ta kiên định nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trên tinh thần không ngừng sáng tạo; không chủ quan, duy ý chí. Điều đó thể hiện rất rõ bản lĩnh và trí tuệ của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Thứ ba, bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam thể hiện trong việc huy động, sử dụng tối ưu các nguồn lực còn rất tiềm tàng của đất nước.

Việt Nam có tài nguyên phong phú, các nguồn lực trong dân còn rất dồi dào, các nguồn lực từ bên ngoài theo các dòng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo chính sách đối ngoại, hội nhập đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta là rất lớn; nhân dân Việt Nam cần cù, sáng tạo; con người Việt Nam yêu nước, thông minh; nguồn lực vô hình tiềm ẩn trong lợi thế địa chính trị, địa kinh tế của đất nước là vô giá. Chính những nguồn lực to lớn này góp phần quan trọng tạo nên thành tựu vĩ đại của công cuộc đổi mới thời gian qua.

Đặc biệt, hiện nay Việt Nam đang tiến hành đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đây là yêu cầu bức thiết, cần tiến hành khẩn trương, mạnh mẽ, quyết liệt, triệt để, khoa học, nhân văn, làm từ trên xuống dưới với phương châm “Trung ương làm gương, địa phương hưởng ứng”, với tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng”; “không được để gián đoạn công việc”, “mô hình tổ chức mới phải tốt hơn, hiệu quả hơn mô hình cũ”... cho thấy quyết tâm, bản lĩnh của Việt Nam trong việc huy động, sử dụng tối ưu nguồn lực con người trong kỷ nguyên mới.

Thứ tư, trong kỷ nguyên mới, Việt Nam đặt ra yêu cầu hàng đầu là nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; xây dựng Đảng thật sự là đạo đức, văn minh, thật sự tiêu biểu cho bản lĩnh, trí tuệ của dân tộc, của thời đại.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là chân lý được đúc kết qua lịch sử vẻ vang gần một thế kỷ của Đảng, của dân tộc ta. Là người khởi xướng, lãnh đạo công cuộc kiến tạo kỷ nguyên mới, Đảng ta gánh trên vai sứ mệnh vinh quang, trọng trách nặng nề. Có thể khẳng định rằng, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng không ngừng trau dồi bản lĩnh cách mạng và trí tuệ khoa học. Đây chính một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng ở các thời kỳ lịch sử trước đây và tiếp tục đặt ra trong kỷ nguyên mới, khi tình hình quốc tế và trong nước đang đặt Đảng ta đứng trước nhiều vấn đề mới và hết sức phức tạp, đòi hỏi Đảng phải tiếp tục không ngừng nâng cao trí tuệ và bản lĩnh chính trị vững vàng để lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế. Với truyền thống cách mạng và trí tuệ, bản lĩnh được thử thách, rèn luyện qua 95

năm xây dựng, phát triển, chúng ta có thể tin tưởng rằng, Đảng sẽ chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến bến bờ vinh quang. Đặc biệt, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ là dịp Đảng phát huy cao độ trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn để giải quyết kịp thời những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn; phát huy những thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, đưa đất nước phát triển lên tầm cao mới. Đồng thời, Đảng cũng sẽ lựa chọn được những cán bộ vào Ban Chấp hành Trung ương và cấp ủy các cấp thực sự tiêu biểu về trí tuệ, phẩm chất, uy tín, thật sự trong sạch, có đức, có tài, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, để góp phần xây dựng Đảng thực sự là trí tuệ, đạo đức, văn minh, luôn xứng đáng với niềm tin của nhân dân, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong kỷ nguyên mới.

Sau 40 năm đổi mới, bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 tiếp tục được phát huy ở tầm cao mới. Với đường lối đổi mới đúng đắn, trên tinh thần đổi mới toàn diện, sự ủng hộ, đồng thuận của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, đất nước ta đã vượt qua khủng hoảng, vững vàng vượt qua khó khăn, thử thách trước sự sụp đổ, thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, đã kiên trì giữ vững các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới và đã đổi mới thành công, dân tộc ta vững bước trên con đường chủ nghĩa xã hội, “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Đây là tiền đề vững chắc để đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 - TINH HOA CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC TỪ TRUYỀN THÔNG ĐẾN HIỆN TẠI

ThS Nguyễn Đức Phương

Khoa Nhà nước và Pháp luật

Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam. Giá trị của nó trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam, là đạo lý, truyền thống sâu bền, cao đẹp, trở thành một lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, có tác dụng to lớn trong việc động viên, cổ vũ mọi người dân sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Đỉnh cao của tinh hoa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, được thể hiện sâu sắc và chân thật trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và thống nhất Tổ quốc, nơi khẳng định khả năng chiến thắng của sức mạnh tinh thần trước sức mạnh vật chất.

Đại thắng mùa Xuân 1975, là thắng lợi oanh liệt nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Thắng lợi ấy làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới với quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt nhất sau chiến tranh thế giới thứ hai, làm đảo lộn cục diện thế giới. Là kết quả vẻ vang của một quá trình gian khổ chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Là kết tinh của truyền thống dân tộc mà tinh hoa cội nguồn là chủ nghĩa yêu nước với sức mạnh thời đại.

Chủ nghĩa yêu nước - Kết tinh của ý chí độc lập, tinh thần tự lực tự cường và sức mạnh dân tộc

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong sự nghiệp thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước, trải qua muôn nghìn gian khổ hy sinh, nhân dân ta đã lập nên những chiến công vô cùng oanh liệt. Dân tộc ta có thể tự hào là một dân tộc anh hùng, trước hết là do toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược”³². Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc không phải ngẫu nhiên, mà là kết quả hợp thành của nhiều nhân tố. Trước hết, đó là tinh thần yêu nước

³² Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

nòng nài của con người Việt Nam được hun đúc qua mấy ngàn năm lịch sử, được thử thách trước “thiên tai và địch họa”... Điều kiện địa lý và hoàn cảnh lịch sử từ bao đời đã hình thành và trao truyền tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước, ý chí quật cường, sự mưu trí, sáng tạo của người dân đất Việt trong quá trình chế ngự thiên nhiên và chống chọi với giặc giã. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn nhận: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”³³.

Chủ nghĩa yêu nước là truyền thống quý báu, giữ vị trí chuẩn mực cao nhất của đạo lý và đứng đầu trong bậc thang giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam. Trải qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, truyền thống đó đã bồi dưỡng lòng yêu nước thương nòi, nhân ái, khoan dung, hun đúc ý chí quật cường tạo lên bản sắc đặc trưng của con người Việt Nam, là vũ khí tối thượng, vô địch giúp chúng ta chiến thắng mọi hoàn cảnh khó khăn, mọi kẻ thù xâm lược. Mỗi trang sử Việt Nam đều thấm đượm máu và nước mắt nhưng rất đỗi tự hào, dân tộc ta luôn ngẩng cao đầu, hiên ngang vượt qua mọi thử thách đi tới đỉnh vinh quang. Sự tự tin đó, có cơ sở là chủ nghĩa yêu nước và trí tuệ con người Việt Nam.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gương cao ngọn cờ dân tộc để phát huy chủ nghĩa yêu nước, tập hợp mọi lực lượng giành độc lập dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước qua thực tiễn thắng lợi của cuộc kháng chiến, qua sự thể nghiệm về những biến đổi cách mạng trong đông đảo quần chúng là sự biểu hiện sức mạng nội lực của dân tộc và bản lĩnh chính trị con người Việt Nam.

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn gắn chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế cao cả. Dân tộc ta cùng với dân tộc anh em liên kết, liên hệ tạo lên sức mạnh to lớn hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc, góp phần vào sự thắng lợi của cách

³³ Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

mạng thế giới. Chủ nghĩa yêu nước chân chính đã đè bẹp chủ nghĩa ích kỷ dân tộc, tư tưởng nước lớn, hẹp hòi, biệt lập.

Có thể khẳng định, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam không chỉ là tình cảm thiêng liêng dành cho Tổ quốc, mà còn là ngọn lửa cháy sáng trong tim mỗi người dân, được hun đúc từ ý chí độc lập, tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên mãnh liệt của dân tộc. Trải qua bao thăng trầm lịch sử, từ những trận chiến oai hùng chống ngoại xâm cho đến công cuộc dựng xây và bảo vệ đất nước hôm nay, tinh thần yêu nước luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là động lực để dân tộc Việt Nam kiên cường giữ vững chủ quyền, không bao giờ khuất phục trước bất kỳ thế lực nào. Chính ý chí độc lập đã rèn giũa nên sức mạnh tự cường, giúp đất nước ta vượt qua muôn vàn thử thách - khi là mưa bom bão đạn nơi chiến trường, khi là những đổi thay khắc nghiệt trong thời kỳ hội nhập. Từ tro tàn chiến tranh, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ, không chỉ giành những thắng lợi vĩ đại mà còn khẳng định vị thế xứng đáng trên bản đồ thế giới, như một biểu tượng bất diệt của lòng yêu nước và ý chí kiên cường.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - Biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa yêu nước trong thời đại mới

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là cuộc chiến tranh lớn nhất, kéo dài nhất, ác liệt nhất, tốn kém nhất của nước Mỹ. Trong cuộc chiến này, Mỹ đã sử dụng những vũ khí tối tân nhất thời bấy giờ. Ở thời kỳ đỉnh cao sau 30/3/1972, Mỹ đã huy động 1270 máy bay chiến đấu (31% tổng số máy bay chiến đấu của Mỹ). Về tàu chiến, tại vùng biển Việt Nam lúc cao nhất 65 tàu chiến và tàu đổ bộ. Về thiết giáp, pháo binh và tên lửa, Mỹ đã sử dụng 18 loại xe tăng, thiết giáp; 17 kiểu loại pháo binh; 12 kiểu loại tên lửa trong chiến tranh ở Việt Nam. Ở thời kỳ đỉnh cao 1968 - 1969, Mỹ huy động đến miền Nam Việt Nam 24 tiểu đoàn thiết giáp (trong đó có 950 xe tăng) và 83 tiểu đoàn pháo binh với 1412 khẩu pháo. Chúng cũng đã sử dụng 14 loại bom mìn, 27 loại lựu đạn, đạn hóa học, bom cháy rải ở miền Nam Việt Nam 45.260 tấn chất độc hóa học, khoảng 338.000 tấn bom napalm. Từ 1965 đến tháng 8/1973, Mỹ đã dùng 7.882.547 tấn bom đạn không quân ở Đông Dương, trong đó khoảng: 3.770.000 tấn ở miền Nam Việt Nam; 937.000 tấn

ở miền Bắc Việt Nam, số còn lại ở Lào và Campuchia. So sánh với chiến tranh Triều Tiên, số bom đạn mà không quân Mỹ sử dụng ở Đông Dương gấp 12 lần và gấp 3,8 lần số lượng Mỹ sử dụng trong chiến tranh thế giới thứ hai³⁴.

Có thể thấy, trong chiến tranh Việt Nam, sức mạnh quân sự, kinh tế của Mỹ được phô diễn rõ ràng về một cường quốc trên thế giới, sẵn sàng đè bẹp với ý chí, khuất phục mọi dân tộc. Tuy nhiên, không những không thắng, mà ngược lại, đế quốc Mỹ phải hứng chịu tổn thất nặng nề. Theo The New York Times, 12 Tướng Mỹ tử trận và 8 Tướng Mỹ khác bị thương trong chiến tranh Việt Nam. Theo thống kê được ghi trên bức tường tại Washington, số binh sĩ Mỹ chết trận là 57.939 người, bị thương là 365.000 người³⁵.

Sức mạnh vật chất của Việt Nam không thể so sánh được với kẻ thù, tương quan vật chất chúng ta hoàn toàn thua trước Mỹ. Vậy điều gì làm nên chiến thắng của chúng ta? Đó là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; nhân dân và lực lượng vũ trang phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc một lòng theo Đảng, bền gan, quyết chí, sẵn sàng hy sinh vì tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; đoàn kết quốc tế, tranh thủ mọi sức mạnh bên ngoài. Bao trùm sức mạnh Việt Nam đó chính là sức mạnh của yếu tố tinh thần mà chủ nghĩa yêu nước là một giá trị tiêu biểu, đặc trưng, cội nguồn.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất tổ quốc đã thể hiện đỉnh cao vinh quang của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng được nâng lên tầm cao mới - chủ nghĩa yêu nước trên lập trường giai cấp công nhân, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó là chủ nghĩa yêu nước mang tính nhân văn cao đẹp. Từ đó, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước đã đánh bại được sức mạnh về vật chất.

Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần yêu nước đã nâng lên một tầm cao mới - chủ nghĩa anh hùng cách mạng: đó là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu

³⁴ Nguyễn Dũng, *Những vũ khí tối tân Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam*, Bài đăng trên báo điện tử VTC (www.vtc.com.vn), năm 2012.

³⁵ Viên Hoà, *Chiến tranh Việt Nam: Từ góc nhìn của người Mỹ*, Bài đăng trên báo điện tử Thế giới và Việt Nam (www.tgvn.com.vn), năm 2011.

nước với tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Với tinh thần “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một!”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”, “Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược!”... đã thôi thúc, giục giã lớp lớp người Việt Nam đi vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với khí thế cách mạng sục sôi. Điều đó làm tăng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của nhân dân Việt Nam đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Không phải ngẫu nhiên mà Mai-con Mắc Lia - nhà sử học Mỹ đã nhận xét rằng: “Lịch sử phải đánh giá họ (người Việt Nam - miền Nam cũng như miền Bắc) cao nhất về sức chiến đấu ngoan cường và dũng cảm của con người”³⁶. Còn cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mc Na-ma-ra, trong Hồi ký của mình, đã thừa nhận: Nước Mỹ thua trận ở Việt Nam bởi những sai lầm, trong đó có sai lầm “đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó”³⁷.

Chủ nghĩa yêu nước trong kháng chiến chống Mỹ đạt tới một đỉnh cao mới. Đó là tinh thần chiến đấu, hy sinh, mưu trí, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Trên trận địa tiến công hay ở làng chiến đấu trong vùng tạm chiếm, là dân quân du kích hay đặc công, biệt động, trinh sát quân chủ lực, từ em bé đội mũ rom đi học đến bà mẹ chèo đò đưa bộ đội qua sông dưới làn bom đạn... Ở đâu trên đất nước ta cũng có những câu chuyện anh hùng, những con người anh hùng. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước cổ kết cộng đồng tạo lên sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn để làm chủ cách đánh, làm chủ vũ khí, từ vũ khí thô sơ đến hiện đại đánh thắng địch trên tất cả các mặt trận.

Máu, nước mắt, tuổi thanh xuân của thế hệ anh hùng, thời đại Hồ Chí Minh đã viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc, thể hiện đỉnh cao giá trị truyền thống yêu nước. Sức mạnh đó không chỉ được thể hiện trên mặt trận chiến đấu mà còn thể hiện trong sự hi sinh của hậu phương với tất cả những gì tốt đẹp nhất.

Trong kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình bằng tất cả trách nhiệm và lòng quả cảm. Miền Bắc đã chi viện miền

³⁶ Michael Maclear: *Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, tr.231.

³⁷ McNamara: *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.316.

Nam khôi của cải to lớn, toàn diện, liên tục, với nhịp độ ngày càng tăng, đáp ứng đòi hỏi của chiến trường. Về sức người, năm 1959 miền Bắc đưa vào miền Nam hơn 500 người. Năm 1964, con số đó tăng lên hơn 17.000 người. Trong thời gian diễn ra những cuộc tiến công chiến lược (1968, 1972, 1975), nhân lực động viên ở miền Bắc phục vụ nhu cầu chiến tranh tăng gấp 4 đến 5 lần so với trước. Không tính số quân bảo vệ miền Bắc, làm lực lượng dự bị chiến lược, chiến đấu và công tác trên tuyến vận tải 559, chỉ tính riêng số quân đưa vào miền Nam trong các năm kể trên như sau: Năm 1968 là 141.000 người, năm 1972 xấp xỉ 153.000 người, năm 1975 là 117.000 người. Ngoài lực lượng trực tiếp chiến đấu, các lực lượng vận tải, đảm bảo giao thông, mở đường và các lực lượng bảo đảm khác gần hàng chục vạn người cũng được động viên từ miền Bắc³⁸

Bên cạnh việc chi viện sức người, sức của cho chiến trường, miền Bắc còn tiếp nhận hàng chục vạn cán bộ, chiến sỹ, con em miền Nam tập kết; đón tiếp gần 310.000 thương bệnh binh và hơn 350.000 lượt người từ tiền tuyến ra hậu phương chữa bệnh, học tập... Miền Bắc thực sự là chỗ dựa vững chắc về tinh thần cho những người ra trận, cho đồng bào, cán bộ, chiến sỹ đang ngày đêm chiến đấu ở miền Nam, đặc biệt trong những lúc cách mạng miền Nam bị tổn thất, gặp nhiều thử thách, khó khăn... Nhờ đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân Việt Nam³⁹. Chính chủ nghĩa yêu nước nồng nàn, sâu sắc làm lên sức mạnh cho nhân dân miền Bắc vượt qua mọi khó khăn vừa lao động sản xuất và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam.

Có thể nói, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thế kỉ XX mà đỉnh cao là cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất Tổ quốc, là tiêu biểu cho lương tri, phẩm giá con người Việt Nam. Đó là thứ vũ khí sắc bén minh chứng cho sức mạnh vô địch của dân tộc chiến thắng mọi vũ khí kĩ thuật hiện

³⁸ . PGS. Nguyễn Đình Ước, *Góp phần tìm hiểu đường lối quân sự của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

³⁹ PGS. TS Hồ Khang, *Hậu phương miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, năm 2005.

đại của chủ nghĩa đế quốc, làm phá sản thuyết “vũ khí luận” của kẻ thù vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.

Chủ nghĩa yêu nước trong thời kỳ mới - Từ tinh thần chiến đấu đến tinh thần xây dựng đất nước

Chủ nghĩa yêu nước là sự giác ngộ mục tiêu chiến đấu qua từng giai đoạn, từng chặng đường, từng mục tiêu cụ thể của cách mạng, bền gan, quyết chí, bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, để lại những bài học vô giá về ý chí độc lập, tinh thần tự lực, tự cường và sức mạnh đoàn kết. Những giá trị đó không chỉ dừng lại trong quá khứ mà còn là nền tảng để xây dựng và củng cố chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn hiện nay. Bước vào kỷ nguyên mới, chủ nghĩa yêu nước không chỉ thể hiện qua việc bảo vệ độc lập, chủ quyền mà còn phải được cụ thể hóa bằng những hành động thiết thực trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa. Những bài học từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vẫn còn nguyên giá trị và là kim chỉ nam cho việc xây dựng lòng yêu nước trong giai đoạn hiện nay.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, yêu nước không còn chỉ là đấu tranh giành độc lập mà là sự nỗ lực không ngừng để xây dựng và phát triển đất nước. Nếu như trong thời chiến, yêu nước là cầm súng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, thì trong giai đoạn hiện nay, yêu nước chính là tích cực lao động, học tập, sáng tạo và cống hiến để đưa đất nước phát triển. Đó là tinh thần tự lực, tự cường, là khát vọng xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh và hiện đại. Những tấm gương anh hùng trong chiến tranh nay được tiếp nối bằng những con người tận tụy trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, giáo dục và công nghệ. Tinh thần ấy đang được cụ thể hóa bằng những phong trào như: Phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ; Phong trào học tập và nghiên cứu khoa học, hướng tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển công nghệ, làm chủ khoa học tiên tiến; Phong trào bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương...

Yêu nước trong giai đoạn hiện nay là tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết. Nếu như trong cuộc kháng chiến, tinh thần đoàn kết là yếu tố quyết định thắng lợi,

thì trong thời kỳ mới, đoàn kết chính là động lực để xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Đó là đoàn kết, đồng lòng trong việc phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường. Là đoàn kết giữa các dân tộc, các thế hệ, giữa trong nước và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài để chung tay xây dựng đất nước. Là tinh thần hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Đó còn là sự giáo dục và tuyên truyền để lan tỏa tinh thần yêu nước đến thế hệ trẻ. Những bài học từ chiến thắng năm 1975 cần được truyền đạt một cách sâu sắc đến thế hệ trẻ, giúp họ hiểu rõ hơn về lịch sử dân tộc, từ đó hình thành trách nhiệm và ý thức công hiến. Tất cả những điều này sẽ góp phần làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được phát huy trên tầm cao mới.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc Việt Nam một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và mang tính thời đại sâu sắc. Trong bối cảnh hiện nay, chủ nghĩa để quốc muốn lợi dụng xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa để chi phối thế giới. Cuộc chiến kinh tế diễn ra gay gắt và sự pha trộn văn hóa quyết liệt đòi hỏi bản lĩnh của mỗi dân tộc, mỗi con người phải được phát huy mạnh mẽ. trong cuộc chiến đó, ngọn cờ dân tộc, ngọn cờ yêu nước trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục bồi đắp lòng yêu nước, để dân tộc Việt Nam phát huy cao độ “nội lực”, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 - NỐT CA KHỞI ĐẦU CHO KHÁT VỌNG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT, PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

*ThS Nguyễn Thị Ngọc Lan
Khoa Nhà nước và pháp luật*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: “Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Sống trong những tháng năm của thế kỷ XXI, thế hệ trẻ Việt Nam không ngừng học tập và cống hiến, rèn đức, luyện tài để dựng xây đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Nhìn nhận lại những chiến công đó, là những lần thêm tự hào và quyết tâm sống sao cho xứng đáng với những chiến công chói lọi mà cha ông đã chiến đấu, hi sinh bằng cả xương máu của biết bao nhiêu thế hệ. Một trong những chiến công chói lọi của thế kỷ XX chính là Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đánh dấu sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam là hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, xứng đáng là nốt ca khởi đầu cho khát vọng xây dựng đất nước thống nhất, phồn vinh, hạnh phúc. Bài viết dưới đây tác giả tập trung vào hai nội dung sau: Một là, khát vọng xây dựng đất nước thống nhất sau năm 1975; Hai là, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc sau năm 1975.

1. Khát vọng xây dựng đất nước thống nhất

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một bản hùng ca bất diệt. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ chấm dứt cuộc chiến tranh kéo dài, gian khổ, mà còn mở ra một thời kỳ phát triển mới cho dân tộc – thời kỳ độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Tuy nhiên, sự thống nhất ấy không chỉ mang ý nghĩa địa lý – hành chính, mà còn là một quá trình sâu rộng và toàn diện trong mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

****Thống nhất về thể chế chính trị – nền tảng của một quốc gia độc lập***

Ngay sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, công tác thống nhất về mặt nhà nước được tiến hành nhanh chóng. Tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI

(tháng 7/1976) đã quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chọn Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị và đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thể hiện biểu tượng của sự đoàn kết, hòa hợp và tiếp nối lịch sử cách mạng.

Việc thiết lập một thể chế chính trị thống nhất không chỉ hợp pháp hóa sự toàn vẹn lãnh thổ, mà còn thể hiện khát vọng cao nhất của nhân dân Việt Nam: một nhà nước độc lập, thống nhất, dân chủ và pháp quyền, là đại diện chân chính cho toàn thể nhân dân trong và ngoài nước.

**** Tái thiết kinh tế – hàn gắn đất nước sau chiến tranh***

Sau năm 1975, đất nước đứng trước nhiều khó khăn: hậu quả nặng nề của chiến tranh, kinh tế kiệt quệ, cơ sở hạ tầng đổ nát, đời sống nhân dân gặp nhiều thiếu thốn. Trong bối cảnh đó, công cuộc tái thiết và phát triển kinh tế được khẩn trương triển khai. Dù còn hạn chế trong thời kỳ bao cấp, nhưng những chính sách khôi phục sản xuất, cải tạo nền kinh tế và chăm lo đời sống nhân dân đã cho thấy quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc xóa bỏ khoảng cách giữa hai miền, tạo ra một nền kinh tế thống nhất, công bằng và bền vững.

Đặc biệt, công cuộc đổi mới từ năm 1986 đã đánh dấu bước ngoặt lớn, từng bước xóa bỏ tư duy kinh tế cũ, mở cửa hội nhập và phát triển, giúp Việt Nam tiến gần hơn đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” – một biểu hiện rõ nét của khát vọng thống nhất, không chỉ về hình thức mà cả về chất lượng phát triển.

**** Chính sách hòa giải dân tộc – khơi dậy tình đoàn kết toàn dân***

Thống nhất đất nước còn là thống nhất lòng người. Sau chiến tranh, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chính sách khoan dung, hòa giải, đặc biệt đối với những người từng tham gia chính quyền cũ. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng tích cực vận động kiều bào ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, xây dựng hình ảnh một Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển. Các chính sách này thể hiện tinh thần “đại đoàn kết dân tộc”, hướng đến một xã hội không còn hận thù, chia rẽ.

**** Thống nhất văn hóa – xã hội: Gắn kết cộng đồng trong đa dạng***

Một trong những biểu hiện sinh động của khát vọng thống nhất là xây dựng bản sắc văn hóa chung cho dân tộc, đồng thời tôn trọng sự đa dạng văn hóa giữa các vùng miền. Sau năm 1975, hệ thống giáo dục, y tế, truyền thông, văn hóa – nghệ thuật được triển khai rộng khắp, nhất là ở miền Nam. Những giá trị truyền thống tốt đẹp của cả hai miền được gìn giữ và phát huy, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự hòa hợp và phát triển toàn diện của xã hội.

**** Vươn ra thế giới - khẳng định vị thế một quốc gia thống nhất***

Sau thống nhất, Việt Nam đã từng bước mở rộng quan hệ đối ngoại, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia, trở thành thành viên chính thức của Liên Hợp Quốc năm 1977 và sau này là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế lớn như ASEAN, WTO, CPTPP... Quá trình hội nhập quốc tế không chỉ góp phần nâng cao vị thế đất nước, mà còn thể hiện rõ thông điệp: một Việt Nam hòa bình, thống nhất và sẵn sàng hợp tác vì sự phát triển chung của nhân loại.

Khát vọng thống nhất đất nước không dừng lại ở chiến thắng quân sự năm 1975, mà tiếp tục được thể hiện sâu sắc qua những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa và đối ngoại trong thời kỳ hậu chiến. Đó là hành trình nối dài của một dân tộc từng chia cắt nhưng luôn hướng về sự hòa hợp, đoàn kết và phát triển bền vững.

50 năm sau ngày đất nước thống nhất, tinh thần ấy vẫn luôn là động lực để Việt Nam tiếp tục vượt qua thử thách, khẳng định vị thế trên trường quốc tế và gìn giữ trọn vẹn giá trị thiêng liêng của hai chữ “thống nhất” – không chỉ về hình hài đất nước, mà còn là sự đồng lòng, chung chí hướng của cả một dân tộc.

2. Khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Nếu như thống nhất đất nước là điều kiện tiên quyết, thì xây dựng một xã hội phồn vinh, hạnh phúc chính là đích đến trọn vẹn của khát vọng ấy. Ngay sau năm 1975, trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn bởi hậu quả chiến tranh, Đảng và Nhà nước đã xác định rõ: phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ mới. Tại Đại hội Đảng VI (1986), Đảng ta đã khởi xướng việc đổi mới toàn diện đất nước, chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Gần 40 năm đổi mới đất nước, cùng với xu hướng toàn cầu hoá và sự

chuyển mình mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc càng trở nên thiết yếu và cấp bách. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau:

**** Thứ nhất, tầm nhìn và mục tiêu đã được xác định rõ ràng trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.***

Việt Nam phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Theo Ngân hàng Thế giới, GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2023 đạt khoảng 4.700 USD⁴⁰, tăng hơn 20 lần so với mức chỉ khoảng 230 USD vào năm 1985.

**** Thứ hai, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng và có sức chống chịu cao hơn trước biến động toàn cầu.***

Năm 2024⁴¹, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt khoảng 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD, đứng thứ 20 thế giới về thương mại quốc tế. Việt Nam đã ký hơn 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có nhiều FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP.

**** Thứ ba, chuyển đổi số đang trở thành động lực then chốt cho sự phát triển nhanh và bền vững.***

Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%. Hiện có 83/83 bộ, tỉnh đã ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (trên tổng TTHC): 81,12%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình (trên tổng TTHC): 48,28%⁴². Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, đến nay, cả nước có hơn 87 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip được cấp; 87,08% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử; hơn 13 triệu chữ ký số (CKS) đã được cấp, đạt tỷ lệ 25% tổng số người trưởng thành có CKS. 100%

⁴⁰ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/#:~:text=Quy%20mô%20GDP%20theo%20giá,USD%20so%20với%20năm%202023.>

⁴¹ <https://baochinhphu.vn/xuat-nhap-khau-nam-2024-can-moc-786-ty-usd-102250106141936953.htm>

⁴² <https://tcnn.vn/news/detail/63521/Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-da-cung-cap-45-nghin-dich-vu-cong-truc-tuyen.html>

người dân sử dụng VNeID để đăng nhập DVCTT với hơn 93,7 triệu lượt truy cập vào cuối tháng 11/2024⁴³. Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số sẽ chiếm 20% GDP, và đến năm 2030 đạt 30% GDP.⁴⁴

** Thứ tư, hệ thống y tế được quan tâm phát triển đồng bộ từ tuyến cơ sở đến trung ương*

Đến năm 2023, 100% xã, phường trên toàn quốc có trạm y tế; trong đó, khoảng 95% số trạm có bác sĩ hoạt động thường xuyên; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 92%, tương đương hơn 90 triệu người dân được bảo vệ. Tuổi thọ trung bình của người Việt ngày càng tăng, đạt 73,7 tuổi hiện nay, trong khi tỷ lệ tử vong mẹ giảm còn 46 ca/100.000 ca sinh sống. Việt Nam cũng nằm trong nhóm các nước có chi phí khám chữa bệnh tương đối thấp nhưng hiệu quả điều trị ngày càng cao, nhất là trong các lĩnh vực như ghép tạng, ung bướu, nhi khoa.

** Thứ năm, phúc lợi xã hội tiếp tục được mở rộng và cải thiện theo hướng bao trùm, bền vững.*

Giai đoạn 2021–2023, Việt Nam đã chi hơn 320.000 tỷ đồng cho các chính sách an sinh, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm xuống còn 4,06% vào năm 2024⁴⁵, và nhiều địa phương miền núi đã ra khỏi danh sách đặc biệt khó khăn. Hơn 12 triệu người cao tuổi đang được hưởng chính sách hỗ trợ bảo trợ xã hội hàng tháng, và gần 2 triệu người khuyết tật được hỗ trợ về y tế, giáo dục, việc làm.

Với những kết quả trên, có thể thấy rằng, dù gặp muôn vàn thử thách - từ hậu quả chiến tranh, thiên tai, khủng hoảng kinh tế đến sự cấm vận kéo dài - nhưng Việt Nam vẫn kiên trì theo đuổi con đường phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm. Các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục, chăm sóc y tế, xây dựng nông thôn mới... đã từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho hàng triệu người dân, từ đô thị đến vùng sâu, vùng xa.

⁴³ <https://www.nait.vn/cds/chuyen-doi-so-huong-toi-phuc-vu-nguoi-dan-trong-ky-nguyen-moi-1572.html>

⁴⁴<https://mst.gov.vn/viet-nam-dat-muc-tieu-kinh-te-so-chiem-ty-trong-30-gdp-vao-2030-197240930170126256.htm#:~:text=V%3A%20muc%20tieu%20den%20nam,chi%20ph%3AD%2C%20tang%20hi%20qua.>

⁴⁵ Quyết định số 217/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

Đặc biệt, quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn mở ra nhiều cơ hội cho người dân tiếp cận tri thức, khoa học, công nghệ, tạo nền tảng cho một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Khát vọng hạnh phúc không chỉ hiện hữu trong các mục tiêu chiến lược quốc gia, mà còn thấm sâu vào tư tưởng phát triển bền vững của Việt Nam nhằm hướng tới xây dựng một quốc gia hạnh phúc.

Khát vọng xây dựng một đất nước giàu mạnh, thịnh vượng và hạnh phúc cho mọi người dân chính là sự tiếp nối đầy nhân văn và chiến lược của hành trình thống nhất đất nước. Đó không chỉ là lý tưởng chính trị, mà là trách nhiệm thiêng liêng đối với các thế hệ hôm nay và mai sau./.

**THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN 50 NĂM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 – 30/4/2025) – NỀN TẢNG VỮNG CHẮC ĐỂ VIỆT NAM
BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC**

*ThS Ngô Thị Tâm
Khoa Xây dựng Đảng*

Ý nghĩa lịch sử Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã đập tan hơn 1 triệu quân Ngụy, lật đổ hoàn toàn chế độ Ngụy quyền tay sai của Mỹ ở miền Nam, buộc Tổng thống Ngụy quyền Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Chiến thắng đó đã giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và tay sai. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đánh dấu kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ, đồng thời kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị của đế quốc Pháp - Mỹ và chế độ phong kiến, đồng thời chấm dứt việc các cường quốc thế giới can thiệp trực tiếp bằng quân sự vào Việt Nam trong suốt hơn 100 năm (từ 1858 tới 1975).

Đại thắng mùa Xuân 1975 đã lật đổ chế độ đế quốc và tay sai, mở đường cho sự hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp cách mạng dân chủ nhân dân, xóa bỏ giai cấp phong kiến và tư sản ở miền Nam, đó là một sự kiện trọng đại trong lịch sử dân tộc, mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước độc lập, thống nhất và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thành tựu phát triển 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới “kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”

Trải qua 50 năm phát triển đất nước, Đại thắng mùa Xuân 1975 đã tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc. Biến những thành tựu vẻ vang trong quá khứ thành động lực để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong kỷ nguyên mới.

Các kết quả nghiên cứu tổng kết cho thấy, có 4 yếu tố chủ yếu được coi như điều kiện cần và đủ để các nước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, trở thành nước phát triển có thu nhập cao, bao gồm: khoa học - công nghệ, nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, sự ổn định chính trị - xã hội. Ở Việt Nam trải qua 50 năm phát triển đất nước từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đến nay, 4 yếu tố cơ bản đó đều đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thứ nhất, về khoa học - công nghệ

Khoa học công nghệ chính là khả năng nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế và các lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều đó có nghĩa là nói đến toàn diện các điều kiện thực tế bảo đảm khả năng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm thể chế, nguồn nhân lực, hạ tầng, trình độ phát triển của thị trường, trình độ phát triển của doanh nghiệp, sản phẩm tri thức và công nghệ, sản phẩm sáng tạo. Chỉ có cập nhật, nghiên cứu để ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ mới nhất, mới có thể phát triển lực lượng sản xuất, đổi mới công nghệ sản xuất, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất lao động, làm ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của xã hội.

Những thành tựu về xây dựng, phát triển sau 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã tạo dựng cho chúng ta một nền tảng đủ mạnh để bảo đảm điều kiện khoa học - công nghệ cho sự phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới. Với nền giáo dục hướng về người dân, chúng ta có 99% dân số biết chữ, hơn 2 triệu sinh viên đại học mỗi năm. Sinh viên nước ta du học ở các nước có nền khoa học - công nghệ phát triển cao ngày càng nhiều, mỗi năm hàng chục nghìn người. Đặc biệt, học sinh Việt Nam có khả năng tốt về toán và các môn khoa học. Theo kết quả khảo sát năm 2022 của OECD, học sinh Việt Nam đạt điểm gần mức trung bình của OECD ở cả ba môn toán, đọc và khoa học, xếp thứ 34 trong tổng số 81 nước được khảo sát, đứng thứ hai trong khu vực ASEAN. Đảng và Nhà nước luôn sáng suốt và kịp thời cập nhật tiến bộ khoa học - công nghệ, có chủ trương, chính sách để thúc đẩy việc tiếp thu, ứng dụng để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ con người. Hạ tầng khoa học - công nghệ của đất nước được tăng

cường. Hợp tác quốc tế góp phần tích cực cho phát triển về khoa học - công nghệ của đất nước, cả về hạ tầng, năng lực nghiên cứu, ứng dụng, phát triển doanh nghiệp và tăng cường số lượng, chất lượng sản phẩm sáng tạo.

Nếu lấy Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) làm thước đo chủ yếu để đánh giá năng lực khoa học - công nghệ của đất nước, Việt Nam đã có tiến bộ vượt bậc. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2023 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Việt Nam xếp hạng 46/132 quốc gia, tức là đã vượt 13 bậc so với năm 2016. Các lĩnh vực mới, như AI, điện toán đám mây, đang được ứng dụng mạnh mẽ tại nhiều ngành công nghiệp khác nhau, đầu tư phát triển ở doanh nghiệp tại Việt Nam. Từ đó có thể thấy, Việt Nam đang có năng lực, điều kiện có thể đáp ứng yêu cầu về khoa học - công nghệ để thúc đẩy đột phá phát triển trong kỷ nguyên mới.

Thứ hai ,về nguồn lực con người

Nói tới nguồn lực con người là nói đến con người cả về số lượng và chất lượng một cách toàn diện. Đó là nói đến con người với vai trò từ người lao động thừa hành trong dây chuyền sản xuất đơn giản, đến người làm việc trong hệ thống kỹ thuật, sáng tạo trình độ cao. Đó là nói đến con người trong vai trò đội ngũ nhà khoa học, chuyên gia, đội ngũ trí thức làm việc trong môi trường lao động sáng tạo, chất lượng cao; nói đến đội ngũ cán bộ, chuyên gia, nhà quản lý có đủ năng lực chuyên môn, chuyên nghiệp cao để thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành tổ chức, đơn vị kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, cán bộ nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển. Đó là nói đến nhóm người ưu tú làm việc trong hệ thống chính trị, những người không chỉ có tài năng về chuyên môn, mà còn có đạo đức trong sáng, tận tụy và chuyên nghiệp trong công việc, xứng đáng vai trò là đội ngũ dẫn dắt phát triển xã hội trong tương lai.

Sau 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, dân số Việt Nam đã tăng hơn 100 triệu người, thời kỳ dân số vàng còn kéo dài đến gần hết những năm 30 của thế kỷ XXI, bảo đảm *nguồn lực con người* khá dồi dào cho mọi đề án, chiến lược phát triển. Hơn nữa, chất lượng nguồn lực con người đã được tăng cường toàn diện về thể lực và trí lực, về mức độ đào tạo và trình độ chuyên môn, tay nghề. Đặc

biệt, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và cán bộ lãnh đạo chính trị đã được đào tạo bài bản, được rèn luyện từ môi trường thực tế xây dựng phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, đã trưởng thành cả về năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức. Nguồn lực con người cho phát triển của Việt Nam còn được tăng cường từ lực lượng Việt kiều, từ khả năng mở rộng hợp tác quốc tế sâu rộng, qua đó thu hút chuyên gia, người lao động trình độ cao từ nước ngoài. Đó là cơ sở bảo đảm nguồn lực con người cho kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ ba, nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính là nguồn vốn đầu tư phát triển đồng bộ toàn bộ nền kinh tế - xã hội, từ kết cấu hạ tầng, nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học cho phát triển, đổi mới công nghệ để phát triển doanh nghiệp, tổ chức sản xuất trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và đầu tư cho phát triển hệ thống dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội,... Tùy theo điều kiện cụ thể và theo lộ trình nhất định, sẽ có chính sách phân bổ nguồn lực tài chính một cách hợp lý cho các lĩnh vực cụ thể; có thể ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho những lĩnh vực quan trọng, có vai trò đầu tàu dẫn dắt hay có ý nghĩa động lực thúc đẩy sự phát triển chung. Tuy nhiên, sự phát triển đồng bộ, hài hòa các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, đến lượt nó là điều kiện cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Năm 2023, tổng giá trị GDP của Việt Nam đạt 430 tỷ USD. Theo số liệu năm 2023, nguồn vốn đầu tư phát triển của cả nước chiếm khoảng 33% giá trị GDP, đạt trên 140 tỷ USD; trong đó, nguồn vốn của Nhà nước chỉ chiếm 28%, tư nhân chiếm đến 56%, còn lại 16% là từ khu vực FDI. Tỷ lệ quá nửa nguồn vốn đầu tư phát triển đến từ khu vực kinh tế tư nhân trong nước cho thấy sự phát triển đa dạng, năng động của nền kinh tế Việt Nam ngày nay, kinh tế tư nhân đang thực sự đóng vai trò là một động lực quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hết năm 2024, chỉ riêng nguồn tiền của người dân gửi vào hệ thống ngân hàng đã lên đến xấp xỉ 7 triệu tỷ đồng, tức là khoảng gần 280 tỷ USD; lượng tiền mà doanh nghiệp và tổ chức kinh tế gửi vào ngân hàng cũng gần bằng con số đó. Theo số liệu được Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 12-11-2024 vừa qua, tổng

lượng tiền tiết kiệm của người dân và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế gửi vào ngân hàng thương mại đạt mức kỷ lục từ trước đến nay, với hơn 13,76 triệu tỷ đồng, bằng khoảng hơn 540 tỷ USD. Lượng kiều hối về Việt Nam mỗi năm đạt trên 15 tỷ USD. Ngoài ra, nguồn vốn còn được huy động nhờ hợp lý hóa, tiết kiệm chi tiêu công; nguồn lực tài chính từ nhà đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau. Đặc biệt, một khi đầu tư công mang lại hiệu quả tích cực, năng suất lao động nâng lên, sẽ trở thành động lực thúc đẩy đầu tư phát triển toàn xã hội, càng tăng cường nguồn lực tài chính của đất nước. Tóm lại, nếu chúng ta có chính sách hợp lý, hoàn toàn có thể huy động nguồn lực tài chính rất to lớn, đủ đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ tư, sự ổn định chính trị - xã hội

Một nền chính trị bền vững, trong đó có sự lãnh đạo chính trị thống nhất, sự nhất quán về đường lối phát triển đất nước, sự cam kết chính trị mạnh mẽ vì sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, đó là một nền chính trị hướng tới nhân dân, bảo vệ một cách chắc chắn quyền và lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, được nhân dân tin cậy, tạo được sự đồng thuận rộng rãi của nhân dân và toàn xã hội; qua đó, tạo nên sự ổn định, bền vững của chế độ xã hội. Đến lượt mình, sự ổn định, bền vững của chế độ xã hội là điều kiện để nhà đầu tư và nhân dân yên tâm, tin tưởng đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo ra của cải, vật chất, làm giàu cho cá nhân họ và mang lại lợi ích chung cho quốc gia, dân tộc.

Nhìn một cách tổng thể, trong suốt 50 năm qua, bối cảnh thế giới có nhiều biến động rất phức tạp, trong đó có các biến cố ảnh hưởng rất nặng nề đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, như sự sụp đổ của hệ thống XHCN hiện thực, đại dịch COVID-19... Song trong bất cứ hoàn cảnh phức tạp nào, chính trị - xã hội Việt Nam đều rất ổn định. Đến lượt mình, ổn định chính trị - xã hội là một trong số điều kiện có ý nghĩa quyết định cho sự tăng trưởng kinh tế cao, đều đặn và liên tục, để cho nguồn vốn đầu tư nước ngoài không ngừng tăng lên. Sự ổn định chính trị - xã hội của Việt Nam bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, từ mục đích nhân văn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích tối thượng là hạnh phúc của nhân dân, từ truyền thống yêu nước nồng nàn và niềm tin son sắt

của nhân dân đối với Đảng, với con đường cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Sự ổn định chính trị - xã hội đó là một biểu hiện tập trung nhất cho sự ưu việt của chế độ chính trị của Việt Nam, chế độ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước ta trong suốt quá trình đổi mới vừa qua là *nguồn vốn* rất to lớn, là *bài học* vô cùng quý báu trong hành trang phát triển, là điều kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bảo đảm cho kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc Việt Nam.

Sau 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng ta có được cơ sở vững chắc, quan trọng nhất bảo đảm cho phát triển đột phá của đất nước trong kỷ nguyên mới. Đó là, hệ thống lý luận về đường lối đổi mới ngày càng hoàn thiện, cơ đồ, tiềm lực của đất nước được tăng cường; cuộc sống của nhân dân được cải thiện cơ bản; nền chính trị - xã hội ổn định một cách bền vững; vị thế, uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao. Đó chính là thành quả có được nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhờ bàn tay, khối óc và tinh thần lao động sáng tạo không mệt mỏi của nhân dân, sự ủng hộ và hợp tác rất đáng trân trọng của bạn bè và các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Với cái nhìn xuyên suốt tiến trình lịch sử, cũng như sự phân tích toàn diện bối cảnh trong nước, quốc tế, sự phân tích một cách khoa học, thực tiễn điều kiện, yêu cầu phát triển sắp tới, có thể nói đất nước ta đang đứng trước thời cơ lịch sử để vững bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh và hạnh phúc ./.

VẬN DỤNG BÀI HỌC XÂY DỰNG THỂ TRẬN LÒNG DÂN VỮNG CHẮC TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 VÀO CÔNG CUỘC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA HIỆN NAY

ThS Hoàng Thị Thu Hiền

Khoa Xây dựng Đảng

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một trong những trang sử vàng chói lọi của dân tộc Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy gian khổ và hy sinh. Chiến thắng vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 không chỉ là kết quả của sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh to lớn của thể trận lòng dân. Lòng dân vững chắc chính là nguồn sức mạnh nội sinh làm nên mọi thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta. Ngày nay, trong bối cảnh tình hình mới, xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc trong nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân luôn được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta quan tâm và phát huy.

1. Bài học xây dựng thể trận lòng dân vững chắc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Thuật ngữ “thể trận lòng dân” lần đầu tiên đề cập đến trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. “Thể trận lòng dân” là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, khát vọng độc lập tự do, ý chí đấu tranh của dân tộc được khơi dậy, phát huy, tạo thành nền tảng chính trị - tinh thần vững chắc, cho phép huy động sức mạnh của cả dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Như vậy, xây dựng “thể trận lòng dân” thực chất là xây dựng, quy tụ lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng, sự đồng thuận và ý chí quyết tâm cao của toàn dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp, vững chắc cùng với các nhân tố khác vượt qua mọi khó khăn thử thách khắc nghiệt trên nhiều phương diện để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng thể trận lòng dân vững chắc được xem là một chiến lược cơ bản, một nhân tố quan trọng dẫn đến thắng lợi cuối cùng của công cuộc kháng chiến

chống Mỹ cứu nước mà đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975. Cụ thể:

Một là: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để giành thắng lợi trọn vẹn năm 1975

Trên cơ sở nắm vững quy luật chiến tranh, tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, cùng với sử dụng sức mạnh quân sự của các binh đoàn chủ lực để làm tan rã hệ thống phòng thủ của địch và lực lượng nguy quân, nguy quyền, Đảng đã chỉ đạo kết hợp chặt chẽ tiến công quân sự với phát động quần chúng nhân dân nổi dậy đấu tranh chính trị, làm tan rã nhiều bộ phận quân địch, giải phóng từng địa bàn chiến lược rộng lớn.

Thắng lợi vang dội của các hướng tiến công chiến lược trên khắp miền Nam đã tạo ra bước ngoặt căn bản trong tương quan lực lượng giữa ta và địch. Đặc biệt, sau thắng lợi giòn giã của Chiến dịch Tây Nguyên đã làm xoay chuyển cục diện chiến trường, đẩy quân địch đến chỗ cùng quẫn, hoảng loạn.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam từ dự kiến hai năm (1975 - 1976) xuống còn một năm và sau đó quyết định kết thúc chiến dịch trước mùa mưa, tốt nhất là trong tháng 4/1975. Đồng thời, ta đã tổ chức các đòn tiến công chiến lược vào những địa bàn, mục tiêu then chốt của địch, tạo ra thời cơ chín muồi để mở trận quyết chiến chiến lược tại Sài Gòn - Gia Định bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Những quyết sách sáng suốt này đã trở thành ngọn cờ hiệu triệu toàn dân, toàn quân phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, sẵn sàng chiến đấu và hy sinh. Chính "sự đồng tâm của đồng bào đúc thành bức tường đồng xung quanh Tổ quốc" đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường miền Nam. Với khí thế thần tốc, táo bạo, bất ngờ "một ngày bằng hai mươi năm", quân và dân ta đã xốc tới mặt trận quyết chiến, quyết thắng, giải phóng và thống nhất đất nước vào ngày 30/4/1975.

Hai là: Vận dụng linh hoạt các hình thức, biện pháp tiến hành công tác vận động quần chúng để phát huy sức mạnh vật chất và tinh thần cho Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1954), Đảng

ta chủ trương thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam. Trong đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc không chỉ có mục tiêu xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào ta ở miền Bắc mà còn nhằm xây dựng, củng cố căn cứ địa hậu phương chung của cả nước để tiến hành giải phóng miền Nam. Theo đó, từ những năm 1960 đến 1975, khắp miền Bắc dấy lên các phong trào thi đua lao động, sản xuất. Từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược, khí thế hăng say lao động, sản xuất đã trở thành một cao trào lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân, từ nông dân, công nhân, trí thức đến các dân tộc thiểu số, không phân biệt tôn giáo đều một lòng hướng về miền Nam, đồng lòng quyết tâm chiến đấu giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Với khát vọng độc lập, tự do, thống nhất đất nước của toàn dân tộc, Đảng ta đã làm rất tốt công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức sáng tạo, linh hoạt, như: Công vận, nông vận, thanh vận, phụ vận... Các phong trào điển hình như: Thanh niên "Ba sẵn sàng", phụ nữ "Ba đảm đang", nông dân "Tay cày tay súng", công nhân "Tay búa tay súng", học sinh làm "Nghìn việc tốt chống Mỹ"... Bằng tinh thần "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" và "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Nhường nhà để hàng, nhường làng để xe", "Xe chưa qua, nhà không tiếc", nhân dân miền Bắc đã không quản ngại gian khổ, hy sinh, hăng hái thi đua lao động sản xuất, chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Nhân dân đã tận tình ủng hộ, giúp đỡ bộ đội, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang chiến đấu và chiến thắng. Hậu phương vững chắc miền Bắc đã trở thành nguồn sức mạnh to lớn, đảm bảo cho tiền tuyến luôn được tiếp sức kịp thời. Từ tháng 2 năm 1973 đến tháng 2 năm 1975, 3.778 ki-lô-mét đường chiến lược Đông và Tây Trường Sơn và 4.000 ki-lô-mét đường chiến lược đã được xây dựng, củng cố và mở rộng, vận chuyển đến các chiến trường miền Nam 36 vạn tấn vật chất các loại, phục vụ đánh lớn. Hưởng ứng phong trào "Ba sẵn sàng", hàng triệu thanh niên miền Bắc đã hăng hái tình nguyện đến bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì Tổ quốc cần. Từ năm 1972 đến

đầu năm 1973, miền Bắc đã tuyển 47 vạn quân, trong đó tăng cường cho miền Nam 26 vạn quân.

Ở miền Nam, dù phải chịu sự đàn áp dã man, tàn bạo của địch, nhưng với ý chí quật cường, bất khuất, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo miền Nam một lòng, một dạ đi theo cách mạng, với niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, của Hồ Chủ tịch và sự nghiệp thống nhất đất nước. Nhân dân không chỉ là lực lượng ủng hộ mà còn trực tiếp tham gia vào các hoạt động cách mạng, từ đấu tranh chính trị, binh vận đến xây dựng cơ sở cách mạng, cung cấp thông tin tình báo, thậm chí trực tiếp cầm vũ khí chiến đấu. Đã có hàng nghìn, hàng vạn người mẹ, người chị không quản ngại gian khổ, hiểm nguy, sẵn sàng hy sinh tính mạng để nuôi giấu bộ đội, làm giao liên, y tá... hun đúc nên ý chí “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Ngoài ra, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Trung ương Cục đã kịp thời chỉ đạo các tổ chức, lực lượng trên toàn miền Nam quán triệt, nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kết hợp công tác vận động quần chúng với công tác binh vận, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia vận động, giác ngộ, cảm hóa binh lính, nhân viên, các phe phái trong nội bộ nguy quân, nguy quyền trở về với gia đình, với cách mạng; chú trọng vận động binh sĩ rã ngũ tập thể, buông súng, từ chối chấp hành nhiệm vụ, phản chiến, khởi nghĩa, chủ động từ bỏ hàng ngũ địch sang hàng ngũ cách mạng, v.v..

Hiệu quả công tác vận động quần chúng và những thắng lợi vang dội từ chiến trường đã cổ vũ động viên đồng bào, chiến sĩ cả nước củng cố niềm tin tất thắng vào sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và góp phần phát huy cao độ khí thế, tinh thần cách mạng tiến công của quân và dân ta; đồng thời, đánh sập ý chí chiến đấu, sức phản kháng của địch, đẩy nguy quyền Sài Gòn vào tình thế lúng túng, bị động, hoang mang tột độ; tạo thời cơ lớn để tiến hành tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ba là: Tích cực phát huy vai trò của mặt trận đoàn kết trong vận động, tập hợp lực lượng, tạo cơ sở vững chắc cho củng cố và tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào”

Sau Hiệp định Geneve (21-7-1954), đất nước tạm thời chia làm 2 miền với

hạn định là 2 năm phải hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, hất cẳng thực dân Pháp và phá hoại Hiệp định, âm mưu thực hiện chế độ thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và chia cắt lâu dài nước Việt Nam, đi ngược lại khát vọng hòa bình, độc lập, thống nhất của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh đó, ngày 10.9.1955, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời với mục đích đoàn kết mọi lực lượng dân tộc và dân chủ, đấu tranh đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được triệu tập. Đại hội xác định nhiệm vụ trước hết đó là “thực hiện một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống Mỹ - Diệt lấy liên minh công - nông làm cơ sở”. Đáp ứng yêu cầu đặt ra, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Tuy khác nhau về tên gọi, nhưng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở miền Bắc và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây là một hình thức tập hợp lực lượng sáng tạo của Đảng ta. Nhờ đó, Mặt trận đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, dân tộc, các nhân sĩ, trí thức yêu nước và tiến bộ, không phân biệt tuổi tác, giới tính... ở hai miền, đồng tâm nhất trí, vượt mọi khó khăn gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. Ở miền Nam, “dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân và dân miền Nam ngày càng đoàn kết chống Mỹ, cứu nước, càng đánh càng mạnh, càng đánh mạnh càng thắng to,...”⁴⁶. Các phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân không chỉ phát triển ở nông thôn mà còn mạnh mẽ, rộng khắp ở các đô thị. Bằng nhiều hình thức khác nhau, các cuộc đấu tranh của công nhân, lao động, học sinh, sinh viên, trí thức, đồng bào phật giáo và các tầng lớp nhân dân khác ở các thành thị dường như không lúc nào chấm dứt. Từ đó, tạo ra sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh nhân dân, từng bước đứng lên phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ, đánh bại từng chiến lược chiến tranh, tiến lên đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Với “Thế trận lòng dân” được phát huy cao độ, đúng 17h ngày 26/4/1975,

⁴⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.522

chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định được bắt đầu bằng 5 quân đoàn chủ lực, tinh nhuệ làm nòng cốt cùng với sự nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng nhân dân ở nội, ngoại thành Sài Gòn - Gia Định, ta đã nhanh chóng đè bẹp bộ máy chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến cơ sở. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã toàn thắng.

Thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ mà đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã chứng minh, khi “ý Đảng” hợp với “lòng dân” đã hội tụ sức mạnh, làm cho “thế trận lòng dân” càng được phát huy cao độ, tạo nên cao trào cách mạng quyết tâm giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã thể hiện tinh thần quật khởi của cả dân tộc Việt Nam khi tiến hành một cuộc “trường chinh” vĩ đại “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc”⁴⁷.

2. Vận dụng bài học xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay

Trong những năm qua, công tác bảo vệ an ninh quốc gia ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, công tác bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn: Tình hình thế giới và khu vực đang thay đổi hết sức nhanh chóng, khó dự báo, tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Các vấn đề về an ninh truyền thống và phi truyền thống tiếp tục diễn biến phức tạp (1) Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chống phá bằng nhiều phương thức tinh vi, xảo quyệt, lợi dụng các vấn đề nhạy cảm về dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, dân chủ để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây rối

⁴⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, HN 2004, tập 37, tr457.

an ninh trật tự. (2) Các cuộc tấn công mạng, hoạt động gián điệp mạng, tội phạm công nghệ cao ngày càng gia tăng, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh thông tin, an ninh kinh tế và an ninh quốc gia. (3) Những vấn đề như tham nhũng, tiêu cực, ô nhiễm môi trường, phân hóa giàu nghèo, khiếu kiện đông người chưa được giải quyết triệt để có thể gây bức xúc trong nhân dân, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng. (4) Quá trình hội nhập sâu rộng mang lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra những thách thức mới đối với công tác bảo vệ ANQG, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

Tình hình đó đã và đang đặt ra đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công tác bảo vệ an ninh quốc gia. Việc kế thừa và vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm quý báu từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đặc biệt là bài học về xây dựng thể trận lòng dân vững chắc có ý nghĩa vô cùng quan trọng, góp phần củng cố sức mạnh tổng hợp, tạo thế chủ động để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đặc biệt, từ Đại hội X, yếu tố “lòng dân” và xây dựng “thể trận lòng dân” được xác định là nền tảng quan trọng để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Đến Đại hội XIII, xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân được nhấn mạnh như là một giải pháp quan trọng để tăng cường tiềm lực, phát huy sức mạnh nội lực của đất nước trong bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng: “Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ thể trận lòng dân trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng và củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân”⁴⁸. Do đó, để tiếp tục xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc góp phần bảo vệ an ninh quốc gia đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

Thứ nhất: tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho toàn dân

⁴⁸ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.96.

những nội dung liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm mục đích phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, thâm độc. Do đó tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho Nhân dân thực sự là giải pháp cần thiết. Trong đó, cần xác định nội dung tập trung tuyên truyền, giáo dục gồm: Tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc; Chú trọng tuyên truyền, giáo dục, vận động, hướng dẫn nhân dân nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy định về bảo vệ an ninh, trật tự; Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, thống nhất nhận thức, tư tưởng, hành động và đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, vai trò sứ mệnh lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam...góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng; các phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm, tình hình tệ nạn xã hội để nhân dân chủ động áp dụng biện pháp phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả; hiểu rõ quyền và nghĩa vụ trên lĩnh vực an ninh, trật tự để từ đó nhân dân tự nguyện, tự giác tham gia vào nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự. Thông qua đó, góp phần khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự tôn, tự hào trong mỗi người dân Việt Nam; tạo sự tin tưởng, đồng thuận và ủng hộ của nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chung sức, đồng lòng, muôn người như một, tích cực tham gia vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia; Trong quá trình tuyên truyền, giáo dục cần chú ý đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức và lựa chọn phương pháp phù hợp trên cơ sở phát huy vai trò của các lực lượng, phương tiện truyền thông đại chúng.

Thứ hai: Cần quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” trong tình hình mới.

Trên cơ sở nhận thức phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của từng đơn vị, địa phương để

phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Do đó phải nêu cao tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy, người đứng đầu đơn vị, địa phương và của từng cán bộ, chiến sĩ trong công tác xây dựng và vận động quần chúng nhân dân tích cực, tự nguyện tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Việc quan triệt và thực hiện cần tập trung vào các đối tượng, địa bàn trọng điểm như người có uy tín trong dân tộc thiểu số, tôn giáo với các mô hình “dòng họ, tộc họ tự quản về ANTT”, “xứ, họ đạo bình yên”; công nhân có mô hình “tổ công nhân tự quản”; ngư dân có mô hình “xóm chài bình yên”, “cụm tàu thuyền an toàn”; địa bàn biên giới có mô hình “tiếng kèn vùng biên”, “vùng xanh an toàn”, “tổ chốt bảo vệ vùng xanh” ...

Thứ ba: Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân.

Tổng kết 30 năm đổi mới, Đảng ta đã khẳng định "Chính Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử...Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân"⁴⁹. Điều đó chứng tỏ mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại, phát triển của Đảng. Do đó, để củng cố niềm tin, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, tiếp tục xây dựng và phát huy sức mạnh của “thể trận lòng dân” nhằm huy động sức mạnh trong công cuộc bảo vệ an ninh quốc gia, Đảng ta phải không ngừng rèn luyện, phấn đấu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc, giữ vai trò quan trọng trong xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của “thể trận lòng dân”. Muốn vậy, từng tổ chức đảng phải thực sự trong sạch, vững mạnh. Mỗi đảng viên phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ, sáng tạo trong thực thi nhiệm vụ. Để thực hiện tốt nội dung này cần: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, nhất là tệ tham nhũng, lãng phí; Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nêu cao tinh thần thẳng thắn trong đấu tranh tự phê bình và phê bình trước những cái xấu, cái sai; ca ngợi, khen thưởng cái hay, cái tốt; Tích cực học tập và làm

⁴⁹ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.111-112.

theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Kiên định lập trường, quan điểm và thực hành “Dân là gốc”, “Nhân dân là chủ thể, trung tâm của công cuộc đổi mới”, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân; tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, vai trò làm chủ và chủ thể của Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới.

Thứ tư: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong củng cố, tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức rộng lớn, có vai trò quan trọng tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc. Do đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng, nắm bắt tình hình, tham gia triển khai sâu rộng và hiệu quả phong trào bảo vệ an ninh quốc gia, xây dựng các mô hình tự quản, tự phòng, tự bảo vệ ở cộng đồng dân cư. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tạo điều kiện để cộng đồng dân cư chủ động tham gia giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, không để các thế lực thù địch lợi dụng; Hỗ trợ và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò trong công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

Bài học về xây dựng thể trận lòng dân từ Đại thắng mùa Xuân 1975 vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa thời đại sâu sắc. Trong bối cảnh hiện nay, việc vận dụng sáng tạo bài học quý báu này vào công tác bảo vệ an ninh quốc gia sẽ động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

**VẬN DỤNG BÀI HỌC ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG
ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 VÀO GIẢNG DẠY
BÀI 2: NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU CỦA CÁCH MẠNG
VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY**

ThS Nguyễn Thị Nhị
Khoa Xây dựng Đảng

Cách đây 50 năm, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trong suốt 21 năm (1954-1975). Kể từ đây, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước được độc lập, non sông thu về một dải, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”⁵⁰.

Để làm nên thắng lợi vĩ đại ấy là sự tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó, nhân tố đóng vai trò quan trọng là Đảng ta đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 thể hiện ở một số nội dung:

Một là, đoàn kết giữa miền Bắc và miền Nam

Sau hiệp định Giơnevơ, vĩ tuyến 17 - cầu Hiền Lương trở thành ranh giới chia cắt hai miền Bắc - Nam. Mặc dù bị chia cắt trong suốt 21 năm, nhưng đồng bào 2 miền luôn luôn đoàn kết, cùng chung ý chí, cùng hướng đến ngày thống nhất đất nước. Trong đó, miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc cho chiến trường miền Nam: miền Bắc chi viện nhân lực, hàng vạn thanh niên lên đường vào Nam chiến đấu với tinh thần “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”; miền Bắc tích cực chi viện vật lực, một khối lượng lớn lương thực, vũ khí, đạn dược, thuốc men... được sản xuất và vận chuyển vào Nam

⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2004, t.37, tr.471

qua tuyến đường Hồ Chí Minh huyền thoại với phương châm “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”; miền Bắc hỗ trợ về tinh thần, góp phần cổ vũ, động viên, khích lệ tinh thần đấu tranh của quân dân miền Nam. Còn miền Nam là mặt trận trực tiếp chống lại quân đội Mỹ và chính quyền Sài Gòn, với nhiều trận đánh lớn.

Hai là, đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân

Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng ta chủ trương tập hợp rộng rãi các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc, các nhân sĩ, trí thức yêu nước và tiên bộ, không phân biệt tuổi tác, giới tính... thông qua các hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất. Ở mỗi miền, căn cứ vào điều kiện thực tiễn để thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phù hợp. Ở miền Bắc thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10/9/1955); ở miền Nam thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960) và sau đó, thành lập Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình (20/4/1960). Tuy khác nhau về tên gọi nhưng các Mặt trận đều hướng tới mục tiêu chung là đồng tâm, hợp lực, quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Ba là, đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang

Trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, sự đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần quyết định vào chiến thắng. Đó là sự phối hợp giữa Quân đội nhân dân Việt Nam và Quân giải phóng miền Nam Việt Nam; đó là sự kết hợp giữa bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, du kích.

Cho đến ngày hôm nay, khi chiến tranh đã lùi xa một nửa thế kỷ nhưng bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng của bài học đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, bản thân là một giảng viên giảng dạy lý luận chính trị nên trong quá trình giảng dạy, tôi luôn chú trọng vận dụng vào bài giảng. Cụ thể, tôi đã vận dụng bài học đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào bài 2: Những thành tựu chủ yếu của cách mạng Việt Nam từ

năm 1930 đến nay (thuộc môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, chương trình Trung cấp lý luận chính trị).

Bài giảng tái hiện đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về những thành tựu về lý luận và thực tiễn của Đảng ta trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam 95 năm qua (1930-2025). Bài giảng gồm 5 nội dung cơ bản: Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập - bước ngoặt trọng đại của cách mạng Việt Nam; thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; thành tựu của Đảng trong lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (1954-1986); thắng lợi của công cuộc đổi mới đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Tại mục 3.2.2. *Giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)*. Sau khi khái quát qua về Đại thắng mùa Xuân năm 1975 với những dấu mốc lịch sử quan trọng, ý nghĩa dân tộc và ý nghĩa thời đại. Giảng viên sẽ khẳng định một trong những nhân tố quan trọng làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là do Đảng ta đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp đó, giảng viên sẽ phân tích, làm rõ một số vấn đề về đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975:

Thứ nhất, đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 có nguồn gốc từ đâu?. Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó được hun đúc, hình thành và phát triển cùng với lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy cao độ lên tầm cao mới.

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 bao gồm những nội dung nào?. Bao gồm 3 nội dung cơ bản: đoàn kết giữa miền Bắc và miền Nam; đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân; đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 có ý nghĩa như thế nào?. Nhờ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã tập hợp

rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội, tạo nên sức mạnh to lớn, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Và bài học đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vẫn tiếp tục được Đảng ta kế thừa và phát huy trong suốt thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Vận dụng bài học đại đoàn kết toàn dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào giảng dạy lý luận chính trị là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, giúp bài giảng thêm sinh động, phong phú, “lý luận gắn liền với thực tiễn”. Và việc vận dụng này ngày càng có ý nghĩa quan trọng hơn khi cả dân tộc hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025).

TỪ BÀI HỌC VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC QUA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 ĐẾN CUỘC CÁCH MẠNG TỈNH GỌN BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS Nguyễn Minh Hải

Khoa Nhà nước và Pháp luật

Kỷ niệm 50 năm Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là dịp để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ôn lại quá khứ đấu tranh hào hùng của quân và dân ta; tưởng nhớ, tri ân chiến sĩ, đồng bào anh dũng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước và rút ra những bài học kinh nghiệm về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Quán triệt, vận dụng bài học đó trong cuộc cách mạng tỉnh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là trách nhiệm, niềm tin, niềm tự hào của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, chung sức, đồng lòng thực hiện khát vọng xây dựng, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Từ bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Có thể thấy rằng, chiến dịch mùa Xuân 1975 đại thắng là thành quả toàn diện của các nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại; thắng lợi đó còn được thể hiện ở vai trò lãnh đạo tài tình của Đảng ta, cả tài năng, trí tuệ lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của các tướng lĩnh và tính năng động, sáng tạo vĩ đại của quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang. Trong các nhân tố đó thì sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là một nhân tố đặc biệt quan trọng.

Từ khi chiến dịch mùa Xuân 1975 giành thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Đã trải qua 50 năm (1975 - 2025) trong suốt chiều dài của lịch sử ấy, Đảng và Nhân dân ta luôn một lòng hướng về sự phát triển thịnh vượng của đất nước, cũng trải qua những thử thách của lịch sử nhưng một lần nữa

khẳng định sức sống bất diệt của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” vẫn luôn trường tồn trong mỗi người con đất Việt.

Đến cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay

Từ bài học phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở Đại thắng mùa Xuân năm 1975. Đảng ta đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi rất nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước. Đặc biệt hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị. Để thực hiện thành công Cuộc cách mạng này cần vận dụng có hiệu quả bài học phát huy tinh thần sức mạnh của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và những bài học kinh nghiệm lịch sử quý báu nhằm thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là cơ sở bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thực tiễn công cuộc đổi mới những năm qua cho thấy, hệ thống chính trị nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ chủ quyền quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho Nhân dân. Có thể khẳng định, việc không ngừng đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là một trong những điều kiện cơ bản, quyết định đưa đất nước đạt được những thành tựu to lớn trong suốt chặng đường gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới vừa qua. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là một trong những nội dung trọng tâm của quá trình xây dựng, phát triển đất nước.

Tổng Bí thư Tô Lâm đã có bài viết về xây dựng hệ thống chính trị với tiêu đề “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”, trong đó nhấn mạnh cần khẩn trương thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị với một số nhiệm vụ trọng tâm như: Xây dựng, tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới; tập trung hoàn

thiện thể chế theo tinh thần “vừa chạy, vừa xếp hàng” để nhanh chóng đưa chủ trương của Đảng vào thực tiễn cuộc sống; gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh...

Thực tế cho thấy, sắp xếp tổ chức bộ máy thường gắn liền với những thay đổi lớn, tác động trực tiếp đến tâm lý, công việc và quyền lợi của nhiều người. Do đó, việc thực hiện công tác tư tưởng là vô cùng cần thiết, bởi đây là yếu tố then chốt để xây dựng sự đồng thuận, tạo động lực và đảm bảo sự thành công của quá trình đổi mới tổ chức.

Do đó, việc tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị đang được kỳ vọng là động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội thời gian tới. Động lực mới ấy được cộng hưởng từ nhiều nguồn gắn với kết quả trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài của quá trình tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị. Động lực ấy đến từ việc tiết kiệm nguồn lực chi thường xuyên ngân sách nhà nước để nuôi bộ máy chuyển sang tăng chi cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội. Động lực ấy đến từ việc tiết kiệm được các nguồn lực về thời gian, công sức và tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Động lực ấy đến từ việc tiết kiệm để miễn học phí cho học sinh phổ thông và tiến tới miễn viện phí cho người dân; từ nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ quản lý, tăng năng lực phản ứng chính sách và phản ứng thị trường gắn với bối cảnh mới. Ngoài ra, động lực mới còn đến từ củng cố lòng tin, cải thiện vị thế và sự hấp dẫn của môi trường đầu tư, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn lực tiềm năng.

Động lực phát triển từ tinh gọn bộ máy sẽ lan tỏa và thấm sâu tới mọi đối tượng khi đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết. Từng vị trí việc làm trong hệ thống chính trị, hệ thống hành chính đều chất lọc, được xác định chính xác tính cần thiết. Việc tuyển dụng, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, vì việc tìm người. Với yêu cầu tinh gọn bộ máy, với yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí việc làm ngày càng cao thì người đứng đầu các cơ quan, đơn vị sẽ buộc phải coi trọng sử dụng người có năng lực nổi trội, chủ động, sáng tạo và trách nhiệm công vụ cao. Cùng với đó là thanh lọc kịp thời những

người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín.

Triển khai tinh gọn, sắp xếp tổ chức bộ máy không chỉ là nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, mà còn là cam kết của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng một hệ thống chính trị hiện đại, phục vụ Nhân dân, lấy thước đo sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo cho hoạt động của nhà nước. Nhiệm vụ tinh gọn bộ máy đặt ra trong thời gian tới đối với các cấp, các ngành còn rất khó khăn đòi hỏi sự tập trung cao độ và ý chí tiên công cách mạng. Động lực cho nỗ lực này là khi thực hiện thành công, chúng ta sẽ kiến tạo một bộ máy Nhà nước tinh gọn, hiệu quả, xóa bỏ trì trệ, tăng sức cạnh tranh và giải phóng nguồn lực cho phát triển. Và đặc biệt, trên cơ sở định hướng và chỉ đạo quan trọng của Trung ương Đảng đã định hình được con đường và mục tiêu phát triển, với tư duy đột phá và quyết tâm hành động, tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá của cán bộ, công chức, viên chức và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân thêm tự tin và sẵn sàng bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển cùng dân tộc.

Mục tiêu đó cũng chính là đích đến, là điểm hội tụ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự đồng nhất giữa mục tiêu cách mạng của Đảng với mục tiêu của khối đại đoàn kết toàn dân tộc cho thấy, Đảng luôn thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời luôn tin tưởng vào ý chí cách mạng của nhân dân, vào sức mạnh của nhân dân, vào sự hòa quyện giữa ý Đảng với lòng dân.

Quán triệt, vận dụng bài học phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cần thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục hoàn thiện vận hành có hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”⁵¹, nhằm khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là ngọn cờ quy tụ, sự quản lý của Nhà nước là phương thức bảo đảm để đại đoàn kết toàn dân tộc thực sự là cội nguồn sức mạnh,

⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.I, tr. 192.

động lực chủ yếu, có ý nghĩa quyết định thành công cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy hiện nay.

Hai là, tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đặc biệt là các văn bản luật liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân sau khi tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng” để nhanh chóng đưa chủ trương của Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống.

Ba là, gắn tinh gọn tổ chức bộ máy với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh để công hiến, vì nhân dân phục vụ.

Bốn là, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giúp đổi mới cách thức làm việc và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quá trình tinh gọn tổ chức bộ máy.

Năm là, bảo đảm sự đồng thuận của người dân, tổ chức trong xã hội giúp quá trình tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị diễn ra thuận lợi và đạt được kết quả bền vững. Để xây dựng sự đồng thuận và thu hút sự ủng hộ từ toàn xã hội, cần tăng cường công tác truyền thông và tuyên truyền nhằm giúp người dân nắm bắt một cách đầy đủ các mục tiêu, ý nghĩa cũng như lợi ích của quá trình tái cơ cấu tổ chức, bộ máy.

Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay đã đạt được sự thống nhất tuyệt đối cả về nhận thức và hành động, nhận được sự đồng tình ủng hộ, thống nhất cao của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Thực tiễn đó đã khẳng định đây là chủ trương hoàn toàn đúng đắn, kịp thời, tiến bộ, nhân văn, khách quan, khoa học, bởi nó đáp ứng được đòi hỏi bức thiết của thực tiễn cuộc sống và hội tụ đầy đủ “Ý Đảng - Lòng Dân”. Tiếp tục phát huy tinh thần truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, chúng ta luôn tin tưởng rằng, mỗi người Việt Nam chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, phát huy cao độ truyền thống yêu nước, tinh thần quyết chiến, quyết thắng, khát vọng hòa bình, tiếp tục đổi mới, sáng tạo, ra sức thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, giành được nhiều thắng lợi mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn để bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam./

KINH NGHIỆM VẬN DỤNG CÁC BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀO GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

Đồng chí Đặng Thị Nha - Phó Giám đốc

Trung tâm Chính trị thành phố Đông Triều

Thành phố Đông Triều nằm ở cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, có diện tích tự nhiên gần 397km², có 19 đơn vị hành chính gồm 13 phường và 06 xã. Dân số toàn thành phố có trên 18 vạn người; với 15 dân tộc anh em (trong đó dân tộc Kinh chiếm khoảng 97,6 %). Đảng bộ thành phố hiện nay có 46 chi, đảng bộ cơ sở, với trên 10.400 đảng viên. Trên địa bàn thành phố hiện có 81 trường từ cấp mầm non đến THPT, 01 Trung tâm GDNN-GDTX, 30 cơ sở GDMN tư thục, 01 trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 17 trung tâm ngoại ngữ, 01 trung tâm giáo dục kỹ năng sống, 01 trung tâm dạy trẻ khuyết tật và 21 trung tâm học tập cộng đồng tại 21 xã, phường. Trong toàn ngành có trên 1800 giáo viên và gần 43.000 học sinh các cấp học...

Đông Triều là vùng đất địa linh nhân kiệt, là quê gốc của nhà Trần, một trong những triều đại vang danh bậc nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Với nhà Trần - Đông Triều không chỉ là quê gốc mà còn là “*Trung tâm văn hóa tâm linh tiêu biểu và đặc sắc*”, với quần thể di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng linh thiêng, kỳ bí, chứa đựng trong mình những giá trị tinh thần bất diệt gồm 128 di tích và danh thắng, trong đó có 30 di tích đã được xếp hạng (1 khu di tích quốc gia đặc biệt, 07 di tích cấp quốc gia, 22 di tích cấp tỉnh)... Đông Triều còn tự hào là nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên ở Khu Mỏ Quảng Ninh; quê hương của một chiến khu oanh liệt trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (sau này được gọi là Đệ tứ Chiến khu hoặc Chiến khu Trần Hưng Đạo); là vùng quê giàu truyền thống cách mạng với 6 xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đông Triều là địa danh gắn với nhiều “địa chỉ đỏ” - nguồn “tư liệu” vô giá, thiết thực và là điểm đến ý nghĩa của các chương trình giáo dục truyền thống cách mạng và lịch sử địa phương.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác giáo dục lý luận chính trị nói chung và công tác giáo dục truyền thống cách mạng, lịch sử địa phương cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ nói riêng, trong những năm qua, Ban Thường vụ Thành ủy Đông Triều đã tập trung lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục đạo đức cách mạng gắn với truyền thống lịch sử địa phương cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ, học sinh trong các nhà trường. Qua đó góp phần quan trọng nâng cao nhận thức, bồi đắp lý tưởng cách mạng, tình yêu quê hương, đất nước, ý chí, khát vọng rèn luyện, cống hiến và trưởng thành cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ; phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, năng lực điều hành, quản lý của chính quyền và đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể trong hệ thống chính trị ở cơ sở; giúp cán bộ, đảng viên và đoàn viên, thanh niên nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức lối sống và năng lực công tác, bồi dưỡng lý tưởng, niềm tin và thôi thúc hành động cách mạng góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước, tích cực tham gia sâu rộng các phong trào thi đua do thành phố và đơn vị, địa phương phát động, tạo sự chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; góp phần hiện thực hóa các mục tiêu nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Thành ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo Trung tâm Chính trị thành phố tăng cường bồi dưỡng các chuyên đề giáo dục đạo đức cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, chuyên đề lịch sử Đảng bộ tỉnh và thành phố; Các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng tại Trung tâm Chính trị thành phố được thực hiện lồng ghép các chuyên đề về giáo dục lịch sử Đảng và lịch sử truyền thống địa phương. Trong các chương trình bồi dưỡng, Trung tâm phối hợp tổ chức cho học viên tham gia nghiên cứu thực tế, tham quan một số mô hình phát triển kinh tế - xã hội tiêu biểu, các di tích lịch sử văn hóa, lịch sử cách mạng trong và ngoài thành phố như: Khu di tích lịch sử đặc biệt nhà Trần tại Đông Triều, Di tích lịch sử cách mạng khu Mỏ (nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên ở Quảng Ninh), tuyên truyền về truyền thống công nhân vùng Mỏ qua hoạt động tham quan nhà truyền thống Công ty Than Mạo Khê, thăm

Di tích lịch sử văn hóa cách mạng Chùa Bắc Mã (xã Bình Dương) và Đình chùa Hồ Lao (xã Tân Việt), nơi gắn với sự kiện thành lập Đệ tứ chiến khu Đông Triều, Khu Di tích lịch sử Bạch Đằng Giang; khu di tích lịch sử K9 Đá chông (Ba Vì - Hà Nội), Hoàng Thành Thăng Long, Khu di tích Phủ Chủ tịch, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghĩa trang Trường Sơn, Nghĩa trang Đường 9, Ngã Ba Đồng Lộc, Thành cổ Quảng Trị... Qua các chuyến đi thực tế, đó là những bài học lịch sử sống động, ý nghĩa và có tính giáo dục sâu sắc đối với học viên. Từ năm 2020 đến nay, Trung tâm Chính trị thành phố đã phối hợp tổ chức được 327 lớp với 19.650 học viên (152 lớp lồng ghép chuyên đề với 13.441 học viên). Trong đó, 36 lớp bồi dưỡng chuyên đề Chủ nghĩa yêu nước với 2845 học viên, 29 lớp bồi dưỡng chuyên đề giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục lịch sử truyền thống cách mạng địa phương với 2304 học viên; tổ chức 07 lớp bồi dưỡng chuyên đề Lịch sử Đảng "Đảng ta thật là vĩ đại"; 04 lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng cho 329 học sinh ưu tú các trường THPT. Quán triệt, khai thác triệt để nội dung trong cuốn *"Tài liệu giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên Quảng Ninh"* do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ninh biên soạn, xuất bản năm 2022 gắn với giáo dục lịch sử địa phương và văn hóa truyền thống vùng đất con người Quảng Ninh gắn với truyền thống giai cấp công nhân vùng Mỏ *"Kỷ luật và Đồng tâm"*...

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *"về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng"*, năm 2023, Ban Thường vụ Thành ủy Đông Triều xây dựng Kế hoạch tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản Bộ *"Tài liệu giáo dục truyền thống và lịch sử thành phố Đông Triều"* phục vụ giảng dạy tại 3 cấp học trên địa bàn thành phố Đông Triều: Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, mỗi cấp học được biên soạn 01 cuốn và Cuốn *"Tài liệu tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng bộ thành phố Đông Triều (1930 - 2023)"* dành cho Trung tâm Chính trị thành phố. Đến nay, việc biên soạn đã cơ bản hoàn thành, đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết để xuất bản và đưa Bộ tài liệu vào sử dụng.

Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện tốt công tác giáo dục lịch sử, truyền thống địa phương, truyền thống cách mạng, các giá trị văn hóa tốt đẹp

của dân tộc cho học sinh trong các nhà trường; duy trì các hoạt động giáo dục truyền thống tại Nhà lưu niệm Bác Hồ tại xã Hồng Thái Tây; tổ chức các hoạt động giáo dục lịch sử truyền thống thông qua các hoạt động ngoại khóa tại các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về sử dụng Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh đối với tất cả các cấp học.

Theo đó, trong các tiết học, giáo viên lồng ghép kiến thức, sáng tạo, đổi mới phương pháp, khơi dậy niềm yêu thích để học sinh hứng thú, tự giác tìm hiểu, trân trọng giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử, văn hoá của địa phương. Bên cạnh đó, thông qua việc đa dạng hóa phương pháp giảng dạy như: dạy tích hợp, liên môn, lồng ghép nội dung chương trình với các hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế..., đã tạo môi trường giúp học sinh chủ động tìm hiểu, khám phá và nâng cao hiểu biết về các giá trị văn hóa, lịch sử địa phương. Ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân với bố cục ngắn gọn, nội dung khúc triết, tích hợp được các giá trị văn hóa đặc trưng của từng địa phương, giúp học sinh dễ đọc, dễ hiểu, dễ tiếp thu. Ở từng khối lớp, nội dung giảng dạy cũng được xây dựng phù hợp: đối với cấp tiểu học, hoạt động giáo dục văn hóa, lịch sử địa phương được khuyến khích giảng dạy thông qua các tiết học Mỹ thuật, Âm nhạc, các tiết học ngoại khóa trong nhà trường. Phương pháp "học mà chơi, chơi mà học" giúp học sinh dễ dàng tiếp thu nội dung bài giảng, có thể nhớ lâu, nhớ kỹ các giá trị văn hóa, lịch sử của quê hương. Bên cạnh giáo dục trên lớp, các nhà trường linh hoạt tổ chức cho học sinh đi tham quan các di tích, đài tưởng niệm, các làng quê truyền thống, liên hoan văn nghệ, thi tuyên truyền giới thiệu sách theo chủ đề... Qua đó, học sinh có thêm cơ hội được tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức về văn hóa, lịch sử của quê hương, khơi gợi được những tình cảm tự nhiên, nuôi dưỡng tâm hồn các em. Tại nhiều điểm di tích, học sinh được các bậc lão thành cách mạng kể về những câu chuyện đấu tranh và bảo vệ quê hương của cha ông. Các nhà trường còn tổ chức hoạt động về nguồn, tham quan di tích lịch sử, thăm hỏi động viên, giúp gia đình chính sách bằng những việc làm ý nghĩa, mang tính giáo dục sâu sắc.

Ngoài ra, vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12), ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4), một số trường học mời Hội Cựu chiến binh tổ chức buổi nói chuyện truyền thống cách mạng của địa phương, của dân tộc; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thi sân khấu hóa... để các em học sinh hiểu về truyền thống, những công lao đóng góp to lớn của thế hệ cha anh đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, qua đó góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, tạo động lực để các em vươn lên trong học tập. Đoàn Thanh niên một số trường học tổ chức Lễ kết nạp đoàn viên tại các di tích lịch sử cách mạng.

Để nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền về truyền thống lịch sử cách mạng và lịch sử địa phương, Ban Tuyên giáo Thành ủy ủy phối hợp Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thành phố tiếp nhận, sử dụng, sản xuất, phát sóng, đăng tải các ấn phẩm nghe nhìn (file âm thanh, phim tài liệu, video clip...), phổ biến rộng rãi đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân thông qua nhiều hình thức thiết thực, phù hợp. Các trường học, cấp học trên địa bàn tuyên truyền, giới thiệu các bộ phim, video clip và các kênh truy cập đến học sinh; tổ chức chiếu phim, video clip trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống của nhà trường.

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh Đoàn Quảng Ninh và cấp ủy từ thành phố đến cơ sở, công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng trong các trường học cũng được Đoàn Thanh niên tập trung thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực, chủ yếu thông qua thực tiễn triển khai các chương trình, kế hoạch, phong trào hành động cách mạng. Thường xuyên tổ chức các chương trình, hoạt động nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, phối hợp với tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, các buổi tọa đàm, nói chuyện truyền thống, học tập 04 bài học lý luận chính trị cho đoàn viên, thanh niên; tổ chức các chương trình trải nghiệm thực tế, tuyên dương gương mặt trẻ, Tài năng trẻ trên các lĩnh vực ... Qua các chương trình, hoạt động, gương người tốt, việc tốt và những câu chuyện “truyền lửa”, đã giúp nhiều bạn trẻ có nhận thức sâu sắc về tình yêu quê hương đất nước, ý thức về vai trò, trách nhiệm của mình trong học tập, công tác, sinh hoạt, nỗ lực đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đất nước...

Trong các hoạt động tình nguyện, hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” nhân kỷ niệm ngày thương binh, liệt sĩ hàng năm được duy trì và triển khai đồng bộ để chăm lo cho đối tượng người có công với cách mạng, trong đó điển hình nhất là chương trình “Mái ấm nghĩa tình” xây nhà cho cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và giúp tu sửa nhà cho các đối tượng chính sách, liên hoan tuyên truyền ca khúc cách mạng đi cùng năm tháng, những bài ca bất hủ cho thế hệ thanh, thiếu nhi thông qua việc duy trì đội tuyên truyền ca khúc cách mạng của đoàn viên, thanh niên...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục truyền thống cách mạng và lịch sử địa phương cho thế hệ trẻ, học sinh trong các trường học trên địa bàn thời gian qua vẫn còn một số tồn tại hạn chế, khó khăn nhất định:

Một là, việc đổi mới giảng dạy - học tập lý luận chính trị, đạo đức, giáo dục công dân, lịch sử truyền thống địa phương trong trường học trên địa bàn thành phố chưa thực sự hiệu quả; một số nội dung giảng dạy còn nặng về lý thuyết, chưa có nhiều kiến thức thực tế; phương pháp dạy học chủ yếu là các phương pháp truyền thống; chưa có phương pháp giáo dục thích hợp, chưa lôi cuốn được thế hệ trẻ trên tinh thần tự nguyện.

Hai là, kinh phí đầu tư cho công tác giáo dục truyền thống và lịch sử địa phương còn hạn chế, nhất là đối với các hoạt động giáo dục thực tế và hoạt động ngoại khóa của các nhà trường; việc biên soạn tài liệu và cập nhật thông tin chương trình giáo dục lịch sử địa phương còn chậm.

Ba là, sự phối hợp giữa tổ chức Đoàn Thanh niên và các nhà trường với các ngành liên quan trong công tác tham mưu, tập hợp, tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ chưa thực sự hiệu quả.

Bốn là, ảnh hưởng tiêu cực của mạng internet và những kênh thông tin xấu, độc đã có tác động vào tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên làm phai nhạt lý tưởng cách mạng, thờ ơ, vô cảm, thiếu trân trọng lịch sử, quá khứ...

Trước những diễn biến từ tình hình thế giới và trong nước hiện nay, trong điều kiện công nghệ thông tin bùng nổ, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội chiếm ưu thế trong đời sống, các thế lực thù địch lợi dụng triệt để mạng xã hội

chống phá Đảng, Nhà nước với các mức độ, quy mô, hình thức khác nhau ngày càng tinh vi, nguy hiểm, kích động dư luận xã hội với những luận điệu phản động, xuyên tạc tác động đến bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân và thế hệ trẻ. Trong thời gian tới, để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cách mạng và lịch sử địa phương cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ, nhất là trong các cơ sở giáo dục, Ban Thường vụ Thành ủy Đông Triều đã xác định một số nhiệm vụ giải pháp chủ yếu:

Một là, cấp ủy từ thành phố đến cơ sở tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sâu sát hơn nữa đối với công tác giáo dục truyền thống cách mạng và lịch sử địa phương cho thế hệ trẻ, nhất là trong các trường học; tập trung chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp, nội dung giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ hiện nay.

Hai là, Đoàn Thanh niên các cấp, nhất là trong các trường học cần phát huy tốt vai trò quan trọng trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Tập hợp và nắm chắc tình hình, tư tưởng đoàn viên, thanh niên, học sinh, tuyên truyền bằng các biện pháp tích cực, tận dụng ưu thế của các phương tiện truyền thông hiện đại, kết hợp sử dụng internet, mạng xã hội, các hội thi tìm hiểu truyền thống lịch sử, cách mạng, xây dựng và củng cố ý thức, tinh thần cho thế hệ trẻ. Trang bị cho thanh thiếu niên kiến thức toàn diện, nhận diện, đấu tranh phòng chống thông tin xấu độc, các luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch.

Ba là, tăng cường phối hợp các đơn vị, các cấp, các ngành với gia đình và nhà trường để đạt hiệu quả thống nhất, nâng cao ý thức tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ. Phát huy vai trò phối hợp giữa Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Ban Chỉ huy Quân sự, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo với các địa phương, các cơ sở giáo dục trong công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng và lịch sử địa phương.

Bốn là, quan tâm bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ tuyên truyền cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị của Trung tâm Chính trị, giáo viên giảng dạy các môn lịch sử, đạo đức, giáo dục công dân của các trường học trên địa bàn ...

Năm là, quan tâm chỉ đạo, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội tham gia bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hóa, cách

mạng trên địa bàn. Tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, nhân dân trong và ngoài thành phố cùng chung tay, góp sức tham gia bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị của Khu di tích quốc gia đặc biệt nhà Trần tại Đông Triều và các di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng trên địa bàn – “kho tư liệu” quý báu cho công tác giáo dục truyền thống cách mạng và lịch sử địa phương cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay.

Sự đổi mới, sáng tạo trong công tác bồi dưỡng, giáo dục đạo đức cách mạng và giáo dục truyền thống, văn hóa, lịch sử địa phương là yêu cầu cấp thiết, là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Các giải pháp trên đây sẽ tiếp tục “truyền lửa”, vun đắp tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào dân tộc cho cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ Đông Triều, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ". Qua đó nêu cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ trong công tác, học tập, rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương, đóng góp xứng đáng vào nhiệm vụ xây dựng quê hương Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh trong giai đoạn đất nước đổi mới và hội nhập hiện nay./.

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

ThS Nguyễn Thị Thu Hiền

Khoa Xây dựng Đảng

Đại thắng mùa Xuân năm 1975, là kết quả tổng hoà của nhiều nhân tố: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo; sức mạnh đoàn kết của toàn thể dân tộc với truyền thống dựng nước và giữ nước; ý chí kiên cường, bất khuất, làm chủ vận mệnh đất nước; là tình đoàn kết, liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương và sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng trên thế giới. Trong đó, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định, cội nguồn làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975. Năm mươi năm đã trôi qua, nhưng bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

1. Bài học về đại đoàn kết trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Tư tưởng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” đã được phát triển lên một tầm cao mới và trở thành biểu tượng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là sự đoàn kết, thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân; sự đoàn kết quân - dân, đoàn kết Bắc-Nam, đoàn kết các lực lượng yêu nước và tiên bộ cả ở trong và ngoài nước.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cả dân tộc Việt Nam vừa thể hiện quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược, vừa tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, của Bác Hồ, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng chính nghĩa. Cả hậu phương miền Bắc ngày đêm đau đáu hướng về miền Nam ruột thịt, dốc sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Hàng vạn tấn lương thực, thuốc men, lớp lớp các thế hệ thanh niên miền Bắc ra chiến trường miền Nam. Quân và dân miền Nam luôn hướng về miền Bắc với niềm tin mãnh liệt vào Đảng, Bác Hồ, vào công cuộc xây dựng hậu phương miền Bắc; luôn coi miền Bắc là chỗ

dựa, là đầu não của cách mạng và kháng chiến, từ đó có niềm tin sắt son, khí thế hào hùng tạo nên sức mạnh tổng lực của cuộc kháng chiến giành lại độc lập dân tộc.

Thắng lợi mùa Xuân năm 1975 không chỉ là sức mạnh đoàn kết trong nước mà còn là sự kết hợp thời đại. Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Giúp bạn là tự giúp mình”, trong quá trình kháng chiến, Đảng và nhân dân Việt Nam không chỉ chăm lo xây đắp và giữ gìn tình đoàn kết, gắn bó keo sơn với nhân dân các dân tộc Lào và nhân dân Campuchia, mà còn xây dựng và củng cố liên minh chiến đấu vững chắc trên trận tuyến chống kẻ thù chung. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế cực kỳ phức tạp, quan hệ một số nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa cũng như phong trào cộng sản quốc tế có sự rạn nứt. Trong hoàn cảnh ấy, Đảng ta đã vun đắp và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước, đặc biệt là với Liên Xô và Trung Quốc; mở rộng tình đoàn kết quốc tế với các nước, các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Chính vì vậy, sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn cả về vật chất và tinh thần, góp phần quan trọng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhanh chóng đi đến thắng lợi cuối cùng.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là thành quả toàn diện của các nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi của sự kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại; thắng lợi đó còn được thể hiện ở vai trò lãnh đạo tài tình của Đảng ta, cả tài năng, trí tuệ lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của các tướng lĩnh và tính năng động, sáng tạo vĩ đại của quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang. Trong các nhân tố đó thì sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố đặc biệt quan trọng, quyết định mọi thắng lợi cách mạng Việt Nam.

2. Thực trạng việc phát huy bài học đại đoàn kết trong xây dựng và phát triển Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ.

Trong bối cảnh đất nước bước sang kỷ nguyên mới, phát triển nhanh, bền vững, thế, lực, uy tín của đất nước đang ngày càng nâng cao. Đảng bộ, chính quyền nhân dân tỉnh Quảng Ninh đang ra sức thực hiện mục tiêu trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại. Đại hội Đảng bộ Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn

Cử lần thứ III nhiệm kỳ 2025-2030, đã diễn ra và thành công tốt đẹp, đánh dấu mốc phát triển mới của Nhà trường. Sau Đại hội nhiều mục tiêu quan trọng được đặt ra. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nghị quyết Đại hội, tập thể Nhà Trường xác định phát huy sức mạnh đại đoàn kết chính là yếu tố quan trọng để thực hiện thành công các mục tiêu Đại hội đề ra.

Truyền thống đoàn kết trong nội bộ Nhà Trường

Trải qua 62 năm hình thành và phát triển, bề dày truyền thống đoàn kết được xây dựng, gìn giữ và phát triển qua các thế hệ. Ở mỗi giai đoạn khác nhau, tinh thần đoàn kết nội bộ trong tập thể cán bộ, viên chức, người lao động luôn là mạch suối nguồn, kết nối keo sơn tạo nên động lực mạnh mẽ đưa Nhà Trường vượt qua khó khăn, thách thức hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị do Tỉnh ủy phân công.

Xây dựng khối đoàn kết giữa Đảng uỷ, Ban Giám hiệu với tập thể khoa, phòng, trung tâm.

Những năm qua, Nhà trường đã tăng cường củng cố khối đoàn kết giữa Đảng uỷ, Ban Giám hiệu với tập thể khoa, phòng, trung tâm. Tinh thần đoàn kết này được thể hiện hiện trước tiên ở sự thống nhất, đồng lòng, quyết tâm từ tập thể Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đến các bộ phận phòng, khoa, trung tâm trong thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường là đổi mới mạnh mẽ, toàn diện nhằm nâng cao vị thế của Trường.

Mối quan hệ giữa Đảng uỷ, Ban Giám hiệu với tập thể cán bộ, nhân viên đó là mối quan hệ gần gũi, cảm thông, là sự góp ý chân thành, cởi mở, quan tâm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động, phân công công việc đúng người, đúng khả năng, sở trường, gắn trách nhiệm của lãnh đạo khoa, phòng, trung tâm với việc thực hiện kế hoạch được Đảng uỷ, Ban Giám hiệu phân công, từ đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm khắc phục tình trạng chung chung kém hiệu quả.

Là lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường, đội ngũ giảng viên, giáo viên luôn tự hào với truyền thống, giá trị văn hóa của trường Đảng, trong đó, tinh thần đoàn kết nội bộ là một trong những giá trị cốt lõi không ngừng được đề cao, khơi dậy và phát huy trong suốt những chặng đường thực thi nhiệm vụ. Tinh thần đoàn kết thể hiện trước hết ở sự quan tâm, yêu thương, sẻ chia và giúp đỡ nhau cùng vượt qua những điều kiện, hoàn cảnh khó

khăn trong công việc cũng như trong cuộc sống, là sự cởi mở, trao đổi, thảo luận, sẵn lòng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn để làm giàu tri thức, kỹ năng nghề nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy giữa các thể hệ giảng viên trong cùng một chuyên ngành, một khoa và giữa các khoa chuyên môn. Là tinh thần cảm thông, quý mến của tình đồng chí, đồng nghiệp, tình anh em, bạn bè để cùng nhau làm rõ và đạt được sự thấu hiểu, đồng thuận, đi đến thống nhất chung với các vấn đề còn vướng mắc khi thực hiện nhiệm vụ. Trong mối quan hệ giữa khoa, phòng, trung tâm, tinh thần đoàn kết thể hiện ở sự tích cực, chủ động và sẵn sàng phối hợp thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, các hoạt động phong trào đoàn thể chung của Nhà trường...

Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở

Đảng uỷ Nhà trường việc thường xuyên rà soát, bổ sung các quy chế, quy định, lắng ý kiến từ các bộ phận khoa, phòng, trung tâm theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Khuyến khích trao đổi, đóng góp ý kiến từ cán bộ, giảng viên, nhân viên qua đó, nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai công việc. Mọi mâu thuẫn đều được giải quyết trên tinh thần xây dựng, hướng tới lợi ích chung. Nhà trường luôn tôn trọng và phát huy vai trò của từng cá nhân, ghi nhận đóng góp của mỗi thành viên trong sự phát triển của tổ chức. Xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở tạo điều kiện tối đa để cán bộ, viên chức, người lao động có điều kiện để phát triển cá nhân, từ đó, nâng cao hiệu suất công việc.

Xây dựng mối đoàn kết giữa Nhà trường với các cơ quan, tổ chức, học viên.

Nhà trường duy trì tốt mối quan hệ với các cơ quan cấp trên như Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh uỷ, các sở, ban, ngành qua đó, kịp thời nắm bắt chủ trương, chỉ đạo của cấp trên trong việc xây dựng, bổ sung nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường cho phù hợp nhằm đảm bảo chương trình đào tạo, bồi dưỡng luôn sát với yêu cầu thực tiễn. Ngoài ra, Nhà trường còn chú trọng đến tạo cầu nối với các cơ sở đào tạo ngoài tỉnh thông qua các chương trình đào tạo liên kết, các cuộc hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, từ đó, mở ra nhiều cơ hội mới, bổ sung và làm phong phú thêm các hình thức đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Cùng với đó, mở rộng không gian trao đổi giữa giảng viên

và học viên, xây dựng môi trường học tập thân thiện, cởi mở, qua việc tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường nội dung thảo luận, pháp vấn, nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế tại cơ sở, các hội thi học viên học giỏi lý luận chính trị...đã tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa các thế hệ học viên với Nhà trường.

Phát huy cao độ tinh thần đoàn kết trong thực hiện xây dựng Trường chính trị chuẩn

Thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã xác định trở thành Trường chính trị chuẩn mức 1 là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng của Nhà Trường. Để thực hiện được mục tiêu trên Đảng uỷ, Ban Giám hiệu khẳng định sức mạnh đoàn kết nội bộ Nhà trường chính là nhân tố quyết định, là cơ sở để hoàn thành mục tiêu Trường chính trị chuẩn.

Trên cơ sở sự chỉ đạo của Đảng uỷ, sức mạnh đoàn kết đã được huy động để giải quyết những vấn đề trọng tâm như: đổi mới trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách; chuẩn hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ ... Sau thời gian ngắn với tinh thần đoàn kết một lòng, chung sức vượt qua mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu xây dựng Trường chính trị chuẩn mức 1 đã đạt được nhiều kết quả:

Quá trình tích cực đổi mới từ công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cho đến giảng dạy, thi, kiểm tra, đánh giá đã từng bước khắc phục tình trạng ngại học, lười học lý luận chính trị. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn có nhiều bước đột phá. Từ năm 2020 đến 2023 đã thực hiện 03 đề tài khoa học cấp tỉnh, 29 đề tài khoa học cấp trường, 03 đề án trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phê duyệt, 17 hội thảo, tọa đàm khoa học cấp trường, 09 hội thảo, tọa đàm cấp tỉnh, 13 cuốn sách chuyên khảo, vượt 200% so với chỉ tiêu nghị quyết và tiêu chí trường chuẩn mức 1.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt được kết quả nổi bật. Trong 5 năm 2020 đến 2025 đã có gần 300 lượt cán bộ, giảng viên được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Qua đó, chất lượng đội ngũ được nâng lên rõ rệt, với nhiều chỉ tiêu về chất lượng đã đạt chuẩn mức 2, có 97% giảng viên có trình

độ chuyên môn từ thạc sỹ trở lên, 03 tiến sỹ, 08 nghiên cứu sinh. Tại các Hội thi giảng viên giỏi cấp Học viện, đều có giảng viên đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi xuất sắc.

Sau 2 năm phát huy cao độ tinh thần đoàn kết một lòng, chung sức vượt qua mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu với tinh thần chủ động và quyết tâm cao đến tháng 12/2024, Nhà Trường đã được Hội đồng thẩm định Trung ương xét, trao Bằng công nhận Trường đạt chuẩn mức 1 với 14 chỉ tiêu quan trọng đã vượt chuẩn mức 1 và tiệm cận chuẩn mức 2. Đây là minh chứng cho sức mạnh của sự đoàn kết tập thể, giúp Nhà trường vượt qua mọi khó khăn, thử thách hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Đó cũng là cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục phấn đấu đạt các tiêu chí Trường chuẩn mức 2 năm 2027. Để mục tiêu đạt Trường chuẩn mức độ 2 sớm được hiện thực hoá, thiết nghĩ Nhà trường cần tiếp tục phát huy tốt hơn truyền thống đoàn kết trong tập thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, người lao động, vì đây là nguồn lực to lớn, nhân tố quyết định đến việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Giải pháp tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thực hiện nhiệm vụ.

Một là, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc giữ gìn khối đại đoàn kết thống nhất. Tập thể Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường đóng vai trò đi đầu trong xây dựng khối đoàn kết nội bộ. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc xây dựng khối đoàn kết thống nhất, trách nhiệm của từng cá nhân đối với việc xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong đơn vị khoa, phòng, trung tâm. Mỗi cá nhân phải là hạt nhân của khối đoàn kết, mỗi vị trí làm việc của từng cán bộ, giảng viên phải thật sự là mắc xích trong hệ thống thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

Hai là, xây dựng tinh thần tự phê bình và phê bình đúng đắn, chân thành, thẳng thắn, có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau để giúp nhau cùng phát triển. Tập thể Đảng uỷ, Ban Giám hiệu lắng nghe, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân viên. Nhân viên thẳng thắn tham mưu, góp ý kiến trên tinh thần xây dựng tập thể từ đó, xây dựng môi trường làm việc dân chủ, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, có sự bao dung, tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội phát triển.

Ba là, tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh để làm hạt nhân chính trị, đồng thời chú trọng phát huy vai trò của Công đoàn và các tổ chức đoàn thể trong xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Nhà trường. Quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất, đời sống tinh thần và giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong Nhà trường. Nghiên cứu cơ chế, chính sách, thu hẹp khoảng cách thu nhập ngoài lương trong từng bộ phận, giữa các bộ phận trong cùng một Nhà trường, xét đến cùng đây là nguyên nhân dẫn đến mất đoàn kết trong nội bộ.

Bốn là, bám sát sự chỉ đạo của Học viện quốc gia Hồ Chí Minh, Thường trực Tỉnh uỷ, thường xuyên phối hợp với sở, ban, ngành trong thực hiện nhiệm vụ, đây là nguồn sức mạnh ngoại sinh giúp phát huy tối đa sức mạnh đoàn kết nội sinh trở thành nguồn lực, sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi khó khăn, thách thức hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị.

Tóm lại, thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà đỉnh cao là Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam những bài học lịch sử giá trị, trong đó có bài học về huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Bài học này đến nay vẫn mang giá trị, ý nghĩa thời đại. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ những năm qua đã phát huy bài học đại đoàn kết, vận dụng trong quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ phận Khoa, phòng, trung tâm và sự đoàn kết, đồng lòng của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, Nhà trường nhất định sẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, xứng đáng với truyền thống Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, nơi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của tỉnh.

VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN TRONG VIỆC PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH

ThS Đàm Thị Thu

Khoa Lý luận cơ sở

Dân tộc Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vườn mình mạnh mẽ để khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Trong hành trình này, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố then chốt và thanh niên, thế hệ trẻ chính là lực lượng tiên phong, nòng cốt trong việc phát huy sức mạnh ấy. Với nhiệt huyết, sáng tạo và khát vọng cống hiến, tuổi trẻ Việt Nam không chỉ là chủ nhân tương lai mà còn là động lực hiện tại, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết vững mạnh, đưa đất nước vượt qua mọi thách thức, tiến tới phồn vinh, thịnh vượng. Trong tiến trình lịch sử dân tộc, thanh niên Việt Nam luôn giữ vai trò tiên phong, là lực lượng nòng cốt trong các phong trào yêu nước và xây dựng đất nước. Ngày nay, trước yêu cầu của kỷ nguyên hội nhập và phát triển, thế hệ trẻ càng phải phát huy tinh thần đại đoàn kết, trở thành nhân tố quyết định đưa Việt Nam "vườn mình" mạnh mẽ trên trường quốc tế.

1. Thanh niên là lực lượng nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc là truyền thống quý báu của Việt Nam, được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước hội nhập sâu rộng, sự đồng lòng của mọi tầng lớp nhân dân càng trở nên quan trọng. Thanh niên, với vai trò là lực lượng đông đảo, năng động, có khả năng kết nối các thế hệ, góp phần củng cố tinh thần đoàn kết. Thanh niên với tinh thần năng động, sáng tạo có khả năng kết nối giá trị truyền thống với xu thế hiện đại. Việc bảo tồn văn hóa dân tộc, phát huy tinh thần "Uống nước nhớ nguồn" chính là nền tảng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Các chiến dịch tình nguyện như Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Tiếp sức mùa thi... tạo cơ hội để thanh niên từ nhiều vùng miền, dân tộc cùng chung tay giúp đỡ người nghèo, vùng sâu vùng xa, từ đó thắt chặt tình đoàn kết. Các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao giữa thanh niên các dân tộc

giúp xóa bỏ rào cản, tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Các phong trào như "Thanh niên khởi nghiệp", "Tuổi trẻ sáng tạo" không chỉ thúc đẩy kinh tế mà còn tạo sự đồng thuận xã hội, lan tỏa tinh thần tương thân tương ái.

Thế hệ trẻ ngày nay được thừa hưởng thành quả từ sự hy sinh của cha ông. Bằng việc học tập, gìn giữ và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc, thanh niên trở thành cầu nối giữa truyền thống và hiện đại. Trong thời đại số, giới trẻ sử dụng mạng xã hội, nền tảng số để lan tỏa thông điệp yêu nước, kêu gọi sự chung tay vì cộng đồng, như các chiến dịch thiện nguyện, bảo vệ chủ quyền biển đảo, hay hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai. Nhiều phong trào như "Tôi yêu Tổ quốc tôi", "Thanh niên với văn hóa truyền thống" khuyến khích giới trẻ tìm hiểu, gìn giữ bản sắc các dân tộc Việt Nam. Các đội tình nguyện hỗ trợ phục dựng lễ hội, dạy tiếng dân tộc thiểu số, quảng bá du lịch cộng đồng... góp phần bảo tồn di sản chung. Các diễn đàn, cuộc thi tìm hiểu về lịch sử, chủ quyền quốc gia như "Tự hào Việt Nam" giúp thanh niên nhận thức sâu sắc về giá trị đại đoàn kết dân tộc.

2. Thanh niên tiên phong trong đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển đất nước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo trở thành yếu tố then chốt quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Thanh niên Việt Nam - thế hệ trẻ đầy nhiệt huyết, năng động và sáng tạo cần phát huy tinh thần tiên phong, trở thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc kiến tạo tương lai đất nước. Thanh niên luôn sở hữu tư duy mới, khả năng tiếp cận công nghệ nhanh nhạy và dám dấn thân vào những lĩnh vực đầy thách thức. Từ việc tiếp cận công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), đến những sáng kiến bảo vệ môi trường, thanh niên Việt Nam đã và đang chứng minh vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đoàn kết không chỉ là sự đồng lòng mà còn là cùng nhau hành động vì mục tiêu chung. Thanh niên Việt Nam đang khẳng định vai trò của mình thông qua những đóng góp thiết thực: khởi nghiệp, sáng tạo, nhiều bạn trẻ đã thành công với các dự án khởi nghiệp, ứng dụng công nghệ vào nông nghiệp, giáo dục, y tế... góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, thúc đẩy kinh tế. Hội nhập quốc tế, thế hệ trẻ Việt Nam ngày càng tự tin vươn ra thế giới, học hỏi tri thức tiên tiến nhưng vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc, qua đó quảng bá hình ảnh Việt

Nam đoàn kết, năng động. Thanh niên là lực lượng chủ lực trong phong trào "Mỗi thanh niên một ý tưởng khởi nghiệp, mỗi cơ sở Đoàn một dự án số". Thanh niên Việt Nam đang khẳng định vị thế là lực lượng "dám nghĩ, dám làm", tiên phong trong cách mạng 4.0. Với sự hỗ trợ từ Nhà nước và cộng đồng, thế hệ trẻ sẽ tiếp tục là động lực quan trọng để đưa đất nước "sánh vai cùng cường quốc năm châu" như lời Bác Hồ kỳ vọng.

3. Thanh niên góp phần giải quyết các thách thức xã hội, củng cố đại đoàn kết dân tộc

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều biến động phức tạp, thanh niên Việt Nam đang khẳng định vai trò quan trọng trong việc giải quyết các thách thức xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Với sức trẻ, tri thức và lòng nhiệt huyết, thế hệ trẻ ngày nay không chỉ là chủ nhân tương lai mà còn là lực lượng xung kích trong xây dựng một xã hội phát triển bền vững, đoàn kết. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam đối mặt với nhiều thử thách: chênh lệch giàu nghèo, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... Thanh niên đã chứng tỏ tinh thần trách nhiệm qua các hoạt động: tình nguyện vì cộng đồng, các phong trào như "Mùa hè xanh", "Tiếp sức mùa thi" hay hỗ trợ người dân trong đại dịch COVID-19 thể hiện tinh thần "tương thân tương ái". Bảo vệ môi trường, nhiều bạn trẻ khởi xướng phong trào chống rác thải nhựa, trồng cây xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, chung tay vì một Việt Nam xanh và bền vững. Thanh niên Việt Nam đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc giải quyết các thách thức xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Với tinh thần xung kích, sáng tạo và nhiệt huyết, thế hệ trẻ chính là nhân tố then chốt trong xây dựng một xã hội phát triển bền vững, nhân văn. Mỗi hành động nhỏ của thanh niên hôm nay sẽ góp phần tạo nên những thay đổi lớn cho cộng đồng, vì một Việt Nam đoàn kết, phồn vinh.

4. Giải pháp tiếp tục phát huy vai trò của thanh niên trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

Để phát huy tối đa tiềm năng của thế hệ trẻ, cần có sự chung tay của toàn xã hội, tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

Giáo dục lòng yêu nước và ý thức dân tộc: Đưa các giá trị lịch sử, văn hóa vào chương trình đào tạo, khơi dậy niềm tự hào dân tộc trong giới trẻ. Đưa nội dung lịch sử, văn hóa các dân tộc vào chương trình học, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về 54 dân tộc anh em. Tuyên truyền qua mạng xã hội: xây dựng chiến dịch truyền thông như "Tôi là người Việt Nam", "Kết nối triệu trái tim" trên TikTok, Facebook để lan tỏa tinh thần đoàn kết, chống lại thông tin chia rẽ của các thế lực thù địch. Tổ chức các trại hè "Thanh niên dân tộc Việt Nam", "Hành trình về nguồn" để thanh niên Kinh và các dân tộc thiểu số cùng trải nghiệm, học hỏi.

Tạo môi trường phát triển: Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học; doanh nghiệp tạo cơ hội việc làm, đãi ngộ xứng đáng. Phát triển các câu lạc bộ đa văn hóa, thành lập các nhóm thanh niên đa dân tộc tại trường học, địa phương để giao lưu, học hỏi. Khuyến khích tình nguyện vùng sâu, vùng xa, mở rộng các chiến dịch như "Áo ấm vùng cao", "Thư viện cho em" để thanh niên trực tiếp hỗ trợ cộng đồng. Hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số đào tạo kỹ năng, tạo việc làm để giảm bất bình đẳng.

Xây dựng cơ chế khuyến khích: cấp học bổng, giải thưởng cho thanh niên tiêu biểu trong các hoạt động đoàn kết dân tộc. Ưu tiên vay vốn khởi nghiệp cho thanh niên dân tộc thiểu số. Nhân rộng điển hình tốt: tôn vinh các gương thanh niên dân tộc thiểu số thành công (nhà khoa học, nghệ nhân, doanh nhân) để truyền cảm hứng.

Tạo diễn đàn đối thoại cho Thanh niên: tổ chức các tọa đàm như "Thanh niên với chủ quyền biên giới, biển đảo", "Tiếng nói trẻ từ cộng đồng dân tộc". Khuyến khích thanh niên tham gia xây dựng chính sách: lồng ghép ý kiến thanh niên vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc.

Khuyến khích sự tham gia của thanh niên vào các hoạt động xã hội: Tạo điều kiện để thanh niên đóng góp ý kiến, tham gia hoạch định chính sách phát triển đất nước. Nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng, chủ động tìm hiểu và tham gia các hoạt động xã hội, phát huy tinh thần sáng tạo trong giải quyết vấn đề xã hội.

Thanh niên Việt Nam không chỉ là tương lai mà còn là hiện tại của đất nước. Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết sẽ chỉ thực sự bền vững khi thế hệ trẻ phát huy được vai trò tiên phong của mình. Bằng trí tuệ, nhiệt

huyết và trách nhiệm, tuổi trẻ Việt Nam cần tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, cùng cả nước vượt qua mọi khó khăn, viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc. Như Bác Hồ từng nói: *"Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ"* – tuổi trẻ hôm nay chính là mùa xuân của dân tộc, là nhân tố quyết định sự hưng thịnh của Việt Nam trong tương lai./.

PHÁT HUY CỘI NGUỒN SỨC MẠNH LÀM NÊN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC THỜI KỲ ĐỔI MỚI TẠI QUẢNG NINH

TS. Đỗ Minh Tuấn

Phó Hiệu trưởng

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là minh chứng sinh động cho sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, Quảng Ninh đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - sức mạnh làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 để vươn mình trở thành một trong những tỉnh công nghiệp, dịch vụ năng động, sáng tạo, đi đầu cả nước trên nhiều lĩnh vực, trung tâm đổi mới của vùng đồng bằng Bắc Bộ, cực tăng trưởng toàn diện của phía bắc. Những thành tựu đáng trân trọng và tự hào này có dấu ấn không nhỏ của việc đổi mới tư duy, xác định tầm nhìn, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vun đắp, nuôi dưỡng khát vọng vươn lên. Chính khối đại đoàn kết đó đã tạo ra khí thế, động lực, sức mạnh mới để tỉnh Quảng Ninh vững bước đi lên trong hành trình phát triển.

1. Một số kết quả trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tại Quảng Ninh thời kỳ đổi mới

Đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây không chỉ là phương châm hành động, là sức mạnh làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mà còn là nền tảng giúp Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh vượt qua mọi khó khăn, thử thách giành nhiều thành tựu quan trọng trong thời kỳ đổi mới và công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

1.1. Thời kỳ 1986 - 1996: Đây là thời kỳ xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới công tác quần chúng, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân để thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện về cấu trúc, cơ chế vận hành nền kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực

lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Đại hội của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và đại hội của các tổ chức, đoàn thể đã được tiến hành⁵² với tinh thần “Đổi mới - dân chủ - đoàn kết”. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các cấp bước đầu đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đầu đổi mới; phong trào vận động quần chúng đạt được những thành tựu nổi bật. Các cấp ủy Đảng, chính quyền có những đổi mới về phong cách lãnh đạo, mở rộng dân chủ, sâu sát cơ sở, tìm hiểu, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của Nhân dân, tạo điều kiện về vật chất, tài chính để các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả. Nhiều phong trào quần chúng thu hút được nhân dân tham gia và đạt hiệu quả đều hướng tới mục tiêu “xóa đói giảm nghèo”, “Dân giàu nước mạnh - xã hội văn minh”; góp phần ổn định chính trị, bảo vệ trật tự, an ninh xã hội, ổn định tư tưởng nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần quan trọng vào những thành tựu chung của tỉnh.

1.2. Thời kỳ 1996 - 2006: Đây là thời kỳ tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân để bước đầu thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong giai đoạn này, kinh tế của tỉnh tăng trưởng khá nhanh; tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa bắt đầu được hình thành; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh; đời sống nhân dân cải thiện rõ rệt. Dân chủ trong Đảng tiếp tục được phát huy, phương thức lãnh đạo của cấp ủy đổi mới sát thực tiễn cơ sở, thực hiện bằng quy chế và các chương trình, kế hoạch cụ thể. Mối quan hệ giữa cấp ủy đảng với chính quyền và MTTQ, các đoàn thể được duy trì chặt chẽ, thường xuyên. Các phong trào thi đua của các tổ chức chính trị xã hội được đánh giá cao góp phần tạo nên xã hội đoàn kết, tích cực lao động sản xuất, thích nghi với cơ chế chuyển đổi trong phát triển kinh tế thị trường và công tác hậu phương quân đội góp phần bảo vệ Tổ quốc⁵³.

⁵² Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ninh lần thứ V với chủ đề “*Đại hội củng cố Mặt trận các cấp và đổi mới phương hướng hoạt động*” gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ VII, VIII, IX; Nghị quyết Đại hội MTTQ Việt Nam lần thứ II, III.

⁵³ Phong trào thi đua yêu nước của các tổ chức Hội, Đoàn, 2 giới: “Giới việc nước, đảm việc nhà” “Phụ nữ Quảng Ninh tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Giới việc nước, đảm việc nhà” “Tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”, “Giúp nhau phát triển kinh tế gia đình”, “Phòng chống ma túy từ trong gia đình”, “Vì môi

1.3. Thời kỳ 2006 - 2016: Đây là thời kỳ phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để góp phần xây dựng bộ máy chính quyền của dân, do dân, vì dân. Với tinh thần đổi mới, tỉnh Quảng Ninh xác định đây là chủ trương mang tính chiến lược, lâu dài, trực tiếp, cấp bách đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, đề ra mục tiêu phân đầu xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, phát triển năng động trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015. Đó là những luận cứ quan trọng để cấp ủy các cấp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn này việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, tuyên truyền, giáo dục đã được các cấp ủy đảng quan tâm coi trọng; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ dân vận, tuyên giáo, MTTQ, các đoàn thể. Công tác vận động quần chúng xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đi vào chiều sâu và hướng lên tầm cao mới, nhiều đề án chiến lược về công tác tuyên giáo, dân vận, tổ chức, kiểm tra của Đảng... nhằm phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể được xây dựng, triển khai, bước đầu có hiệu quả. Các cấp ủy và các tổ chức đảng tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng⁵⁴, nghiên cứu đổi mới tổ chức, gắn kết vai trò của MTTQ, các đoàn thể, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, tạo nguồn lực và động lực cho sự phát triển, tiêu biểu, thí điểm một số mô hình nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hệ thống tổ chức của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố, kiện toàn và từng bước đổi mới phương thức hoạt động; vai trò, vị trí được khẳng định và nâng cao.

1.4. Thời kỳ 2016 - nay: Đây là thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, công

trường xanh - sạch - đẹp". Chương trình "Thanh niên tình nguyện trong phong trào thi đua yêu nước, tình nguyện giúp dân".

⁵⁴ Trong 5 năm qua Tỉnh ủy đã thực hiện hiệu quả Đề án "Chiến lược tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận đến năm 2020, tầm nhìn 2030"; ban hành 02 nghị quyết, 07 chỉ thị, 02 quy chế, 03 cuộc kiểm tra, 32 đề án về công tác dân vận và phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; sơ kết, tổng kết 18 nghị quyết, chỉ thị của Trung ương.

bằng, dân chủ, văn minh, đẩy mạnh thực hiện sự nghiệp CNH-HĐH đất nước.

Quảng Ninh là tỉnh tiên phong trong thực hiện mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp để đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Điều này được thể hiện rõ nhất trong triển khai thực hiện mô hình bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố theo phương châm “Dân tin - Đảng cử” thông qua thực hiện quy trình nhân dân bầu trưởng thôn, bản, khu phố trước (trưởng thôn là đảng viên), sau đó mới giới thiệu, thực hiện quy trình bầu bí thư chi bộ. Đến nay, tỉnh duy trì thực hiện 100% bí thư chi bộ là trưởng thôn, bản khu phố 4 nhiệm kỳ (2017-2020; 2020-2022; 2022-2025; 2025-2027). Điều đặc biệt là thống nhất tổ chức bầu trưởng thôn, bản, khu phố toàn tỉnh vào cùng 01 ngày, sau đó, tổ chức đại hội chi bộ trong 01 ngày - ngày hội của toàn dân, với tỷ lệ cử tri, nhân dân đi bầu đạt trên 98%. Đặc biệt, toàn tỉnh duy trì hiệu quả việc tổ chức các hội nghị đối thoại trực tiếp với dân của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, tổ chức giao ban với đội ngũ bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố và trưởng ban công tác mặt trận các thôn, bản, khu phố theo định kỳ (cấp huyện, quý/lần; cấp xã, tháng/lần) về công tác dân vận và tình hình nhân dân nhằm tăng cường thông tin “hai chiều” giữa cấp ủy, chính quyền với đội ngũ cán bộ thôn, bản, khu phố... Tỉnh quan tâm chỉ đạo xây dựng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc song hành cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của Nhân dân. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận chính quyền, chỉ đạo thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của nhân dân, quyết liệt thực hiện mục tiêu “3 tăng”, “3 giảm”, “3 không” trong chỉ đạo tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo⁵⁵. Thực hiện đổi mới việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tham gia đóng góp ý kiến vào việc hoạch định các chủ trương, chính sách của tỉnh, vào công việc quản lý của Nhà nước trên địa bàn, góp phần phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân tham gia

⁵⁵ **3 tăng:** Tăng tính tự giác, sự gương mẫu, nhận thức, trách nhiệm đối với công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường hiệu lực, hiệu quả; tăng cường niềm tin của người dân, doanh nghiệp.

3 giảm: giảm đơn thư khiếu nại, tố cáo; giảm số vụ việc; giảm số đầu mối cơ quan, đơn vị không tự kiểm tra, tự phát hiện, tự xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

3 không: Không để phát sinh “điểm nóng” về khiếu nại, tố cáo, vụ việc tham nhũng, tiêu cực; không được để xảy ra mất đoàn kết nội bộ; không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, thờ ơ, vô cảm đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng nông thôn mới đưa Quảng Ninh trở thành địa phương về đích sớm nhất cả nước về giảm nghèo.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc, già làng tiêu biểu, người có uy tín, chức sắc, chức việc, đồng bào các tôn giáo trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động hưởng ứng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, làm giàu chính đáng, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư với nhiều đổi mới thiết thực, đặc sắc góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

2. Một số bài học kinh nghiệm trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại tỉnh Quảng Ninh

Nhìn lại Đại thắng mùa Xuân năm 1975, chúng ta càng thấy rõ bài học quan trọng về đại đoàn kết - một sức mạnh mang tính quyết định, không chỉ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc mà còn trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hôm nay. Từ thực tiễn gần 40 năm đổi mới và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại tỉnh Quảng Ninh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, trong toàn bộ hoạt động để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cấp ủy Đảng các cấp phải luôn quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động và xác định trong chủ trương, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị phải luôn vì hạnh phúc của nhân dân.

Hai là, vận động nhân dân, tập hợp đoàn kết các lực lượng luôn dựa trên cơ sở thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp thực tiễn cơ sở, từng thời kỳ lịch sử; theo đó công tác vận động nhân dân phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng, chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; bám sát thực tiễn, luôn dựa vào lực lượng và sức mạnh của nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, thực sự vì nhân dân và do nhân dân.

Ba là, việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và công tác vận động nhân dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, MTTQ, đoàn thể làm nòng cốt, tham mưu về công tác vận động, tập hợp nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Bốn là, thường xuyên củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn; tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; trong đó Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng không ngừng phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng, hiệu quả tập hợp nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu, hình thức; thực sự là người đại diện cho quyền lợi, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Năm là, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, bố trí, sắp xếp, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách của các ban đảng, MTTQ, đoàn thể các cấp đủ năng lực tham mưu cho Đảng về công tác vận động nhân dân; đào tạo, bồi dưỡng để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trở thành một cán bộ dân vận của Đảng.

3. Một số giải pháp củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030

Trong quá trình phát triển hiện nay và những năm tiếp theo, Quảng Ninh phải đối mặt với nhiều mâu thuẫn, thách thức, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, tâm lý của nhân dân, tác động đến hoạt động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của tỉnh. Phát huy cội nguồn sức mạnh làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, trong những năm tới cấp ủy và hệ thống chính trị các cấp của tỉnh Quảng Ninh cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, Tiếp tục củng cố, tăng cường đoàn kết trong toàn đảng bộ, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, trên cơ sở nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích của các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, cá nhân, nhóm xã hội; thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát huy chủ nghĩa yêu nước; củng cố và vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc (*về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, đối ngoại, quốc phòng...*).

Hai là, Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng về xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc; tập trung triển khai Chương trình số 38-CTr/TU ngày 10/4/2024 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “*Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII), Kết luận số 21-KL/TW (khóa XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng chính quyền liêm chính của dân, do dân, vì dân; phát huy dân chủ, kỷ cương và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những bức xúc chính đáng của người dân; làm cho Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ mật thiết của Nhân dân với Đảng và Nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, Chính quyền các cấp tiếp tục nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng về vận động nhân dân thành cơ chế, chính sách phù hợp tình hình thực tiễn; đẩy mạnh thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, cải cách thủ tục hành chính; đổi mới nâng cao công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; tăng cường giám sát thực hiện kết luận sau đối thoại; tăng cường tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm với nhân dân; tăng cường đối thoại, giải quyết trực tiếp với nhân dân.

Bốn là, Ủy ban MTTQ, đoàn thể các cấp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để tập hợp nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân đáp ứng yêu cầu từng nhiệm vụ cụ thể trong tình hình mới; xây dựng, củng cố, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, lấy đại đoàn kết toàn dân tộc làm cơ sở để thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

Năm là, Các cấp, các ngành rà soát, bổ sung nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội; động viên tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân, thành phần xã hội

tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thi đua sản xuất kinh doanh, vươn lên làm giàu chính đáng; triển khai cụ thể, kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề xã hội, dân tộc, tôn giáo, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thu hẹp khoảng cách về đời sống, thu nhập, thụ hưởng giữa các vùng, miền trong tỉnh.

Sáu là, Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân để xác định nội dung, cách thức phát động thi đua sát thực tế của địa phương, đơn vị; trong đó phong trào thi đua “Dân vận khéo”, phong trào “Học và làm theo Bác”... gắn với xây dựng hệ giá trị tỉnh với 06 đặc trưng: *Thiên nhiên tươi đẹp, Văn hoá đặc sắc, Xã hội văn minh, Hành chính minh bạch, Kinh tế phát triển, Nhân dân hạnh phúc*; xây dựng con người Quảng Ninh với 08 đặc trưng: *Bản lĩnh, Tự cường, Kỷ cương, Đoàn kết, Nghĩa tình, Hào sảng, Sáng tạo, Văn minh*.

Trong bối cảnh hiện nay, bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc - sức mạnh làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà vẫn còn vẹn nguyên giá trị, là cội nguồn sức mạnh, là kim chỉ nam để xây dựng Quảng Ninh phát triển bền vững, ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 – THẮNG LỢI CỦA KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TS Phạm Thị Lệ Ngọc

Khoa Lý luận cơ sở

Đại thắng Mùa xuân 1975, với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, là thành quả vĩ đại của nhân dân ta, thể hiện ý chí, khát vọng độc lập, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta trong thời đại Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và Bác Hồ kính yêu đã huy động được cao nhất sức mạnh của toàn dân tộc, quân và dân cả nước đã anh dũng, kiên cường, chiến đấu, hy sinh, lập nên những chiến công oanh liệt, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tạo ra một kỳ tích lịch sử vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Đại thắng mùa Xuân 1975 mở ra một thời kỳ mới, mãi là niềm tự hào, thôi thúc mỗi con người Việt Nam phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

1. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 - biểu tượng của tinh thần chiến đấu kiên cường, bền bỉ toàn dân tộc Việt Nam suốt 21 năm.

Ngay khi Hiệp định Geneva được ký kết, với mưu đồ biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới, đế quốc Mỹ đã dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, ngang nhiên phá hoại Hiệp định về việc tổng tuyển cử thống nhất đất nước của nhân dân ta, tiến hành chiến lược “Chiến tranh đơn phương” nhằm thắng tay đàn áp phong trào cách mạng, gây cho ta rất nhiều khó khăn, tổn thất. Trước tình hình đó, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, cân nhắc, phán đoán rất thận trọng các khả năng phát triển của tình hình trong nước và thế giới. Tại Hội nghị Trung ương 6, khóa II (tháng 7-1954), Đảng nhận định: Do tình hình mới, ta thay đổi phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh cốt để thực hiện một cách thuận lợi mục đích trước mắt. Đây là một sự thay đổi quan trọng về phương châm và sách lược cách

mạng, nhưng còn mục đích của cách mạng vẫn là một. Do đó, Đảng xác định đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đòi kẻ thù thi hành Hiệp định Geneva.

Đến đầu năm 1959, tình thế cách mạng đã có những thay đổi lớn, có lợi cho ta, đặc biệt là phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam đang chuyển biến tích cực, vì vậy, tại Hội nghị Trung ương 15, khóa II (tháng 1-1959), Đảng ta đã đề ra phương pháp: Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 chính là cơ sở để Phong trào Đồng khởi nổ ra mạnh mẽ và giành thắng lợi, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công và đánh bại chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của Mỹ.

Khi đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược chiến tranh kiểu mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc tăng cường giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang bằng 3 mũi giáp công chính trị, quân sự và binh vận trên cả 3 vùng chiến lược là rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Trước sự nhảy bén trong việc chỉ đạo chiến lược của Đảng ta, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” mà kẻ thù đang thí nghiệm ở miền Nam Việt Nam đã thất bại và cũng thất bại ở bất kỳ nơi nào khác.

Đến năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Trước tình hình đó, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (tháng 12-1965), Đảng ta cho rằng: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn... do vậy, cách mạng miền Nam phải giữ vững và phát triển thế chiến lược tiến công. Đảng ta đã sớm nhận diện, đánh giá đúng về kẻ thù, đó là dù Mỹ là đội quân tinh nhuệ và thiện chiến nhưng vào miền Nam không phải trong thế mạnh mà trong thế yếu, bị động. Còn chúng ta, lúc này không chỉ mạnh về chính trị mà còn cả về quân sự. Đây là cơ sở để Đảng ta hạ quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Như vậy, dù đã đưa hơn nửa triệu lính Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam nhưng cuối cùng, đế quốc Mỹ vẫn không xoay chuyển được tình thế có lợi trên chiến trường mà còn bị thất bại thảm hại trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa-ri (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt

Nam, rút hết quân viễn chinh về nước. Đây là thắng lợi cơ bản, mở ra bước ngoặt mới cho sự nghiệp kháng chiến.

Với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, tuy rút quân viễn chinh về nước, song đế quốc Mỹ lại lập ra bộ chỉ huy quân sự trá hình, tiếp tục viện trợ cho chính quyền, quân đội Sài Gòn ra sức phá hoại Hiệp định hòa bình vừa mới ký kết, hòng kéo dài chiến tranh xâm lược.

Về phía cách mạng, chúng ta thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pa-ri, nhưng trước hành động phá hoại trắng trợn, có hệ thống của địch, buộc nhân dân ta phải tiếp tục đấu tranh để giữ vững thành quả cách mạng, từ đó tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Hội nghị Trung ương Đảng (khóa III) lần thứ 21 (7/1973) đã khẳng định: bất kể trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng Việt Nam vẫn là con đường bạo lực, do đó phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công để giành toàn thắng.

Đến cuối năm 1974, đầu năm 1975, cục diện chiến tranh có sự chuyển biến mau lẹ theo hướng ngày càng có lợi cho cách mạng. Đáp ứng yêu cầu cấp cách mạng đặt ra, Đảng họp Hội nghị Bộ Chính trị (30/9 - 7/10/1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (18/12/1974 - 8/1/1975), chính thức hạ quyết tâm: Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng, toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta; tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam.

2. Khát vọng độc lập dân tộc - Quyết tâm giành toàn thắng thống nhất đất nước

Thực hiện quyết tâm mà Bộ Chính trị đề ra, cả dân tộc “ra quân” trong mùa Xuân 1975 lịch sử. Chưa bao giờ, khát vọng hòa bình, thống nhất non sông của quân dân ta diễn ra sôi cao trào như thời điểm này. Chỉ ba tháng đầu năm 1975, hậu phương miền Bắc đã dốc sức đưa vào chiến trường miền Nam gần 12 vạn cán

bộ, chiến sĩ; chi viện 230 nghìn tấn vật chất các loại, bảo đảm 81% vũ khí, 60% xăng dầu, 65% thuốc men, 85% xe vận tải...⁵⁶

Sự chi viện từ miền Bắc cho miền Nam thời kỳ này không chỉ tạo nên sức mạnh áp đảo về thể và lực so với quân địch, phục vụ tốt yêu cầu Tổng tiến công và nổi dậy, mà còn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng vùng giải phóng trên tất cả các mặt: kinh tế, quốc phòng, văn hóa, giáo dục, y tế... chuẩn bị cho việc tiếp quản vùng giải phóng khi chiến tranh kết thúc.

Được sự chi viện to lớn của miền Bắc, trên khắp chiến trường miền Nam, quân dân ta ra sức chuẩn bị các mặt cho trận quyết chiến quyết định cuối cùng. Chưa bao giờ, các phong trào đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận, ngoại giao diễn ra sôi nổi như thời gian này, đẩy chính quyền, quân đội Sài Gòn lún sâu hơn vào tình thế khó khăn, hoàn toàn bị cô lập. Sức mạnh chiến đấu từ hơn 20 năm được dồn lại cho thời khắc lịch sử này.

Với quyết tâm “giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thỏa lòng mong ước của Người”⁵⁷; với nguồn sức mạnh nội lực của ý chí thống nhất đất nước và khát vọng hòa bình trong muôn triệu người Việt Nam nung nấu soi đường, dẫn lối; vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch, Đảng đã đưa ra chủ trương, đường lối phù hợp với từng thời điểm lịch sử, để lãnh đạo quân dân cả nước giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mở đầu bằng chiến dịch Tây Nguyên, đến chiến dịch Huế - Đà Nẵng, và cuối cùng là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra trong 55 ngày đêm, với tốc độ thần kỳ “một ngày bằng 20 năm”. Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đã tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, non sông thu về một mối, một đất nước Việt Nam hòa bình thống nhất độc lập đã liền một dải từ Bắc vào Nam. Đưa cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đã hiện thực hóa khát vọng hòa bình thống nhất của quốc gia dân tộc Việt Nam.

⁵⁶ 30 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, NXB Lý luận chính trị, H, 2005

⁵⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr 511

3. Giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay

Sau Đại thắng mùa Xuân 1975 thống nhất đất nước, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện khó khăn của một nước nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề lại bỏ qua giai đoạn phát triển của tư bản chủ nghĩa. Với sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch trong và ngoài nước; sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa luôn được đặt lên hàng đầu, thâm nhuần trong tư tưởng và hành động của toàn Đảng, toàn quân, và toàn dân ta trở thành bài học đầu tiên được Đảng ta khẳng định tại đại hội lần thứ VII (1991): “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc”⁵⁸.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai giai đoạn tiếp nối trong tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Độc lập dân tộc là tiền đề để đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để độc lập dân tộc được đảm bảo vững chắc. Độc lập dân tộc đảm bảo quyền tự quyết dân tộc, chủ nghĩa xã hội là môi trường để các giá trị về quyền tự quyết, tự chủ dân tộc, về tự do, dân chủ, bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội được thực thi triệt để trên thực tế, trong đời sống xã hội. Đảng ta khẳng định: “Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau”⁵⁹. Vì vậy, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội tạo ra điều kiện, tiền đề, cơ sở, nguồn sức mạnh, động lực cơ bản để đất nước ta vượt qua mọi thách thức, khó khăn đạt được những thành tựu to lớn trên con đường xây dựng và phát triển đất nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội Đảng đã đưa ra trong đường lối lãnh đạo cách mạng, không chỉ khơi dậy truyền thống yêu nước trong

⁵⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2007): Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 51, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.129-130

⁵⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.

cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mà còn khơi dậy mạnh mẽ tinh thần dân tộc, phát huy cao nhất mọi nguồn sức mạnh, mọi tiềm năng, mọi nguồn lực nội sinh cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhờ đó, đất nước ta đạt được những thành tựu rực rỡ trên mọi phương diện, tạo thế và lực để nhân dân ta tiếp tục đạt được những thành to lớn hơn nữa trên con đường phát triển đất nước.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đã tạo ra cơ sở vững chắc trong phát huy khối đại đoàn kết dân tộc, đồng lòng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh chống lại những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước; đưa cách mạng nước ta vượt qua những giai đoạn khó khăn của lịch sử dân tộc, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, giữ vững sự ổn định chính trị xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế... Nhìn lại chặng đường gần 40 năm đổi mới đất nước, với những thành tựu đã đạt được trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta... Tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại”⁶⁰.

Như vậy, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường cách mạng tất yếu của cách mạng Việt Nam, là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử dân tộc, phù hợp với nguyện vọng nhân dân và xu thế phát triển khách quan của thời đại. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quan điểm xuyên suốt trong đường lối lãnh đạo của Đảng ta, đường lối này đã tạo ra động lực to lớn khơi dậy mọi nguồn sức mạnh dân tộc, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước ta vững mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

⁶⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.25-26.

Trong bối cảnh thế giới mới, với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, bài học “phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới”, tập trung giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam như mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế càng phải được thấm nhuần, chủ động và kiên trì thực hiện. Trước những thuận lợi, thời cơ mới và những thách thức, khó khăn đan xen, bên cạnh những thành tựu lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng chúng ta đang phải đối mặt với rất nhiều những khó khăn, thử thách như: những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, những quản lý yếu kém trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; tình trạng dao động, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận không nhỏ của lãnh đạo, cán bộ, đảng viên với các biểu hiện thấy rõ tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sa vào chủ nghĩa cá nhân, tha hóa quyền lực trong Đảng và hệ thống chính trị chưa được ngăn chặn, đẩy lùi một cách đúng đắn và triệt để.

Bên cạnh đó, trên bình diện quốc tế những tác động tiêu cực của bạo loạn lật đổ chính quyền, xung đột sắc tộc, xâm phạm chủ quyền quốc gia, nhất là vấn đề tranh chấp trên biển Đông, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên diễn ra rất phức tạp. Các thế lực phản động, chống phá chúng ta luôn đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, lợi dụng các kênh truyền thông kích động biểu tình, bạo loạn, lật đổ, chống phá quyết liệt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta; phủ nhận những thành tựu mà chúng ta xây dựng và bảo vệ; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là sai lầm, tụt hậu. Tất cả những yếu tố chủ quan và khách quan đó đã và đang đặt ra yêu cầu vừa cấp thiết vừa kiên trì để bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Mặc dù thế giới ngày nay luôn có nhiều đổi thay, song Đảng ta và nhân dân ta luôn kiên định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng và hạnh phúc. Nhân dịp cả nước chào mừng kỷ niệm 50 năm Đại

thắng mùa Xuân 1975, chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ, toàn diện hơn về ý nghĩa tầm vóc sự kiện lịch sử trọng đại này. Từ đó, mỗi chúng ta càng nêu cao niềm tự hào dân tộc, biết trân trọng gìn giữ hòa bình, gìn giữ chủ quyền, từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc; ra sức thi đua lao động, học tập, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975: BIỂU TƯỢNG CỦA KHÁT VỌNG HOÀ BÌNH VÀ Ý CHÍ TỰ CƯỜNG DÂN TỘC

ThS Phạm Thị Vân Anh

Khoa Lý luận cơ sở

Lịch sử dân tộc Việt Nam là bản anh hùng ca bất tận về tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường và khát vọng hòa bình. Trong hành trình bảo vệ và dựng xây đất nước, Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ là một trong những mốc son chói lọi, đánh dấu sự kết thúc của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kéo dài suốt 21 năm, giành độc lập và thống nhất đất nước mà còn để lại những bài học lịch sử quý báu cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Đây không chỉ là chiến thắng vĩ đại trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm mà còn là biểu tượng rực rỡ của khát vọng hòa bình và ý chí tự cường của dân tộc Việt Nam. Trong bài tham luận này tôi xin phân tích ý nghĩa của Đại thắng mùa Xuân 1975, làm rõ hai giá trị: khát vọng hòa bình và ý chí tự cường của dân tộc Việt Nam.

1. Đại thắng mùa Xuân 1975 – Biểu tượng của khát vọng hòa bình

Khát vọng hòa bình trong dòng chảy lịch sử Việt Nam

Hòa bình luôn là khát vọng lớn lao của dân tộc Việt Nam. Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh chống ngoại xâm, nhân dân ta không ngừng chiến đấu vì một đất nước độc lập, tự do. Một dân tộc Việt Nam yêu chuộng hòa bình, chưa bao giờ mong muốn trải qua chiến tranh nhưng cuối cùng với các cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ dân tộc ta đã đứng dậy, vùng lên kháng chiến thành công. Điều này thể hiện rõ qua những câu nói bất hủ của các vị anh hùng dân tộc như "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" của Lý Thường Kiệt hay lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" (Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước, ngày 17/7/1966).

Từ khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43 SCN): Cuộc khởi nghĩa thể hiện tinh thần quật cường của dân tộc trước ách đô hộ của phương Bắc, với mục tiêu khôi phục nền độc lập, mang lại cuộc sống tự do cho nhân dân. Chiến thắng Bạch Đằng

(938): Ngô Quyền lãnh đạo quân dân đánh bại quân Nam Hán, mở ra kỷ nguyên độc lập cho dân tộc. Ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông (thế kỷ XIII): Dưới sự chỉ huy của Trần Hưng Đạo, quân dân Đại Việt không chỉ bảo vệ được nền độc lập mà còn thể hiện rõ tinh thần yêu chuộng hòa bình khi sẵn sàng giảng hòa sau chiến thắng. Cuộc chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975): Việt Nam đã phải trải qua hàng chục năm chiến tranh gian khổ, nhưng mục tiêu cuối cùng vẫn là hòa bình, độc lập và thống nhất đất nước.

Hòa bình mà Việt Nam mong muốn không phải là sự khuất phục, thỏa hiệp mà là một nền hòa bình thực sự, được giành lấy bằng chính sức mạnh và ý chí kiên cường.

Trong thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam lại một lần nữa đứng lên chống kẻ thù xâm lược để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng. Đặc biệt, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là minh chứng hùng hồn nhất cho khát vọng hòa bình cháy bỏng của nhân dân ta.

Đại thắng mùa Xuân 1975 – Khát vọng hòa bình được hiện thực hóa

Sau Hiệp định Paris năm 1973, dù miền Bắc đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản hòa bình, nhưng chính quyền Sài Gòn vẫn tiếp tục nhận viện trợ quân sự từ Mỹ, kéo dài cuộc chiến phi nghĩa. Trước tình thế đó, toàn thể dân tộc Việt Nam không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tiến hành cuộc tổng tiến công mùa Xuân 1975 để thống nhất đất nước, đem lại nền hòa bình thực sự.

Chiến thắng vang dội của chiến dịch Hồ Chí Minh ngày 30/4/1975 đã đặt dấu chấm hết cho chiến tranh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đây chính là sự hiện thực hóa khát vọng hòa bình mà dân tộc Việt Nam đã kiên trì theo đuổi suốt bao năm trường.

Đại thắng mùa Xuân 1975 – Thông điệp hòa bình gửi đến thế giới

Không chỉ mang ý nghĩa trong phạm vi quốc gia, chiến thắng 1975 còn là một biểu tượng lớn của phong trào đấu tranh vì hòa bình trên thế giới. Việt Nam đã chứng minh rằng một dân tộc dù nhỏ bé nhưng với lòng yêu nước và khát vọng hòa bình mạnh mẽ có thể đánh bại bất kỳ thế lực xâm lược nào.

Chiến thắng này không chỉ giải phóng dân tộc mà còn góp phần vào phong trào giải phóng thuộc địa trên toàn cầu, trở thành niềm cảm hứng cho các quốc gia bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do.

2. Đại thắng mùa Xuân 1975 – Biểu tượng của ý chí tự cường dân tộc Việt Nam

Ý chí tự cường – Truyền thống bất diệt của dân tộc Việt Nam

Lịch sử Việt Nam là một bản anh hùng ca về tinh thần tự cường. Ngay từ buổi đầu dựng nước, các vua Hùng đã đặt nền móng cho quốc gia Văn Lang, mở ra thời kỳ đầu tiên của nền văn minh lúa nước. Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước đối mặt với muôn vàn thử thách, từ giặc ngoại xâm đến thiên tai khắc nghiệt, bằng ý chí quật cường nhân dân ta đã không hề khuất phục mà luôn giữ vững bản sắc dân tộc, duy trì tiếng nói, phong tục tập quán và chờ đợi thời cơ giành lại độc lập làm nên những chiến thắng vang dội.

Ý chí tự cường chính là một phẩm chất cao quý, thể hiện ở lòng tin không khuất phục trước khó khăn, sẵn sàng đứng lên bằng chính sức mình để đấu tranh cho chính nghĩa. Ý chí tự cường – tức là sức mạnh từ bên trong, là niềm tin vững chắc vào khả năng tự đứng lên của chính mình mà không dựa dẫm vào ngoại lực – đã được hun đúc qua nhiều thế hệ. Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm ý chí ấy luôn là ngọn lửa dẫn đường, hun đúc sức mạnh tinh thần cho cả dân tộc.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp đến kháng chiến chống đế quốc Mỹ, dù phải đối mặt với kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự vượt trội, ý chí tự cường lại một lần nữa được khẳng định mạnh mẽ hơn bao giờ hết, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” và Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ là chiến công quân sự viết tiếp trang sử hào hùng của dân tộc mà còn là biểu tượng sáng ngời của ý chí tự lực, tự cường của dân tộc.

Sau chiến tranh, dù phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, từ nền kinh tế kiệt quệ đến sự bao vây, cấm vận, nhưng với ý chí tự cường, Việt Nam đã từng bước vươn lên. Công cuộc đổi mới năm 1986 là minh chứng cho tinh thần tự lực tự cường trong phát triển kinh tế, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và hội nhập mạnh mẽ với thế giới.

Ý chí tự cường không chỉ là một truyền thống quý báu mà còn là một kim chỉ nam cho sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Từ quá khứ đến hiện tại, tinh thần này luôn là động lực giúp đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Trong tương lai, thế hệ trẻ Việt Nam cần tiếp tục kế thừa và phát huy tinh thần tự cường, đưa đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh và phát triển bền vững.

Đại thắng mùa Xuân 1975 – Biểu tượng của ý chí tự cường dân tộc Việt Nam

Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, chiến thắng mùa Xuân năm 1975 – đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử – không chỉ là một thắng lợi quân sự to lớn, mà còn là biểu tượng rực rỡ của ý chí tự cường, của tinh thần quật khởi và lòng yêu nước sắt đá của dân tộc Việt Nam.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ kéo dài hơn 20 năm, nhân dân ta đã kiên cường chiến đấu trong điều kiện vô cùng gian khổ: đất nước bị chia cắt, bom đạn tàn phá, kinh tế cạn kiệt. Thế nhưng, với tinh thần lớp lớp thế hệ “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước mà lòng phơi phới dậy tương lai”, cả dân tộc đã chung sức đồng lòng, người người ra trận, nhà nhà là hậu phương, bất chấp hy sinh để giành lại độc lập cho Tổ quốc.

Chiến thắng mùa Xuân 1975 là kết quả của một quá trình bền bỉ chiến đấu, thể hiện rõ sự chủ động chiến lược của ta, từ việc mở các chiến dịch Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, rồi tiến tới tổng tấn công Sài Gòn. Không có bất kỳ thế lực ngoại bang nào "trao" cho Việt Nam thắng lợi đó – mà đó là chiến thắng do chính nhân dân Việt Nam làm nên bằng máu, nước mắt, sự kiên cường và trí tuệ của mình.

Hình ảnh các chiến sĩ xe tăng húc đổ cánh cổng Dinh Độc Lập vào trưa ngày 30/4/1975 đã trở thành biểu tượng thiêng liêng. Nó không chỉ đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ tay sai, mà còn chứng minh một chân lý: Dân tộc Việt Nam dù nhỏ bé nhưng khi có ý chí, có tinh thần đoàn kết và quyết tâm, thì sẽ vượt qua được mọi kẻ thù, dù là đế quốc hùng mạnh nhất thế giới.

Đại thắng mùa Xuân 1975 chính là minh chứng sống động và trọn vẹn cho ý chí tự cường của dân tộc Việt Nam. Đó là thắng lợi của lòng tin vào chính mình, của tinh thần không khuất phục trước bất kỳ thế lực nào. Chiến thắng ấy không chỉ có ý nghĩa lịch sử đối với đất nước, mà còn truyền cảm hứng mạnh mẽ cho các dân

tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới về sức mạnh của chính nghĩa, của một dân tộc biết đứng lên bằng chính đôi chân mình.

3. Giá trị trường tồn của khát vọng hòa bình và ý chí tự cường của Đại thắng mùa Xuân 1975

Đại thắng mùa Xuân 1975 mãi mãi là biểu tượng bất diệt của khát vọng hòa bình và ý chí tự cường của dân tộc Việt Nam. Đó không chỉ là một dấu son chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước, mà còn là lời khẳng định đanh thép rằng: không một thế lực nào có thể khuất phục được một dân tộc đã biết đứng lên, đoàn kết vì độc lập, tự do. Giá trị lớn lao của chiến thắng năm 1975 không dừng lại ở việc kết thúc một cuộc chiến tranh phi nghĩa, giành lại độc lập và thống nhất đất nước, mà còn lan tỏa sức mạnh tinh thần to lớn đến bạn bè năm châu. Từ Việt Nam – một đất nước nhỏ bé nhưng anh hùng – cả thế giới đã thêm một lần tin rằng: công lý sẽ chiến thắng, chính nghĩa sẽ thắng bạo tàn, và khát vọng hòa bình là quyền thiêng liêng của mọi dân tộc.

Chiến thắng ấy là thành quả của một hành trình dài gian khổ nhưng huy hoàng, nơi mỗi người dân – từ những chiến sĩ nơi tuyến lửa, đến hậu phương bên bờ, đã kiên cường chiến đấu, vượt qua gian khổ bằng niềm tin sắt đá vào tương lai hòa bình. Và chính từ trong khói lửa chiến tranh, ý chí tự cường của dân tộc đã bừng sáng như một ngọn đuốc soi đường cho các thế hệ mai sau.

Hơn cả một chiến thắng, Đại thắng mùa Xuân 1975 để lại cho hôm nay một di sản tinh thần vô giá: đó là khát vọng sống trong hòa bình, là niềm tin vào sức mạnh đoàn kết, là sự tự tin khẳng định vị thế dân tộc trên trường quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, tinh thần ấy tiếp tục là động lực thôi thúc chúng ta vượt qua mọi thách thức, vững bước trên con đường đổi mới, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

Chính vì vậy, Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ là niềm tự hào bất diệt của dân tộc Việt Nam, mà còn là nguồn cảm hứng bất tận cho các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, là ngọn lửa truyền thống để các thế hệ hôm nay và mai sau gìn giữ, phát huy, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình phát triển – kỷ nguyên của bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng Việt Nam./.

BÀI HỌC KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 VỚI KHÁT VỌNG VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

ThS Nguyễn Thị Thanh Thùy

Khoa Lý luận cơ sở

Lịch sử dân tộc Việt Nam là bản hùng ca bất tận về tinh thần yêu nước, lòng quả cảm và khát vọng dân tộc độc lập, tự do, là hành trình vươn lên không ngừng từ những đau thương mất mát đến những chiến thắng vĩ đại. Chúng ta đã không ít lần phải đối mặt với những kẻ thù hùng mạnh hơn về tiềm lực quân sự, kinh tế nhưng nhờ biết phát huy sức mạnh nội sinh của dân tộc và kết hợp đúng đắn với sức mạnh thời đại, chúng ta đã làm nên những kỳ tích, trong đó, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 khép lại cuộc kháng chiến trường kỳ kéo dài hàng chục năm, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Từ thắng lợi này cho thấy, cùng với sự lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Việt Nam cần phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, để tạo ra nguồn lực tổng hợp đưa cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi đến thắng lợi. Bài học ấy vẫn còn nguyên giá trị cả về lý luận và thực tiễn đến tận hôm nay, là luận cứ quan trọng để chúng ta có thể vận dụng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên hành trình hiện thực hóa khát vọng vườn mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Kháng chiến chống Mỹ - đòi hỏi tất yếu của lịch sử dân tộc Việt Nam

Ngay sau thất bại của thực dân Pháp trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ thực dân của nhân dân Việt Nam mà đỉnh điểm là chiến thắng vang dội của quân dân Việt Nam tại Điện Biên Phủ, vai trò của Pháp tại Việt Nam chính thức chấm dứt qua Hiệp định Genève 1954. Tuy nhiên, ngay khi Pháp rút lui, Mỹ đã nhanh chóng thế chỗ, từng bước can thiệp sâu rộng vào miền Nam Việt Nam. Trong hoàn cảnh khó khăn của một chính quyền non trẻ, một đất nước bị bóc lột và tàn phá kiệt quệ bởi chế độ thực dân gần 100 năm, chúng ta lại bước vào một cuộc chiến mà kẻ thù mới có tương quan lực lượng chênh lệch nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Nhưng với ý chí quyết tâm, lòng yêu chuộng hòa bình cuộc đấu tranh

quyết liệt nhằm thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam trở thành tiêu điểm của cách mạng và phản cách mạng trên thế giới, là nơi độ sức điển hình giữa tiến bộ và phản động, giữa chính nghĩa và phi nghĩa trong cuộc đấu tranh của nhân loại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Sức mạnh dân tộc – Nền tảng nội sinh tạo nên thắng lợi

Từ thời đại Hùng Vương dựng nước đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại một yếu tố xuyên suốt, bất biến quyết định mọi thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam – đó chính là sức mạnh dân tộc. Chính sức mạnh ấy là điểm tựa tinh thần vững chắc để nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ với lòng tin sắt đá: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập!".

Với lòng yêu nước nồng nàn, khát vọng độc lập và thống nhất đất nước đã trở thành động lực tinh thần mạnh mẽ, thôi thúc hàng triệu con người sẵn sàng hy sinh tất cả vì Tổ quốc, hun đúc nên ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Việt Nam đã đối mặt với một kẻ thù hùng mạnh nhất thế giới nhưng chưa một giây phút nào dân tộc ta khuất phục. Càng bị tàn phá, càng đau thương, ý chí chiến đấu càng được hun đúc mạnh mẽ hơn, tạo nên một sức sống mãnh liệt không gì có thể dập tắt... là minh chứng sống động cho tinh thần bất khuất của một dân tộc quyết không chịu mất nước, quyết chiến đấu đến cùng vì độc lập và thống nhất Tổ quốc. Đó là tinh thần đoàn kết toàn dân tộc – giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa miền Bắc xã hội chủ nghĩa và miền Nam ruột thịt, giữa đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài – đã tạo nên một sức mạnh tổng hợp vĩ đại, không thế lực nào có thể chia cắt hay khuất phục, nó là minh chứng hùng hồn cho chân lý: "*Đoàn kết là sức mạnh – đoàn kết là chiến thắng*". Sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ còn là lòng tin tuyệt đối của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ hậu phương đến tiền tuyến, từ miền núi đến đồng bằng, từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa đến đồng bào miền Nam và kiều bào xa Tổ quốc, tất cả đều một lòng, một dạ tin theo sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính niềm tin ấy đã kết tinh thành sức mạnh, làm nên thắng lợi vang dội trong mùa Xuân năm 1975 – một thắng lợi của ý Đảng – lòng

dân hòa quyền, của sự đồng tâm nhất trí giữa lãnh đạo và quần chúng, giữa chiến lược cách mạng và hành động cách mạng.

Sức mạnh thời đại – nguồn ngoại lực của cách mạng Việt Nam

Cùng với phát huy sức mạnh dân tộc Đảng ta tranh thủ sức mạnh thời đại để giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất đất nước. Đó chính là sự ủng hộ rộng rãi của bạn bè quốc tế, sự tiến bộ về nhận thức nhân loại đối với quyền tự quyết dân tộc trong bối cảnh chiến tranh phi nghĩa của Mỹ tại Việt Nam bị dư luận phản đối mạnh mẽ. Đó là sự ủng hộ to lớn từ các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Trung Quốc, Cuba... cả về vật chất lẫn tinh thần; phong trào phản chiến mạnh mẽ trên thế giới, đặc biệt là trong lòng nước Mỹ – làm suy giảm tinh thần và chính nghĩa của đế quốc Mỹ; Phong trào giải phóng dân tộc lan rộng khắp Á, Phi, Mỹ Latinh, khiến cuộc đấu tranh của Việt Nam trở thành một phần của làn sóng cách mạng toàn cầu... Trong bối cảnh đó hình ảnh Việt Nam trở thành biểu tượng của chính nghĩa, của dân tộc nhỏ bé kiên cường đánh bại đế quốc hùng mạnh., khẳng định Việt Nam không đơn độc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn. Báo cáo Chính trị Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã nêu rõ: "Nhờ kết hợp sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của thời đại, nhờ đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng, chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ rất to lớn về tinh thần và vật chất của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, tạo thành mặt trận quốc tế rộng lớn chưa từng có ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược"⁶¹.

Thực tế cho thấy kết hợp hai nguồn lực này, Việt Nam đã tạo ra một thế trận chiến lược toàn diện từ quân sự, chính trị, ngoại giao đến lòng dân. Dưới ngọn cờ lãnh đạo sáng tạo của Đảng, nguồn nội lực của dân tộc được phát huy cao độ đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để đập tan nguy quân, đánh đổ hoàn toàn nguy quyền. Trong suốt chặng đường kháng chiến trường kỳ chống đế quốc Mỹ, Đảng ta luôn xác định rõ rằng: nội lực của chính dân tộc là yếu tố quyết định, dù nhận được sự giúp đỡ quốc tế, nhưng chúng ta không bao giờ ỷ lại, không trông chờ vào bên ngoài, mà lấy

⁶¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 37, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 485, 486.

sức mình là chính, "*Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình*"⁶².

Đảng ta luôn khẳng định: sức mạnh dân tộc là quyết định, nhưng sức mạnh thời đại là điều kiện thuận lợi, do đó Đảng ta đã nhạy bén nắm bắt thời cơ quốc tế để chuyển hóa cục diện cách mạng. Chúng ta khai thác có hiệu quả sức mạnh quốc tế qua đó nhận được sự ủng hộ sâu rộng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không chỉ bằng vật chất, mà cả trên các mặt trận chính trị, ngoại giao, truyền thông. Sự ủng hộ ngoại giao tại các diễn đàn quốc tế giúp Việt Nam nâng cao vị thế chính nghĩa, cô lập kẻ thù về mặt chính trị; Tận dụng xu hướng tiến bộ của nhân loại – Lan tỏa giá trị hòa bình, độc lập, công lý

Như vậy, Việt Nam đã xây dựng được một khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc – đó là thế. Việt Nam đã tranh thủ hiệu quả sự ủng hộ của bạn bè quốc tế – đó là lực. Và trong sự kết hợp chặt chẽ giữa ý Đảng – lòng dân, giữa nội lực dân tộc và ngoại lực thời đại, dân tộc Việt Nam đã tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn, làm nên một chiến thắng "đi vào lịch sử như một bản anh hùng ca của thế kỷ XX" – như lời Tổng Bí thư Lê Duẩn đã khẳng định.

Vận dụng bài học kết hợp sức mạnh thời đại với sức mạnh dân tộc trong Đại thắng mùa Xuân 1975 với khát vọng vươn mình của dân tộc

Chiến thắng 1975 không chỉ là chiến thắng về quân sự mà còn là khát vọng vươn mình mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam, khẳng định sự trưởng thành của một quốc gia độc lập, thống nhất, và tự do. Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất hôm nay, cách mạng nước ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với nhiều thuận lợi, nhưng vẫn tồn tại vô vàn khó khăn, thách thức từ chính bối cảnh trong nước cũng như tình hình thế giới và khu vực yêu cầu chúng ta phải giải quyết. Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại từ Đại thắng mùa Xuân 1975 có ý nghĩa sâu sắc, để vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước, là kim chỉ nam để thực hiện khát vọng vươn mình mạnh mẽ, trở thành quốc gia phát triển, hùng cường.

Một là, khơi dậy sức mạnh dân tộc trong thời bình. Dân tộc Việt Nam đã kiên cường những thử thách cam go trong suốt chiều dài lịch sử nhờ vào sức mạnh

⁶² Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1975, tr.33

dân tộc. Ngày nay, khi đất nước đang sống trong hòa bình, ổn định và hội nhập sâu rộng với thế giới, chúng ta lại càng cần khơi dậy và phát huy hơn bao giờ hết sức mạnh ấy trên cơ sở nhận thức đúng về đặc điểm của thời đại, dân tộc và trách nhiệm của mỗi con người Việt Nam. Lòng yêu nước là giá trị truyền thống thiêng liêng, là động lực để mỗi người dân cống hiến cho Tổ quốc. Nếu trong chiến tranh, lòng yêu nước được thể hiện bằng việc sẵn sàng hy sinh bảo vệ non sông, thì trong thời bình, đó là việc mỗi người sống có ích, học tập, lao động và làm việc hết mình vì sự phát triển chung. Tình yêu nước hôm nay chính là giữ gìn văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, chống những biểu hiện tiêu cực và lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong xã hội. Cùng với lòng yêu nước, mỗi công dân cần ý thức được rằng sự phát triển bền vững của đất nước không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước, mà là nghĩa vụ chung của toàn xã hội. Điều này yêu cầu, từ vị trí của bản thân cần có trách nhiệm với công việc của mình, đó có thể là chăm chỉ trong học tập của học sinh sinh viên; hăng hái nhiệt tình trong lao động sản xuất của người công nhân, nông dân hay đội ngũ trí thức; đó là doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng trong việc tổ chức sản xuất hay tham gia giải quyết các vấn đề xã hội như: giảm thiểu tác động đến môi trường trong quy trình sản xuất, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội... Đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên phải phát huy vai trò lãnh đạo, tổ chức, hướng dẫn đối với quần chúng trong các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc...thì cả quốc gia sẽ vận hành trơn tru và tiến về phía trước. Sức mạnh của dân tộc còn được thể hiện ở tinh thần đoàn kết, trong thời bình, đoàn kết chính là tinh thần sẻ chia, tương trợ, là sự hợp tác giữa các cá nhân, tập thể để cùng nhau phát triển. Một đất nước mạnh không chỉ bởi nền kinh tế, mà còn bởi sự gắn kết bền vững giữa con người với con người. Cuối cùng, trong thời đại công nghệ, tinh thần sáng tạo là yếu tố không thể thiếu để nâng tầm vị thế dân tộc. Chúng ta cần khơi dậy và phát huy sự sáng tạo trong mọi lĩnh vực: giáo dục, khoa học, kỹ thuật, văn hóa... Đặc biệt, thế hệ trẻ cần dám nghĩ dám làm, đổi mới tư duy, tìm tòi con đường riêng để đưa đất nước bắt kịp xu hướng thời đại. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn nhiều người thờ ơ, sống thiếu trách nhiệm, thiếu ý thức với cộng đồng, dễ bị cuốn vào lối sống cá nhân, hưởng thụ, thậm chí quay lưng với giá trị dân tộc. Đó là điều đáng lo ngại và cần được

chấn chỉnh bằng giáo dục, truyền thông và hành động thiết thực từ cả xã hội. Tóm lại, trong thời bình, việc khơi dậy sức mạnh dân tộc không chỉ là khẩu hiệu, mà phải được thực hiện bằng những hành động cụ thể. Mỗi người dân cần nuôi dưỡng lòng yêu nước, sống có trách nhiệm, biết đoàn kết và không ngừng sáng tạo. Chỉ khi đó, dân tộc Việt Nam mới có thể phát triển vững mạnh, khẳng định vị thế trên trường quốc tế và tiến bước vững chắc vào tương lai.

Hai là, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, tiếp thu tinh hoa tri thức, công nghệ và văn minh nhân loại. Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, hội nhập quốc tế không còn là một lựa chọn, mà là một xu thế tất yếu đối với mọi quốc gia – trong đó có Việt Nam. Trong khát vọng cháy bỏng vươn mình trở thành một quốc gia phát triển, dân tộc ta không chỉ cần phát huy nội lực tức là tận dụng tối đa sức mạnh từ con người Việt Nam, tài nguyên, truyền thống văn hóa và tinh thần dân tộc, mà còn phải biết tranh thủ những thành tựu của nhân loại trong quá trình hội nhập. Đó là cách thông minh và chủ động để rút ngắn khoảng cách phát triển với thế giới. Những tiên bộ vượt bậc về khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, quản trị xã hội... là kho tàng tri thức quý báu mà chúng ta có thể học hỏi, vận dụng và sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam. Sự kết hợp giữa nội lực vững mạnh và ngoại lực tiên tiến chính là nền tảng để đất nước ta vươn lên mạnh mẽ, bền vững và chủ động trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu. Hội nhập quốc tế không chỉ đơn thuần là mở cửa giao thương hay hợp tác đầu tư, mà sâu xa hơn, đó là việc chúng ta bước ra thế giới với tâm thế sẵn sàng học hỏi, đổi mới và vươn lên. Trong kỷ nguyên số, tri thức và công nghệ chính là "vũ khí" cạnh tranh quan trọng nhất. Nếu không chủ động nắm bắt cái mới, chúng ta sẽ tụt lại phía sau. Việt Nam đang có nhiều cơ hội để tiếp cận với các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến, từ trí tuệ nhân tạo, công nghệ xanh, chuyển đổi số cho đến giáo dục hiện đại và mô hình quản trị hiệu quả. Tuy nhiên, chỉ khi nào mỗi người trẻ, mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị trong xã hội ý thức được tầm quan trọng của việc học hỏi và thích nghi, chúng ta mới có thể biến cơ hội thành sức mạnh thực sự.

Ba là, kết hợp giữa giữ gìn bản sắc và đổi mới sáng tạo, giữa tự lực – tự cường và hợp tác – phát triển. Trong dòng chảy mạnh mẽ của toàn cầu hóa, mỗi dân tộc đều phải tìm cho mình một con đường đi riêng để vừa giữ được giá trị cốt

lỗi, vừa không bị tụt lại phía sau. Đối với Việt Nam, khát vọng vươn mình trở thành một quốc gia phát triển hùng cường không thể chỉ dựa vào một chiều – mà đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa giữ gìn bản sắc và đổi mới sáng tạo, giữa tự lực – tự cường và hợp tác – phát triển. Trước hết, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc chính là giữ lấy “cái gốc” để không bị hòa tan trong sự pha trộn đa dạng của thế giới hiện đại. Đó là tiếng nói, là phong tục, là lòng yêu nước, là tinh thần hiếu học, là những giá trị đạo đức truyền thống làm nên chiều sâu tâm hồn người Việt. Tuy nhiên, giữ gìn không có nghĩa là bảo thủ. Ngược lại, để đi xa, dân tộc ta cần mạnh dạn đổi mới tư duy, đổi mới cách làm, sáng tạo trong hành động. Chúng ta cần nuôi dưỡng tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám bút phá – đặc biệt ở thế hệ trẻ. Sự sáng tạo không những làm cho đất nước phát triển nhanh hơn, mà còn giúp bản sắc dân tộc được thể hiện sống động, hiện đại hơn trong từng lĩnh vực: từ nghệ thuật, giáo dục đến công nghệ và đời sống hàng ngày.

Song song đó, tự lực – tự cường là tinh thần luôn chảy trong mạch máu của dân tộc Việt Nam. Tự lực trong ý chí, tự cường trong hành động – đó là động lực nội sinh thúc đẩy chúng ta vươn lên bằng chính sức mình. Tuy nhiên, không thể tách rời điều đó khỏi tinh thần hợp tác và phát triển. Bởi trong một thế giới gắn kết chặt chẽ như hiện nay, không một quốc gia nào có thể phát triển bền vững nếu đứng một mình. Hợp tác quốc tế, tiếp thu tinh hoa tri thức và công nghệ toàn cầu là con đường ngắn nhất để Việt Nam rút ngắn khoảng cách, và từ đó vươn lên mạnh mẽ hơn.

Bài học từ lịch sử đã chứng minh và thực tiễn hôm nay tiếp tục khẳng định: Kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại không chỉ là điều nên làm, mà là điều phải làm, không chỉ là bài học lịch sử, mà còn là con đường tất yếu nếu Việt Nam muốn vươn lên, hội nhập và phát triển. Với mỗi người dân Việt Nam mà trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên phải luôn giữ vững căn cốt dân tộc, không ngừng đổi mới sáng tạo, phát huy tinh thần đoàn kết, tự cường, đồng thời cởi mở học hỏi và hội nhập toàn diện với thế giới. Đó là con đường để chúng ta tiếp tục viết tiếp trang sử hào hùng của cha ông bằng những thành tựu phát triển bền vững, công bằng và văn minh. Chỉ khi đó, khát vọng vươn mình của dân tộc Việt Nam mới trở thành hiện thực.

SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ThS Nguyễn Thị Hải Ninh

Phòng QLĐT&NCKH

Từ năm 1975 đến nay, đại đoàn kết dân tộc là chìa khóa để Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thách thức, từ khôi phục đất nước sau chiến tranh, bảo vệ chủ quyền, đến phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân. Đây là sức mạnh nội sinh, nguồn nội lực to lớn giúp xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường, phát triển bền vững và hội nhập thành công vào cộng đồng quốc tế.

1. Đại đoàn kết trong giai đoạn từ 1975 đến 1986

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 30/4/1975, đất nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất. Đây là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, đánh dấu bước chuyển mình trọng đại: cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, cùng với niềm vui thống nhất là vô vàn khó khăn, thử thách đòi hỏi toàn dân tộc phải chung sức, đồng lòng vượt qua.

Trước hết, chiến tranh để lại hậu quả nặng nề. Hàng triệu người thương vong, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân vô cùng thiếu thốn. Đặc biệt, sự khác biệt giữa hai miền Nam - Bắc về thể chế chính trị, mô hình kinh tế, tư tưởng và lối sống đã tạo ra những rào cản lớn trong việc hòa hợp và thống nhất về mọi mặt.

Trong khi đó, tình hình quốc tế cũng không thuận lợi. Việt Nam phải đối mặt với các cuộc chiến tranh biên giới ở Tây Nam và phía Bắc, đồng thời bị các nước phương Tây - đứng đầu là Mỹ - bao vây, cấm vận kéo dài. Trong nước, mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp dần bộc lộ nhiều hạn chế, dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội vào đầu thập niên 1980.

Chính trong bối cảnh đó, đại đoàn kết dân tộc trở thành yếu tố sống còn. Đảng và Nhà nước xác định: chỉ khi tập hợp được toàn dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc hay quá khứ chính trị, thì mới có thể khắc phục hậu quả

chiến tranh, thống nhất đất nước cả về ý chí lẫn hành động. Một số biểu hiện cụ thể cho thấy tinh thần đại đoàn kết được phát huy mạnh mẽ trong giai đoạn này là:

- Năm 1976, Quốc hội khóa VI quyết định thành lập Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam – thống nhất về mặt nhà nước.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được củng cố và mở rộng, trở thành nơi quy tụ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

- Chính sách hòa hợp dân tộc được triển khai, khuyến khích người từng phục vụ chế độ cũ hòa nhập, tham gia xây dựng đất nước.

Nhờ những nỗ lực đó, Việt Nam đã giữ vững được độc lập, chủ quyền và tạo tiền đề cho công cuộc Đổi mới năm 1986, một bước ngoặt lớn trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2. Sức mạnh đại đoàn kết giai đoạn đổi mới (1986 - 2000)

Trong bối cảnh đất nước bước vào công cuộc Đổi mới từ năm 1986, tinh thần đại đoàn kết càng được khẳng định là động lực quan trọng giúp đất nước vượt qua khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển. Giai đoạn 1986 - 2000 là thời kỳ Đảng và Nhà nước đã đặc biệt chú trọng phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân.

Như chúng ta đã biết, giai đoạn 1986 - 2000 là thời kỳ đất nước đứng trước nhiều thách thức lớn. Kinh tế gặp khủng hoảng nghiêm trọng, đời sống nhân dân khó khăn, hệ thống quản lý nhà nước còn cồng kềnh, thiếu hiệu quả. Trên thế giới, tình hình quốc tế cũng có nhiều biến động với sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, ảnh hưởng đến tư tưởng và đường lối phát triển của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, việc khơi dậy và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành yêu cầu cấp thiết, là yếu tố quyết định để giữ vững ổn định chính trị và tạo đà cho sự phát triển. Trước tình hình đó, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, lấy nhân dân làm trung tâm. Từ đây, tinh thần đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu mà trở thành phương châm hành động, xuyên suốt trong các chính sách và hoạt động thực tiễn.

Giai đoạn này chứng kiến sự lan tỏa mạnh mẽ của các phong trào như “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xóa đói giảm nghèo”... Thể hiện sự

đoàn kết, gắn bó giữa các tầng lớp trong xã hội. Đồng thời, đồng bào ta ở nước ngoài cũng được vận động hướng về Tổ quốc, đóng góp sức người, sức của xây dựng đất nước.

Trong lĩnh vực chính trị - xã hội: Nhà nước mở rộng dân chủ, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân thông qua các kỳ bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tạo điều kiện để mọi tầng lớp nhân dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài... Mặt trận đã mở rộng khối đại đoàn kết, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tổ chức nhiều phong trào thi đua yêu nước.

Các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối đổi mới, phát huy vai trò của hội viên trong xây dựng kinh tế, bảo vệ an ninh - quốc phòng, ổn định chính trị và chăm lo đời sống nhân dân. Ngoài ra chính quyền các cấp phối hợp với các tổ chức đoàn thể để thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, giữ vững ổn định chính trị.

Trong lĩnh vực kinh tế: Nhân dân được khuyến khích tham gia sản xuất kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế. Chính sách khoán 10, Luật Doanh nghiệp và các cơ chế kinh tế mới đã tạo điều kiện cho hàng triệu hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Chính sách đổi mới cho phép nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam, các tổ chức xúc tiến thương mại, tổ chức hỗ trợ kiều bào đầu tư đã phát huy vai trò trong việc kết nối các nguồn lực trong và ngoài nước.

Kiều bào và người Việt Nam ở nước ngoài được công nhận là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhiều tổ chức như Hội người Việt ở các nước, Hội doanh nhân Việt kiều... đã có những đóng góp tích cực về tài chính, trí tuệ và uy tín quốc tế.

Trong lĩnh vực văn hóa - tinh thần: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Các tổ chức văn hóa, nghệ thuật như Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu, Hội Nhạc sĩ Việt Nam... phát động nhiều chương trình sáng tác, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Báo chí, phát thanh, truyền hình tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về đại đoàn kết, khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, nhân dân luôn là lực lượng nòng cốt trong các phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc.

Nhờ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong giai đoạn 1986 - 2000: Kinh tế tăng trưởng liên tục, đời sống nhân dân được cải thiện; Hệ thống chính trị được củng cố, niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước được nâng cao. Vị thế quốc tế của Việt Nam được nâng lên, thể hiện qua việc gia nhập ASEAN (1995) và thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước lớn.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn 1986 - 2000 không chỉ là một nhân tố quan trọng giúp đất nước vượt qua thời kỳ khó khăn mà còn là động lực để Việt Nam tiếp tục tiến bước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bài học quý báu từ thời kỳ này là: mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với sự đoàn kết, đồng lòng của toàn dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, việc tiếp tục củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc vẫn là nhiệm vụ hàng đầu để xây dựng một nước Việt Nam hùng cường, giàu mạnh và văn minh.

3. Sức mạnh đại đoàn kết giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện từ năm 2000 đến nay

Sau năm 2000, Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện. Cột mốc đáng chú ý là Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, CPTPP, RCEP... Đồng thời, tình hình thế giới biến đổi nhanh chóng với sự phát triển của công nghệ, cạnh tranh toàn cầu, biến đổi khí

hậu, đại dịch COVID-19, xung đột khu vực... đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đó, đại đoàn kết dân tộc tiếp tục là yếu tố then chốt để Việt Nam giữ vững ổn định, phát triển bền vững và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Từ khi thực hiện các chính sách ngoại giao rộng mở, Việt Nam đã mở rộng sức mạnh dân tộc trên nguyên tắc kết hợp sức trong nước với sức mạnh quốc tế, dựa trên nội lực là chính. Những chiến lược đối ngoại quan trọng của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (gia nhập WTO, ký kết các hiệp định thương mại tự do) đã tạo đà đưa Việt Nam tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trong môi trường quốc tế. Tinh thần đại đoàn kết trong bối cảnh toàn cầu hoá được thể hiện rõ nhất là đại đoàn kết trong việc phát triển các mối quan hệ đối tác quốc tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Một số sự kiện tiêu biểu như Việt Nam gia nhập WTO (2007); tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN -AEC (2008); Đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP (2013); Việt Nam ký Hiệp định RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực) – FTA lớn nhất thế giới (2020); Phê chuẩn Hiệp định UKVFTA (Việt Nam - Anh; 2021); Tăng cường hợp tác quốc phòng, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng với các đối tác như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ (2022 - 2023); Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ, nâng cấp quan hệ với nhiều nước lớn (2023). Hiện nay, Việt Nam đã quan hệ ngoại giao với 194 trong 200 quốc gia trên thế giới, 34 đối tác chiến lược và toàn diện.

Trong các lĩnh vực cụ thể, đại đoàn kết dân tộc đã phát huy được sức mạnh to lớn, thể hiện:

Phát triển kinh tế và giảm nghèo: Tinh thần đoàn kết đã thúc đẩy sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân vào phát triển kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức cao, trung bình khoảng 6,25% từ năm 2000 đến 2024, đạt đỉnh 13,71% vào quý III năm 2022. Tỷ lệ nghèo đói giảm đáng kể từ 28,9% năm 2002 xuống còn 4,3% năm 2022, cho thấy sự cải thiện rõ rệt về đời sống nhân dân.

Đồng thuận chính trị - xã hội, củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước: Trong suốt quá trình hội nhập, toàn dân đã tin tưởng, đồng hành cùng Đảng và Nhà

nước trong việc xây dựng chính sách đổi mới, cải cách hành chính, chống tham nhũng, phát triển bền vững. Các cuộc bầu cử Quốc hội, HĐND được tổ chức dân chủ, nghiêm túc, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Gắn bó, chia sẻ trong khó khăn, đặc biệt trong đại dịch COVID-19: Trong đại dịch COVID-19, tinh thần đoàn kết được thể hiện qua sự chung tay của toàn dân trong việc phòng chống dịch. Việt Nam ghi nhận tổng cộng 11.625.195 ca nhiễm và 43.206 ca tử vong. Những con số này phản ánh nỗ lực to lớn của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong việc kiểm soát dịch bệnh. Khi đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu, tinh thần “chống dịch như chống giặc” lan tỏa sâu rộng, thể hiện qua các phong trào thiện nguyện, hỗ trợ y tế, tài chính cho người dân bị ảnh hưởng, không phân biệt tôn giáo, dân tộc hay thành phần kinh tế. Đây là minh chứng sống động cho sức mạnh của sự đoàn kết trong hoạn nạn.

Huy động sức mạnh toàn dân trong xây dựng đất nước: Nhân dân tích cực hưởng ứng các chương trình như “Xây dựng nông thôn mới”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”... Các doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, người lao động đóng góp lớn vào sự tăng trưởng GDP và xuất khẩu. Vai trò của kiều bào ngày càng được ghi nhận với lượng kiều hối hàng năm lên tới hàng chục tỷ USD.

Mở rộng khối đại đoàn kết ra ngoài biên giới quốc gia: Việt Nam phát huy tinh thần hợp tác, thân thiện với các quốc gia, tổ chức quốc tế, khẳng định vai trò là một thành viên tích cực trong cộng đồng quốc tế.

Đoàn kết dân tộc không chỉ giới hạn trong lãnh thổ mà còn kết nối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài - gần 6 triệu người tại hơn 130 quốc gia, là cầu nối hữu nghị và phát triển. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế thông qua lượng kiều hối đáng kể. Năm 2022, kiều hối về Việt Nam đạt gần 19 tỷ USD, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện đời sống nhân dân. Bên cạnh đó, sự đoàn kết và môi trường kinh doanh thuận lợi đã thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Từ năm 2000 đến nay, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đã đóng vai trò quan trọng trong việc đưa Việt Nam vượt qua thách thức và đạt được những thành

tự đáng kể trên nhiều lĩnh vực. Tinh thần này cần tiếp tục được phát huy để đất nước tiếp tục phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế.

Như vậy, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những nhân tố nền tảng, xuyên suốt quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Từ sau năm 1975, đặc biệt là trong công cuộc Đổi mới và hội nhập quốc tế từ năm 1986 đến nay, tinh thần đại đoàn kết tiếp tục được phát huy như một động lực nội sinh, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đoàn kết đã giúp Việt Nam vượt qua khủng hoảng kinh tế, từng bước cải cách thành công, mở rộng quan hệ quốc tế và trở thành một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Từ việc phá vỡ thế bao vây cấm vận, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều quốc gia, cho đến gia nhập ASEAN, WTO, ký kết các FTA thế hệ mới - tất cả đều là minh chứng cho hiệu quả của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc được cụ thể hóa trong chiến lược phát triển và hội nhập.

Sức mạnh ấy không chỉ thể hiện ở ý chí của Đảng, Nhà nước mà còn bắt nguồn từ tinh thần yêu nước, tinh thần trách nhiệm, sự sẻ chia và đồng lòng của mọi tầng lớp nhân dân - từ trong nước đến kiều bào ở nước ngoài. Đó là sự gắn kết giữa truyền thống và hiện đại, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa dân tộc và thời đại.

Trong thời đại hội nhập quốc tế sâu rộng ngày nay, đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là một khẩu hiệu, mà là yêu cầu sống còn để Việt Nam tiếp tục vững bước trên con đường phát triển bền vững, hội nhập thành công, giữ vững độc lập, chủ quyền và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

LÒNG GHÉP GIÁO DỤC Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ TINH THẦN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 VÀO CÁC BÀI GIẢNG NGOẠI NGỮ

*ThS Nguyễn Thị Hải Yến
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học*

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một mốc son lịch sử huy hoàng, đánh dấu thắng lợi vĩ đại của Nhân dân Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Đây không chỉ là chiến thắng quân sự mà còn là biểu tượng của ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết bất khuất và sức mạnh của lòng yêu nước trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Việt Nam. Thành tựu này là kết quả của một quá trình đấu tranh gian khổ, nhưng cũng là minh chứng cho sự kiên cường và ý chí quyết tâm của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, từ đó góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Là một giảng viên ngoại ngữ, tôi nhận thấy việc lồng ghép giáo dục về ý nghĩa lịch sử và tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Đại thắng mùa Xuân 1975 vào các bài giảng ngoại ngữ không chỉ giới hạn ở việc truyền đạt thông tin mà còn là cơ hội để học viên phát triển tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ thông qua tiếp cận các chủ đề lịch sử sâu sắc, đồng thời kết nối với các vấn đề hiện đại.

1. Tại sao cần lồng ghép kiến thức lịch sử và tinh thần đại đoàn kết dân tộc vào giảng dạy ngoại ngữ?

Ngoại ngữ không những là công cụ giúp học viên tiếp cận tri thức toàn cầu mà còn là cầu nối để giới thiệu văn hóa, lịch sử và bản sắc dân tộc ra thế giới. Khi học ngoại ngữ, nếu học viên chỉ tiếp thu kiến thức ngôn ngữ mà không hiểu rõ về văn hóa, lịch sử của đất nước mình, thì việc hội nhập sẽ thiếu đi nền tảng vững chắc. Việc lồng ghép các sự kiện lịch sử như Đại thắng mùa Xuân 1975 giúp học viên có cơ hội nhìn nhận, phân tích và tự hào hơn về truyền thống dân tộc, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ một cách sinh động và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, việc hiểu và truyền đạt lịch sử dân tộc qua ngôn ngữ còn giúp học viên nhận thức rõ hơn về giá trị của hòa bình, độc lập và tự do mà chúng ta đang có, từ đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm đối với đất nước. Lịch sử cũng là nguồn cảm hứng mạnh mẽ để học viên nuôi dưỡng lòng yêu nước và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, hai yếu tố này đóng vai trò vô cùng quan trọng trong bối cảnh xã hội ngày nay.

Hơn nữa, khi kết hợp giữa việc học ngoại ngữ và tìm hiểu về lịch sử, học viên được học ngôn ngữ thông qua việc tiếp cận những câu chuyện văn hóa, phong tục tập quán, những con người, sự kiện lịch sử đã góp phần tạo nên bản sắc dân tộc Việt Nam. Điều này làm phong phú thêm trải nghiệm học tập, từ đó tạo ra không gian giao tiếp đa chiều, giúp học viên hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các nền văn hóa và phát triển kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế hiệu quả hơn.

Cuối cùng, việc giảng dạy ngoại ngữ kết hợp với các yếu tố lịch sử và tinh thần đại đoàn kết dân tộc cũng đóng góp vào việc xây dựng một thế hệ học viên có khả năng tiếp thu, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc, đồng thời tạo nên một lớp người có trách nhiệm với việc gìn giữ và phát triển nền văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Cách lồng ghép kiến thức lịch sử và tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Đại thắng mùa Xuân 1975 vào các bài giảng ngoại ngữ

Giảng dạy ngoại ngữ không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt cách sử dụng ngôn ngữ mà còn góp phần bồi đắp lòng tự hào dân tộc, việc lồng ghép những sự kiện lịch sử trọng đại vào bài giảng đóng vai trò quan trọng, bởi vì điều này giúp học viên nâng cao kiến thức về văn hóa, tạo động lực học tập thông qua những câu chuyện giàu ý nghĩa. Khi lịch sử được đưa vào giảng dạy một cách tự nhiên và sinh động, mỗi bài học sẽ trở thành cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giúp thế hệ trẻ hiểu sâu sắc hơn về những giá trị cốt lõi của dân tộc. Để thực hiện được điều này hiệu quả, giảng viên có thể áp dụng nhiều phương pháp phù hợp, vừa phát triển kỹ năng ngôn ngữ, vừa khơi dậy niềm đam mê với lịch sử, cụ thể như sau:

Thứ nhất, áp dụng tài liệu song ngữ về Đại thắng mùa Xuân 1975.

Đại thắng mùa Xuân 1975 là một sự kiện trọng đại trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự kết thúc của cuộc chiến tranh và là một trong những chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Giảng viên có thể sử dụng tài liệu song ngữ như các bài viết về Đại thắng mùa Xuân 1975 bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc để thiết kế các bài giảng của mình. Một trong những lợi ích lớn nhất của việc sử dụng tài liệu song ngữ là giúp học viên nâng cao khả năng đọc hiểu thông qua việc đối chiếu giữa hai ngôn ngữ. Khi đọc tài liệu song ngữ, học viên có thể dễ dàng tra cứu từ vựng mới, cấu trúc ngữ pháp và các cụm từ chuyên ngành. Việc đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Anh (hoặc các ngôn ngữ khác) sẽ giúp học viên nhận ra sự khác biệt trong cách diễn đạt và cách tiếp cận thông tin, đồng thời mở rộng vốn từ vựng chuyên sâu về lịch sử và văn hóa Việt Nam. Ví dụ, giảng viên có thể cho học viên đọc một đoạn văn về chiến dịch Hồ Chí Minh bằng cả hai ngôn ngữ. Sau khi đọc, học viên có thể làm bài tập phân tích từ vựng, tìm ra những từ và cụm từ đặc biệt trong văn bản lịch sử, và thảo luận về cách dịch những ngữ này từ tiếng Việt sang tiếng Anh, hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc.

Khi tiếp cận tài liệu song ngữ này, học viên học được từ vựng liên quan đến lịch sử, chiến tranh, quân sự, và chính trị mà học viên có thể không gặp trong các tài liệu thông thường. Ví dụ: Từ vựng như “Tổng tấn công và nổi dậy,” “chiến dịch Hồ Chí Minh,” “giải phóng miền Nam,” “đại đoàn kết dân tộc,” hay “Ngày thống nhất đất nước” là những thuật ngữ có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh Đại thắng mùa Xuân 1975. Các tài liệu song ngữ sẽ giúp học viên hiểu rõ hơn về những từ này trong cả hai ngôn ngữ, đồng thời giải thích ý nghĩa của chúng trong bối cảnh lịch sử, chính trị và xã hội.

Thứ hai, sử dụng phương pháp thảo luận chủ đề lịch sử trong giờ học ngoại ngữ.

Giảng viên tổ chức các buổi thảo luận bằng tiếng Anh, tiếng Trung Quốc về các chủ đề lịch sử như chiến thắng 30/4/1975 và tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Đây là một phương pháp hiệu quả giúp học viên không chỉ nâng cao kỹ năng ngôn ngữ mà còn hiểu sâu hơn về những giá trị văn hóa, lịch sử quan trọng của dân tộc. Ví dụ, trong một buổi thảo luận bằng tiếng Anh, giảng viên có thể yêu cầu học viên phân

tích tác động của chiến thắng 30/4/1975 đối với sự phát triển của Việt Nam, sự đoàn kết dân tộc và mối quan hệ quốc tế. Học viên phải sử dụng từ vựng chuyên môn về chính trị, quân sự và văn hóa để giải thích tầm quan trọng của sự kiện này trong bối cảnh toàn cầu, từ đó giúp cải thiện khả năng sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế.

Trong quá trình thảo luận, học viên học được cách diễn đạt quan điểm một cách rõ ràng và mạch lạc, học được cách tư duy phản biện, phân tích các luận điểm từ nhiều góc độ khác nhau. Học viên có thể đưa ra các câu hỏi như: "Làm thế nào chiến thắng 30/4/1975 đã giúp xây dựng một Việt Nam đoàn kết và phát triển mạnh mẽ hơn?" hoặc "Tinh thần đại đoàn kết dân tộc trong chiến thắng này có thể áp dụng như thế nào trong bối cảnh toàn cầu ngày nay?". Những câu hỏi này tạo cơ hội để học viên tranh luận và bảo vệ quan điểm của mình, qua đó rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phát triển tư duy phản biện.

Hơn nữa, qua các buổi thảo luận, học viên sẽ nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc duy trì và phát huy tinh thần đoàn kết trong các xã hội đa văn hóa và trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc áp dụng các giá trị lịch sử từ chiến thắng 30/4 vào các vấn đề toàn cầu như hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững sẽ giúp học viên mở rộng kiến thức về thế giới, đồng thời tăng cường sự tự tin trong việc sử dụng ngoại ngữ. Thảo luận về các chủ đề này làm phong phú thêm khả năng ngoại ngữ đồng thời giúp học viên nhìn nhận và kết nối với những giá trị văn hóa và lịch sử dân tộc, tạo nền tảng vững chắc để hội nhập và giao lưu quốc tế.

Thứ ba, dạy từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề lịch sử.

Dạy từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến chủ đề lịch sử là một phương pháp hiệu quả giúp học viên trong khi học ngôn ngữ có thể hiểu sâu sắc hơn về các giá trị lịch sử và văn hóa quan trọng. Ví dụ, giảng viên dạy tiếng Anh có thể sử dụng các từ vựng đặc thù liên quan đến các sự kiện lịch sử, chẳng hạn như "liberation" (giải phóng), "solidarity" (đoàn kết), "independence" (độc lập), "patriotism" (lòng yêu nước), và hướng dẫn học viên cách sử dụng những từ vựng này trong câu, trong các bài viết và bài nói. Việc học từ vựng trong ngữ cảnh lịch sử giúp học viên mở rộng vốn từ, hiểu rõ hơn về các khái niệm quan trọng trong

lịch sử và văn hóa dân tộc. Ví dụ, từ "liberation" có thể được giảng dạy trong bối cảnh chiến thắng 30/4/1975, khi Việt Nam giành lại độc lập sau nhiều năm chiến tranh. Giảng viên có thể yêu cầu học viên viết một đoạn văn hoặc thảo luận về cảm giác tự do và hạnh phúc của người dân Việt Nam trong ngày 30/4, sử dụng từ "liberation" để diễn đạt sự kiện lịch sử này. Tương tự, từ "solidarity" (đoàn kết) có thể được giải thích thông qua tinh thần đoàn kết dân tộc trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, khi toàn dân cùng chung tay góp sức vì một lý tưởng chung. Học viên có thể sử dụng từ này để nói về tầm quan trọng của sự hợp tác và đoàn kết trong các hoàn cảnh khó khăn, từ đó nâng cao khả năng diễn đạt và làm giàu vốn từ ngữ của mình.

Bên cạnh đó, các cấu trúc ngữ pháp cũng có thể được giảng dạy thông qua các tình huống lịch sử cụ thể. Ví dụ, giảng viên có thể hướng dẫn học viên cách sử dụng cấu trúc câu điều kiện hay câu bị động để miêu tả sự kiện lịch sử ngày 30/4 như "The victory of April 30th, 1975 is celebrated annually as a symbol of the country's independence and patriotism." (Chiến thắng ngày 30/4/1975 được kỷ niệm hàng năm như là biểu tượng của sự độc lập và lòng yêu nước của đất nước.) Câu này không chỉ sử dụng các từ vựng như "independence" và "patriotism", mà còn cung cấp một cấu trúc câu phức tạp, giúp học viên nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh học thuật và giao tiếp.

Thứ tư, tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

Tổ chức các buổi diễn thuyết, hội thảo, tọa đàm về lịch sử Việt Nam bằng ngoại ngữ là một phương pháp hiệu quả để giúp học viên nâng cao khả năng ngoại ngữ, hiểu rõ hơn về những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước. Ban tổ chức lớp học có thể mời chuyên gia đến chia sẻ về các sự kiện lịch sử, từ đó giúp học viên có cái nhìn toàn diện và sinh động về quá khứ. Bên cạnh đó, việc tổ chức các cuộc thi hùng biện, viết luận bằng ngoại ngữ về chủ đề lịch sử và tinh thần đoàn kết dân tộc cũng là một phương pháp tuyệt vời để khuyến khích học viên phát triển kỹ năng tư duy phản biện, đồng thời rèn luyện khả năng viết và thuyết trình. Những cuộc thi này là cơ hội để học viên thể hiện sự hiểu biết của mình về lịch sử, bên cạnh đó tạo ra sân chơi học thuật thú vị, giúp nâng cao ý thức về giá trị của

tin thần đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tất cả những hoạt động này kết hợp lại sẽ góp phần tạo dựng một môi trường học tập tích cực, sáng tạo và đầy cảm hứng.

Thứ năm, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy.

Sử dụng video và tài liệu đa phương tiện về chiến thắng mùa Xuân 1975 là một cách hiệu quả để minh họa và làm phong phú bài học ngoại ngữ. Những đoạn video về các sự kiện lịch sử này giúp học viên tiếp cận thông tin một cách sinh động và dễ hiểu, từ đó nâng cao khả năng nghe và hiểu ngoại ngữ trong các tình huống thực tế. Các tài liệu đa phương tiện như hình ảnh, âm thanh và phim tài liệu cũng giúp kết nối cảm xúc của học viên với các sự kiện lịch sử, đồng thời kích thích sự tò mò và hứng thú học tập.

Bên cạnh đó, việc tích hợp các bài học trực tuyến và diễn đàn thảo luận về lịch sử Việt Nam bằng ngoại ngữ sẽ tạo cơ hội cho học viên nghiên cứu, trao đổi kiến thức và quan điểm với nhau. Các diễn đàn thảo luận giúp học viên củng cố kiến thức, khuyến khích sự tham gia tích cực trong các cuộc trò chuyện bằng ngoại ngữ, từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện. Các bài học trực tuyến giúp học viên học tập linh hoạt và chủ động, dễ dàng tiếp cận tài liệu và tài nguyên học tập về lịch sử mà vẫn phát triển kỹ năng ngoại ngữ một cách hiệu quả. Những phương pháp này kết hợp lại sẽ tạo ra một môi trường học tập hiện đại, giúp học viên tiếp thu kiến thức lịch sử một cách dễ dàng và thú vị, đồng thời nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ trong bối cảnh thực tế.

3. Kết quả dự kiến

Việc triển khai các giải pháp trên sẽ giúp học viên nâng cao trình độ ngoại ngữ và góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc. Học viên sẽ có cơ hội mở rộng kiến thức lịch sử và văn hóa Việt Nam, giúp họ hiểu rõ hơn về quá khứ oai hùng của dân tộc và những giá trị văn hóa đặc sắc. Đồng thời, việc học các từ vựng, cấu trúc câu liên quan đến các sự kiện lịch sử và thực hành giao tiếp sẽ giúp cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của học viên, đặc biệt là trong việc sử dụng ngoại ngữ để trao đổi về các vấn đề thực tế. Hơn nữa, học viên cũng sẽ phát triển tư duy phản biện và khả năng trình bày các

quan điểm lịch sử một cách logic, thuyết phục và rõ ràng bằng ngoại ngữ. Những kỹ năng này không chỉ giúp học viên tự tin hơn trong giao tiếp mà còn củng cố được ý thức về giá trị của lịch sử, đoàn kết dân tộc và trách nhiệm công dân trong bối cảnh toàn cầu hóa.

4. Kết luận

Lồng ghép giáo dục lịch sử và tinh thần đại đoàn kết dân tộc vào giảng dạy ngoại ngữ không chỉ là một phương pháp giảng dạy đơn thuần, mà còn là một sứ mệnh thiêng liêng trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị cốt lõi của dân tộc. Đây là một hướng đi mới, sáng tạo vừa nâng cao chất lượng giáo dục, vừa giúp thế hệ trẻ hiểu và tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc, từ đó bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước. Để đạt được hiệu quả tối ưu, sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên, học viên và các nhà quản lý là điều kiện tiên quyết, tạo ra một môi trường học tập tích cực, sáng tạo và đầy cảm hứng. Qua đó, mỗi bài giảng, mỗi bài học sẽ không chỉ là kiến thức mà còn là những bài học sống động về lịch sử, về tinh thần đoàn kết và lòng yêu nước, là nền tảng vững chắc để thế hệ trẻ vững bước trong tương lai./.

VẬN DỤNG BÀI HỌC PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 VÀO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TẠI TỈNH QUẢNG NINH

ThS Trần Ngọc Sơn

Trung tâm Hợp tác đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực

Năm 2025, đánh dấu cột mốc 50 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025). Đây không chỉ là dịp để ôn lại một trong những chiến thắng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc mà còn là cơ hội để rút ra những bài học quý báu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ là phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, sáng tạo và khả năng thích ứng cao với sự phát triển của thời đại. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết mà còn là yếu tố then chốt để xây dựng một hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước. Việc nghiên cứu, vận dụng những bài học về phát huy nhân tố con người từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là việc làm cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

1. Bài học phát huy nhân tố con người từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Chiến thắng vang dội của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh phi thường của nhân tố con người Việt Nam. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược, con người đã trở thành trung tâm, là sự hòa quyện giữa sức mạnh vật chất và tinh thần. Sự kết hợp giữa ý chí, trí tuệ của con người với vũ khí, trang bị đã tạo nên một sức mạnh vô địch, đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đến thắng lợi hoàn toàn. Những bài học sâu sắc về phát huy nhân tố con người từ chiến thắng lịch sử này vẫn giữ nguyên giá trị.

Một là, luôn bám sát tình hình mặt trận, xây dựng và động viên, phát huy

sức mạnh cao nhất toàn dân tộc, quyết tâm chiến đấu giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Các cấp lãnh đạo, chỉ huy và cơ quan chính trị luôn sát cánh cùng chiến trường, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết, động viên tinh thần chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bước sang năm 1975, thời cơ chiến lược đã chín muồi khi quân địch suy yếu, còn lực lượng cách mạng miền Nam ngày càng lớn mạnh. Nghị quyết tháng 1 năm 1975 của Bộ Chính trị đã thể hiện ý chí thống nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, quyết tâm cao độ phát huy sức mạnh con người Việt Nam trong thời khắc lịch sử. Quyết tâm chiến lược "động viên những nỗ lực lớn nhất" để giành thắng lợi nhanh chóng và toàn diện đã được quán triệt sâu sắc. Trước chiến dịch, Tổng cục Chính trị đã chỉ thị rõ nhiệm vụ phát huy khí thế chiến thắng, nâng cao quyết tâm và trình độ mọi mặt của bộ đội. Nhờ công tác đảng, công tác chính trị chủ động và hiệu quả, toàn quân, toàn dân đã nắm vững tình hình, nhiệm vụ, sẵn sàng chớp thời cơ. Quyết tâm "thần tốc, táo bạo, bất ngờ" của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, thể hiện qua Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã được toàn dân tộc đồng lòng thực hiện, dẫn đến thắng lợi cuối cùng.

Hai là, các cấp ủy, chỉ huy và cơ quan chính trị đã không ngừng củng cố tinh thần, tư tưởng và tổ chức, tạo điều kiện tối ưu để nhân tố con người phát huy cao độ sức mạnh trong điều kiện chiến đấu gấp rút và trên mọi địa hình.

Mục tiêu then chốt là làm cho mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức sâu sắc thời cơ "ngàn năm có một" để giải phóng đất nước. Nhận thức rõ ràng về trách nhiệm lịch sử, về việc bỏ lỡ thời cơ là một sai lầm lớn, đã thúc đẩy tinh thần chủ động, sáng tạo, kỷ luật và ý thức chấp hành mệnh lệnh của toàn quân, toàn dân. Vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ được đề cao, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ được củng cố, tác động trực tiếp đến việc xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần cho bộ đội và phong trào nổi dậy của quần chúng. Công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên được tăng cường để phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Tuổi trẻ được khuyến khích phát huy vai trò xung kích. Công tác xây dựng chính quyền cách mạng và các hoạt động ở vùng mới giải phóng được chú trọng. Đặc biệt, việc biểu dương, khen thưởng kịp thời những cá nhân,

tập thể có thành tích xuất sắc đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu. Công tác cán bộ được chú trọng, bồi dưỡng nhanh cán bộ mới để đáp ứng yêu cầu chiến đấu và quản lý vùng mới giải phóng. Công tác dân vận, địch vận được đẩy mạnh, đặc biệt ở các đô thị mới giải phóng, thể hiện chính sách nhân đạo của ta đối với tù binh.

Ba là, sức mạnh tổng hợp của các lực lượng đã được huy động tối đa, với nhân tố con người là nòng cốt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Các binh đoàn chủ lực được thành lập và hành quân thần tốc về Sài Gòn. Hậu phương vững chắc, với sự đóng góp sức người, sức của của toàn dân, đã tạo điều kiện thuận lợi cho tiền tuyến. Các đòn tiến công quân sự mạnh mẽ đã tạo đà cho lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương nổi dậy giành chính quyền. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận, giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng đã làm nên chiến thắng lịch sử. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng sau 5 ngày, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Bài học về phát huy nhân tố con người, với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã được Đảng, quân đội và nhân dân ta quán triệt sâu sắc. Sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố chính trị tinh thần và tổ chức cán bộ, giữa sức mạnh vật chất và tinh thần, giữa con người và vũ khí đã tạo nên sức mạnh vô địch, đánh bại kẻ thù mạnh nhất. Trong suốt cuộc chiến, Đảng ta luôn đặt con người ở vị trí trung tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

2. Vận dụng vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại tỉnh Quảng Ninh

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một trong những sự kiện lịch sử trọng đại, thể hiện trí tuệ lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, tinh thần đoàn kết, ý chí kiên cường của toàn dân tộc. Những bài học kinh nghiệm từ thắng lợi này không chỉ có giá trị trong lịch sử mà còn mang ý nghĩa sâu sắc đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế hiện nay. Đối với tỉnh Quảng Ninh, việc vận dụng các bài học phát huy nhân tố con người từ Đại thắng mùa Xuân 1975 vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có vai trò quan trọng nhằm

xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Cụ thể:

Một là, tăng cường nội dung đào tạo thực tiễn: Cập nhật kịp thời các chính sách, nghị quyết mới của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ninh, đặc biệt là các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng chương trình đào tạo gắn liền với tình hình thực tế tại tỉnh Quảng Ninh, tích hợp các bài học thực tiễn từ công tác quản lý và phát triển địa phương, giúp cán bộ có thể áp dụng ngay kiến thức vào công việc thực tế. Tăng cường tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, diễn đàn đối thoại chính sách giữa các học viên với chuyên gia, lãnh đạo các cấp nhằm nâng cao khả năng phân tích, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề thực tế.

Hai là, phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao: Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp giảng dạy hiện đại, mời chuyên gia, nhà quản lý uy tín, giàu kinh nghiệm từ các cơ quan Trung ương, tỉnh Quảng Ninh và các viện nghiên cứu tham gia giảng dạy cho giảng viên về các chuyên đề gắn với thực tiễn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài tham luận, báo cáo chuyên đề gắn với thực tiễn địa phương nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Xây dựng cơ chế đãi ngộ hợp lý để thu hút giảng viên giỏi, có kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trẻ kế cận, đảm bảo tính kế thừa và phát triển bền vững.

Ba là, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy: Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy Quảng Ninh là yêu cầu cấp thiết. Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ cần tiếp tục triển khai các nền tảng đào tạo trực tuyến, xây dựng hệ thống học tập điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, đánh giá chất lượng đào tạo. Việc áp dụng các mô hình học tập linh hoạt, kết hợp giữa đào tạo trực tuyến và trực tiếp sẽ giúp nâng cao hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của cán bộ.

Bốn là, đổi mới phương pháp giảng dạy: Tích hợp phương pháp giảng dạy

linh hoạt, kết hợp giữa giảng dạy truyền thống với các công cụ công nghệ số như lớp học trực tuyến, bài giảng tương tác, sử dụng trí tuệ nhân tạo để cá nhân hóa nội dung học tập. Xây dựng hệ thống đánh giá kết quả học tập đa chiều, không chỉ dựa vào bài kiểm tra truyền thống mà còn đánh giá theo khả năng ứng dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề cụ thể. Đẩy mạnh hợp tác với các chuyên gia thực tiễn để tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm, giúp học viên có cơ hội tiếp cận với những kinh nghiệm thực tế và giải pháp sáng tạo trong công tác quản lý nhà nước, để nâng cao kỹ năng tư duy phản biện, xử lý tình huống của học viên.

Năm là, tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo: Mở rộng hợp tác với các học viện, trường đại học, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm cập nhật những xu hướng, nội dung mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phù hợp với thực tiễn và xu thế hội nhập. Phối hợp với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức mới, mở rộng các chương trình đào tạo liên kết giúp nâng cao chất lượng học tập. Tổ chức các chương trình thực tế tại các đơn vị, doanh nghiệp để học viên có cơ hội nghiên cứu áp dụng kiến thức vào thực tiễn, nâng cao kỹ năng lãnh đạo và quản lý.

Bài học phát huy nhân tố con người từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà còn là kim chỉ nam cho sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời đại mới. Trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mạnh mẽ với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu, vận dụng các bài học này trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ cấp thiết. Phát triển đội ngũ cán bộ không chỉ dừng lại ở việc nâng cao trình độ chuyên môn mà còn phải rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tinh thần đổi mới sáng tạo và tư duy chiến lược, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc vận dụng sáng tạo bài học từ Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ mà còn giúp địa phương xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh, năng lực, tầm nhìn chiến lược, góp phần vào xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại./.

**SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC:
BÀI HỌC TỪ ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG
KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC**

ThS Phạm Khánh Phương

Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đỉnh cao là Chiến thắng mùa Xuân năm 1975, đã chấm dứt sự tồn tại của chế độ nguy quyền, thống nhất đất nước, đưa dân tộc Việt Nam từ khói lửa chiến tranh sang một kỷ nguyên hòa bình, độc lập và phát triển. Chiến thắng mùa Xuân năm 1975 mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang vàng chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của dân tộc Việt Nam. Đây không chỉ là chiến thắng của quân và dân Việt Nam mà còn là bài học vô giá về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, có giá trị lý luận, thực tiễn và tính thời sự sâu trong kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam, với những giá trị, triết lý đạo đức và nhân sinh: “Nhiều điều phủ lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng”; “Lá lành đùm lá rách”; “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”... Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn khẳng định: Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của nhân dân ta; là vấn đề sống còn của cách mạng. Đoàn kết là tư tưởng cơ bản, nhất quán, xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Trong suốt tiến trình lịch sử, Đảng ta luôn khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc “là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chính là nhân tố quan trọng quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong cuộc chiến kháng chiến chống Mỹ cứu nước trường kỳ và gian khổ của nhân dân ta, với thành công vang dội là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã lần nữa khẳng

định vai trò, ý nghĩa của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, một nhân tố vô cùng quan trọng đưa đến chiến thắng hào hùng của Đảng và dân tộc ta.

1. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Nhà nước trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước sau Hiệp định Pa-ri có nhiều thay đổi, các nước lớn có những động thái thỏa hiệp lẫn nhau, viện trợ của các nước XHCN cho Việt Nam giảm dần và ngừng hẳn vào năm 1975, Bên cạnh việc Đảng ta vẫn kiên trì đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: Cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam; trong đó, con đường giải phóng miền Nam tiếp tục là con đường cách mạng bạo lực với chiến lược, sách lược đúng đắn. Đồng thời, trong quá trình kháng chiến, Đảng ta thường xuyên thay đổi điều chỉnh các phương án tác chiến, sách lược một cách kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn. Những thắng lợi của các hướng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, nhất là sau thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên, ta đã giành thế chủ động tiến công chiến lược, đưa chiến tranh cách mạng ở miền Nam phát triển nhảy vọt. Khi thời cơ lịch sử đến, Bộ Chính trị, Thường vụ Quân ủy Trung ương đã kịp thời điều chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam bằng việc hạ quyết tâm chiến lược chính xác, nhạy bén, mở các đòn tiến công chiến lược, kết thúc chiến tranh sớm hơn dự định ban đầu, từ kế hoạch là 2 năm (1975 –1976), sang kế hoạch rút xuống còn một năm, rồi quyết định xuống còn thực hiện trong gần 2 tháng, kết thúc trước mùa mưa, tốt nhất là trong tháng 4/1975. Đồng thời, tổ chức các đòn tiến công chiến lược vào những địa bàn, mục tiêu chiến lược của địch, tạo thời cơ chín muồi cho ta mở trận quyết chiến bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh. Những quyết sách đó đã trở thành ngọn cờ hiệu triệu toàn dân, toàn quân phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh, tiến hành tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường miền Nam, đánh tan quân địch, giành giải phóng, thống nhất đất nước.

Vận dụng vào giai đoạn hiện nay, giai đoạn Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Đảng ta cần tăng cường sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hoá, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân

làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; trong mọi tình huống, luôn quán triệt, quyết tâm thực hiện "không để ai bị bỏ lại phía sau" nhằm khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là ngọn cờ quy tụ, sự quản lý của Nhà nước là phương thức bảo đảm để đại đoàn kết toàn dân tộc thực sự là cội nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Kiên định, không ngừng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn... Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo và chất lượng công tác hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại. Kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa, triển khai đúng đắn, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, khắc phục sự yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện”

2. Sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

Tư tưởng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” đã được phát triển khai lên một tầm cao mới và trở thành biểu tượng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân; sự đoàn kết trong Đảng, đoàn kết trong dân, sự đoàn kết quân-dân, đoàn kết Bắc-Nam, đoàn kết các lực lượng yêu nước và tiến bộ cả ở trong và ngoài nước.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cả dân tộc Việt Nam vừa thể hiện quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược, vừa tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, của Bác Hồ, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng "chính nghĩa". Cả hậu phương miền Bắc ngày đêm đau đáu hướng về miền Nam ruột thịt, dốc sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Chỉ trong hai năm 1973 và 1974, đã có 25 vạn thanh niên miền Bắc nhập ngũ, trong đó không ít người là con độc nhất hoặc là người con cuối cùng của gia đình; hàng vạn dân công được huy động cùng các đơn vị bộ đội mở rộng các tuyến vận tải; 15 vạn cán bộ, chiến sĩ quân đội vào Nam chiến đấu; hàng vạn cán bộ, nhân viên kỹ thuật, thanh niên xung phong miền Bắc tình nguyện tới các vùng giải phóng công tác; 379.000 tấn vật chất được chuyển tới các mặt trận phía Nam, bằng 54% tổng khối lượng vật chất giao cho chiến trường miền Nam trong 16 năm trước đó. Riêng

trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, miền Bắc đã dốc toàn bộ sức mạnh của mình cho tiền tuyến lớn, với việc đưa nhanh vào miền Nam gần 12 vạn cán bộ, chiến sĩ; chi viện 230 nghìn tấn vật chất các loại, bảo đảm 81% vũ khí, 60% xăng dầu, 65% thuốc men, 85% xe vận tải⁶³. Quân và dân miền Nam luôn hướng về miền Bắc với niềm tin mãnh liệt vào Đảng, Bác Hồ, vào công cuộc xây dựng hậu phương miền Bắc; luôn coi miền Bắc là chỗ dựa, là đầu não của cách mạng và kháng chiến, từ đó có niềm tin sắt son, khí thế hào hùng tạo nên chiến thắng lịch sử.

Vận dụng vào thực tiễn hiện nay, hơn lúc nào hết, cần tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cả về ý chí và hành động. Muốn vậy, trước tiên phải đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải tăng cường nhận thức của đội ngũ bí thư cấp uỷ các cấp và những cán bộ chủ chốt của các cơ quan, đơn vị, địa phương về vấn đề đoàn kết trên cơ sở đường lối chính trị của Đảng và tình thương yêu giai cấp. Duy trì tốt các hoạt động nhằm bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong từng tổ chức đảng, trong đó chú ý nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ đảng, chi bộ; phát huy tính đảng của cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng; thường xuyên thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình; kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những biểu hiện mất đoàn kết, hữu khuynh, đoàn kết xuôi chiều. Từng cấp uỷ, tổ chức đảng cần có nội dung, biện pháp lãnh đạo chuyên đề thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và phát triển khối liên minh công - nông - trí thức làm cơ sở tập hợp mọi lực lượng, mọi tầng lớp trên địa bàn, tạo sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện thắng lợi những mục tiêu cách mạng cụ thể trong từng thời kỳ cụ thể, song cũng cần kiên quyết đấu tranh khắc phục cả khuynh hướng tư tưởng định kiến hẹp hòi, cả những biểu hiện dễ dãi, vô nguyên tắc trong việc tập hợp lực lượng, dẫn đến những sơ hở để kẻ xấu lợi dụng phá hoại tổ chức.

3. Phát huy vai trò của mặt trận đoàn kết trong vận động, tập hợp lực lượng, củng cố và tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

⁶³ Đại thắng mùa Xuân 1975 - *Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, H. 2011, tr.1138.

Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã xác định rõ rằng chiến thắng chỉ có thể đạt được nếu huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Do đó, Đảng đặc biệt coi trọng công tác xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết.

Năm 1955, tại miền Bắc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thành lập, đóng vai trò hạt nhân đoàn kết, quy tụ toàn dân xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến. Ở miền Nam, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời năm 1960. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sau khi ra đời đã quy tụ các tầng lớp nhân dân, tôn giáo, dân tộc, thành phần trí thức, công nhân, nông dân... cùng hướng tới mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tiếp đến, năm 1968, Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam được thành lập đã góp phần mở rộng mặt trận đoàn kết, thu hút thêm các lực lượng yêu nước, trong đó có cả những nhân sĩ, trí thức, những người từng làm việc trong chính quyền Sài Gòn nhưng có tinh thần dân tộc.

Quá trình huy động, 2 khối mặt trận đã tập hợp rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, tôn giáo, dân tộc, các nhân sĩ, trí thức yêu nước và tiên bộ, không phân biệt tuổi tác, giới tính... ở hai miền, đồng tâm, hợp lực vượt qua mọi khó khăn gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến cùng; làm tốt công tác tuyên truyền, bảo vệ cuộc đấu tranh chính nghĩa và lập trường hòa bình của nhân dân Việt Nam. Đồng thời, cùng với Tổ chức liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam không ngừng mở rộng, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các tổ chức này đã đóng vai trò quyết định trong việc tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân đấu tranh chính trị, binh vận, ngoại giao và cả vũ trang, kết hợp thế trận nhân dân với các chiến lược quân sự để từng bước làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của Mỹ - ngụy.

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong củng cố, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện mục tiêu này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần làm tốt vai trò nòng cốt, chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên đoàn kết các giai tầng, cá nhân tiêu biểu, phát huy cao độ vai trò

tiên phong của giai cấp công nhân, khơi dậy tiềm năng to lớn của giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và người lao động, bảo đảm thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng và hành động, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa; chủ động hoạt động đối ngoại nhân dân; kiên quyết bảo vệ, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị - xã hội, xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Cụ thể, cần "phát huy ngày càng tốt hơn vai trò chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị"⁶⁴. Tích cực vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng vững mạnh về "chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ", xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa "của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân"; thực hành dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, các chương trình mục tiêu quốc gia... do Đảng, Nhà nước phát động; thời cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, lời kêu gọi của Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư, Chính phủ và lãnh đạo Đảng, Nhà nước thành phong trào, chương trình hành động thiết thực; huy động mọi nguồn lực bằng nhiều hình thức khác nhau để triển khai phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ của cải và tính mạng của công dân...

4. Phát huy tinh thần đoàn kết và sức mạnh của nhân dân, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

Đảng Cộng sản Việt Nam phát huy cao độ sức mạnh truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam, tạo thành một khối đoàn kết, thống nhất. Đảng đã huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ, giành chiến thắng từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Bên cạnh đó, Đảng tổ chức và kết hợp thế, lực và thời cơ, kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, gắn đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp tiêu diệt địch, giành quyền làm chủ của nhân dân, từng bước kéo Mỹ xuống thang chiến tranh. Trong cuộc kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo toàn quân và toàn dân phải dựa vào sức mạnh của mình là

⁶⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.I, tr. 70,

chính, phát huy sức mạnh bên trong là chủ yếu, đồng thời phải đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế. Liên minh đoàn kết chiến đấu ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đã tạo nên một mặt trận quốc tế rộng lớn ủng hộ, củng cố quyết tâm đánh Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, sức mạnh tổng hợp của toàn dân vẫn là yếu tố quyết định sự thành công trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là nhiệm vụ của riêng lực lượng vũ trang, của quân đội mà là trách nhiệm của mỗi công dân, tất cả các tầng lớp, các thành phần dân tộc, của mọi lứa tuổi; từ việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đến tham gia vào các hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự xã hội. Việc huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong công tác bảo vệ Tổ quốc là một bài học quan trọng cần tiếp tục được phát huy trong thời kỳ hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh an ninh quốc gia phải đối mặt với nhiều yếu tố tác động từ bên ngoài.

Đồng thời, kết hợp sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước, giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy nội lực của đất nước; tăng cường sự ủng hộ, giúp đỡ, hợp tác của các nước, tận dụng triệt để các nguồn lực trong và ngoài nước; giải quyết hài hòa các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại, thực hiện tốt đường lối đối ngoại đa phương, mở rộng, thêm bạn, tạo nên sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước tiến lên theo con đường XHCN.

Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bài học về đoàn kết dân tộc vẫn giữ nguyên giá trị. Dù trong hoàn cảnh nào, mọi thành phần trong xã hội, từ các cơ quan nhà nước đến từng cá nhân đều phải hiểu rõ tầm quan trọng của sự đoàn kết, chung sức xây dựng đất nước vững mạnh và bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là bài học của quá khứ, bài học của Chiến thắng mùa Xuân 1975, mà tiếp tục là động lực chủ yếu, nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - TỰ HÀO VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THẾ HỆ TRẺ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

*ThS Bùi Thị Minh Huệ
Trường Đại học Hạ Long*

1. Mở đầu

Ngày 30/4/1975 đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một mốc son chói lọi, đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài hơn hai mươi năm. Đó không chỉ là thắng lợi về mặt quân sự, chính trị mà còn là biểu tượng về, tinh thần yêu nước bất diệt, ý chí kiên cường và khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của dân tộc Việt Nam. Kỷ niệm 50 năm Đại thắng mùa Xuân 1975 là dịp để tri ân sâu sắc những hy sinh to lớn của các thế hệ đi trước và cũng là cơ hội để thế hệ trẻ hôm nay – đặc biệt thế hệ sinh viên trường đại học Hạ Long nhìn nhận rõ hơn vai trò, trách nhiệm và sứ mệnh của mình trong việc tiếp nối truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc góp phần xây dựng, phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp, hùng cường.

2. Đại thắng mùa xuân 1975- mốc son lịch sử vĩ đại, bài ca khải hoàn chiến thắng

Sau 55 ngày đêm thần tốc và quyết chiến (kể từ Chiến dịch Tây Nguyên đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta đã toàn thắng. Chúng ta đã làm phá sản kế hoạch “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, đập tan nguy quân, lật đổ nguy quyền, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, giữ cho Sài Gòn được gần như nguyên vẹn. Đó là sự phát triển sáng tạo khoa học - nghệ thuật chỉ đạo kết thúc chiến tranh “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào”, thể hiện tầm cao của trí tuệ và văn hóa chính trị Việt Nam.

Với Đại thắng mùa xuân năm 1975, chúng ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên cả nước phát triển trong hòa bình, thống nhất, độc lập, tự do và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc ta trên trường quốc tế, làm suy yếu trận

địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần sụp đổ hệ thống chủ nghĩa thực dân dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.

Đại thắng mùa xuân năm 1975 là thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh với chân lý bất hủ: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Đó còn là thắng lợi tất yếu của sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình, sáng tạo của Đảng ta với đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, giương cao ngọn cờ “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” và phương pháp cách mạng sáng tạo “đánh lui từng bước, đánh đổ từng bộ phận để đi tới đánh đổ hoàn toàn kẻ địch”...

Đại thắng mùa xuân năm 1975 là thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với ý chí tự lực, tự cường dân tộc cùng những nguyên lý “lấy ít đánh nhiều, lấy yếu thắng mạnh”, “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”... đồng thời cũng là thắng lợi của lòng quả cảm, trí tuệ thông minh và tư duy sáng tạo của con người Việt Nam. Nhà báo người Pháp R. Ghilan đã nhận xét về người dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: “Nhân tố của cuộc chiến tranh này là cái nhân tố mà không có một bộ máy điện tử nào của Mỹ có thể tính nổi, nhưng đó lại là nhân tố quyết định: khả năng chịu đựng gian khổ phi thường của người Việt Nam. Khả năng này là phẩm chất vốn có của con người Việt Nam nhờ ý chí tự cường và lòng yêu nước cực kỳ mãnh liệt”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc” (2).

Đại thắng mùa xuân năm 1975 là một trong những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam và nhân loại tiến bộ trong thế kỷ XX. Nó chứng tỏ một chân lý, trong thời đại ngày nay, một dân tộc dù nhỏ với nền kinh tế chưa phát triển như Việt Nam, nhưng có chính nghĩa, có trí tuệ và tư duy sáng tạo cùng với lòng yêu nước

quả cảm, thì có thể chiến thắng bất cứ kẻ thù xâm lược nào, dù chúng có to lớn và tàn bạo đến đâu.

3. Tuổi trẻ trường Đại học Hạ Long viết tiếp trang sử hào hùng- Đại thắng mùa xuân 1975 trong kỷ nguyên mới

3.1. Tự hào, trân trọng và biết ơn sâu sắc thành quả cách mạng của Đại thắng mùa xuân 1975

Có thể nói, Đại thắng mùa xuân năm 1975 là một trong những thắng lợi vĩ đại nhất, một trong những chiến công hiển hách nhất trong lịch sử phát triển của dân tộc, cùng với chiến thắng Bạch Đằng (năm 1288, chống quân Nguyên – Mông), chiến thắng Đống Đa (năm 1789, chống quân Thanh), chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954, chống quân Pháp) đã ghi những dấu son vàng chói lọi trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Đại thắng mùa Xuân 1975 là minh chứng sống động cho sức mạnh vô địch của lòng yêu nước, của tinh thần đại đoàn kết dân tộc, và của sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thế hệ trẻ trường Đại học Hạ Long hôm nay vô cùng tự hào vì được sinh ra trên mảnh đất đã làm nên những chiến công lừng lẫy ghi dấu son trong lòng dân tộc và nhân loại; nơi có những con người trí tuệ, tinh anh, kiên trung một lòng vì nước vì dân; nơi có ngọn cờ hồng của Đảng soi đường chỉ lối với đường lối chiến tranh nhân dân đã phát huy sức mạnh đại đoàn kết phi thường của toàn dân tộc. Trân trọng, biết ơn vì được sống trong một đất nước hòa bình, tự do - điều tưởng chừng giản dị nhưng đã phải đánh đổi bằng những hy sinh mất mát không đo đếm được. Biết ơn những người anh hùng không tiếc tuổi xuân đã dành trọn đời cho đất nước; biết ơn những người mẹ Việt Nam nhỏ bé trong kháng chiến chống Mỹ đào hầm từ khi tóc xanh đến khi tóc bạc; biết ơn bao lớp người, thậm chí vô danh đã không tiếc máu xương để bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng. Mỗi bước đi hôm nay của thanh niên, sinh viên trường Đại học Hạ Long là sự tiếp nối của hành trình cách mạng, là tiếng vọng từ những chiến hào khói lửa, nhắc nhở về một thời không thể quên – thời của lòng dũng cảm, của lý tưởng cao cả và tinh thần bất khuất kiên cường.

Niềm tự hào ấy không chỉ dừng lại ở cảm xúc mà còn được thể hiện bằng hành động cụ thể: học tập không ngừng, sáng tạo trong lao động, dấn thân vì cộng

đồng, chủ động hội nhập quốc tế. Đó là lý tưởng sống đẹp, sống có ích – là khi mỗi sinh viên không ngừng trau dồi tri thức, đạo đức và bản lĩnh để góp phần dựng xây đất nước hùng cường. Đó là khi thanh niên, sinh viên trường Đại học Hạ Long biết kế thừa và phát huy giá trị truyền thống, không để bị hòa tan trong dòng chảy toàn cầu hóa mà vẫn giữ gìn bản sắc, văn hóa dân tộc.

3.2. Trách nhiệm viết tiếp trang sử hào hùng- Đại thắng mùa xuân 1975

Từ ánh sáng rực rỡ của Đại thắng mùa Xuân 1975, thế hệ trẻ Việt Nam nói chung, sinh viên trường Đại học Hạ Long nói riêng không chỉ tự hào mà còn ý thức sâu sắc hơn bao giờ hết về trách nhiệm, vai trò của mình đối với Tổ quốc, dân tộc. Đó là trách nhiệm giữ gìn nền hòa bình, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, hùng cường. Trách nhiệm đó được thể hiện ở những hành động, việc làm cụ thể:

3.2.1. Chủ động học tập, nghiên cứu khoa học với tinh thần đổi mới, sáng tạo

Thanh niên, sinh viên trường Đại học Hạ Long là lực lượng then chốt, rường cột của tỉnh, của nước nhà. Nhận thức rõ vai trò và sứ mệnh của mình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trong kỷ nguyên mới- kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, sinh viên Trường Đại học Hạ Long không ngừng nỗ lực học tập, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Trên giảng đường, trong phòng thí nghiệm hay qua các dự án cộng đồng, sinh viên nhà trường luôn phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và khát vọng vươn lên để khẳng định bản thân và góp phần tạo ra những giá trị mới cho xã hội.

Trong thời đại chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0, việc học không chỉ dừng lại ở tiếp thu kiến thức một chiều, mà cần chuyển sang mô hình học tập tích cực, tương tác, khai thác đa dạng nguồn học liệu và ứng dụng công nghệ thông tin. Sinh viên Đại học Hạ Long đã và đang tiếp cận hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, tham gia các nhóm học thuật, các cuộc thi nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo do nhà trường tổ chức hoặc phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Thông qua đó, sinh viên vừa được rèn luyện kỹ năng chuyên môn đồng thời

được hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu – một phẩm chất quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tinh thần đổi mới, sáng tạo cũng được thể hiện rõ nét trong các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học của sinh viên. Từ các sáng kiến về bảo tồn văn hóa địa phương, phát triển du lịch xanh, ứng dụng công nghệ trong dạy học, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đến các mô hình khởi nghiệp gắn với tiềm năng của tỉnh Quảng Ninh – tất cả đều cho thấy khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhiều công trình nghiên cứu của sinh viên đã đạt giải thưởng cấp trường, cấp tỉnh và được ứng dụng vào cuộc sống, qua đó góp phần khẳng định vị thế và chất lượng đào tạo của Đại học Hạ Long trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Bên cạnh đó, sinh viên nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật và thái độ học tập nghiêm túc. Các hoạt động học thuật, seminar chuyên đề, diễn đàn sáng tạo trẻ, ngày hội nghiên cứu khoa học sinh viên... đã trở thành những sân chơi tri thức bổ ích, nơi sinh viên thể hiện bản lĩnh, ý tưởng và khả năng hợp tác liên ngành. Qua đó, hình thành nên thế hệ sinh viên không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm – những phẩm chất thiết yếu của công dân toàn cầu trong thế kỷ XXI.

Học tập và nghiên cứu khoa học với tinh thần đổi mới, sáng tạo chính là cách sinh viên Trường Đại học Hạ Long thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với thế hệ đi trước, cụ thể hóa niềm tự hào về Đại thắng mùa Xuân 1975 bằng hành động thiết thực trong thời đại mới. Đó cũng là con đường để thế hệ trẻ tiếp nối truyền thống cách mạng, khẳng định vai trò tiên phong, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

3.2.2. Tích cực tham gia các phong trào đoàn thể, cống hiến vì cộng đồng

Bên cạnh nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học, sinh viên Trường Đại học Hạ Long còn tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, phong trào thanh niên với tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết và cống hiến. Đây không chỉ là môi trường rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng xã hội mà còn là minh chứng sống động cho lối sống nhân ái, nghĩa tình, mang đậm bản sắc của tuổi trẻ Việt Nam trong thời đại mới.

Thông qua các phong trào lớn như: “Thanh niên tình nguyện vì cộng đồng”, “Sinh viên 5 tốt”, “Tuổi trẻ sáng tạo”, “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Hiên máu nhân đạo”, hay các chiến dịch tuyên truyền bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy và bạo lực học đường... sinh viên nhà trường không chỉ lan tỏa giá trị nhân văn mà còn đóng vai trò là lực lượng xung kích trong các hoạt động xã hội. Những hình ảnh sinh viên tình nguyện vùng cao, vùng sâu giúp đỡ bà con nhân dân; những buổi dọn rác, trồng cây, hỗ trợ người già neo đơn, trẻ em khuyết tật... đã trở thành những dấu ấn đẹp trong hành trình trưởng thành của những bạn trẻ mang áo xanh tình nguyện.

Từ các Liên chi đoàn, Liên chi hội, Câu lạc bộ, Đội, Nhóm đến tổ chức Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên của nhà trường, các phong trào được tổ chức ngày càng bài bản, chuyên nghiệp, sát với nhu cầu thực tiễn và định hướng rèn luyện toàn diện cho sinh viên. Chính những hoạt động đó đã tạo nên một môi trường phát triển năng động, giúp sinh viên nâng cao năng lực tổ chức, điều hành, tư duy lãnh đạo và tinh thần làm việc nhóm – những kỹ năng quan trọng giúp các em tự tin bước vào cuộc sống, hội nhập sâu rộng với xã hội.

Tham gia phong trào đoàn thể, cống hiến cho cộng đồng cũng chính là cách sinh viên trường Đại học Hạ Long thể hiện tinh thần yêu nước trong thời bình, cụ thể hóa lý tưởng cách mạng trong từng hành động giản dị nhưng đầy ý nghĩa. Đó là sự tiếp nối dòng chảy truyền thống của dân tộc – từ những chiến sĩ năm xưa làm nên chiến thắng lịch sử 1975 đến thế hệ trẻ hôm nay đang góp sức nhỏ bé của mình vào công cuộc dựng xây đất nước.

Hình ảnh sinh viên Đại học Hạ Long năng động, trí tuệ, trách nhiệm và giàu lòng nhân ái chính là minh chứng cho thế hệ trẻ sống có lý tưởng, có mục tiêu, biết cống hiến, dấn thân vì lợi ích cộng đồng và vì sự phát triển bền vững của quê hương, đất nước. Tinh thần ấy cần được gìn giữ và lan tỏa mạnh mẽ, để mỗi sinh viên đều ý thức rằng: sống có ích, sống đẹp, sống tử tế là cách thiết thực nhất để viết tiếp trang sử hào hùng mà các thế hệ cha anh đã tạo dựng trong Đại thắng mùa xuân 1975.

3.3.3. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch

Trong thời đại bùng nổ thông tin, chuyển đổi số và toàn cầu hóa, bên cạnh những thời cơ lớn lao, đất nước ta cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức về mặt tư tưởng, chính trị, nhất là sự gia tăng hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Chúng lợi dụng internet, mạng xã hội để xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành quả cách mạng, gieo rắc tư tưởng lệch lạc, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động tư tưởng cực đoan trong giới trẻ. Trước thực tế ấy, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành yêu cầu cấp thiết, quan trọng, trong đó thanh niên, sinh viên trường Đại học Hạ Long là lực lượng xung kích, tiên phong trên mặt trận ấy.

Với bản lĩnh chính trị vững vàng, với tri thức được trang bị từ mái trường xã hội chủ nghĩa, sinh viên Trường Đại học Hạ Long luôn ý thức tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức, cảnh giác, và chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng trên không gian mạng cũng như trong đời sống thực tiễn. Trên cơ sở thâm nhuần quan điểm, đường lối của Đảng, sinh viên có trách nhiệm phát hiện, nhận diện, phản bác các luận điệu sai trái, những thông tin xuyên tạc, bóp méo lịch sử, phủ nhận thành quả cách mạng hay xúc phạm lãnh tụ, bằng lập luận sắc bén, bằng tiếng nói chính nghĩa, bằng những hành động thiết thực trong học tập, rèn luyện và công tác tuyên truyền.

Đồng thời, sinh viên cũng cần nỗ lực học tập, tu dưỡng đạo đức, trau dồi tư duy phản biện, bản lĩnh truyền thông và kỹ năng sử dụng công nghệ để trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng – văn hóa. Việc chia sẻ thông tin tích cực, lan tỏa những giá trị nhân văn, tôn vinh lịch sử dân tộc, gương người tốt việc tốt... chính là cách thiết thực để bảo vệ trận địa tư tưởng của Đảng trong lòng nhân dân, đặc biệt là trong giới trẻ.

Mỗi thanh niên, sinh viên Trường Đại học Hạ Long hôm nay cần tự ý thức rằng: bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là nhiệm vụ của riêng lực lượng chuyên trách, mà còn là trách nhiệm của chính thế hệ mình - những chủ nhân tương lai của đất nước, lực lượng quyết định sự trường tồn của lý tưởng cách

mạng. Thế hệ trẻ không chỉ tiếp nhận di sản lịch sử từ Đại thắng mùa Xuân 1975, mà còn có nhiệm vụ giữ gìn và phát huy bằng bản lĩnh, trí tuệ và tinh thần hành động của mình trong thời đại mới.

4. Kết luận

Tự hào về quá khứ, vững bước trong hiện tại, sẵn sàng hướng tới tương lai – đó chính là tinh thần cốt lõi mà thế hệ trẻ trường Đại học Hạ Long hôm nay mang trong tim mình khi nhớ về Đại thắng mùa Xuân 1975. Để từ đó, họ viết tiếp khúc tráng ca của dân tộc bằng tất cả nhiệt huyết, con tim, khối óc của tuổi trẻ. Từng việc làm nhỏ bé, mỗi hành động tích cực của thanh niên, sinh viên trường Đại học Hạ Long – từ việc học tập tốt, khởi nghiệp sáng tạo, đến tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng chính là cách thể hiện niềm tự hào, lòng biết ơn sâu sắc đối với thế hệ cha ông đi trước, là mong ước và khát vọng muốn viết tiếp để có thêm những mùa xuân tươi đẹp cho dân tộc, Tổ quốc Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tập 37, tr.471
3. Trần Văn Trà (1982), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, NXB Quân đội Nhân dân.
4. Website Tỉnh đoàn Quảng Ninh, Trường Đại học Hạ Long, thông tin tuyên truyền lịch sử.